



ĐÔNG HỒ . BÙI KHÁNH ĐÀN
PHAN DU . ĐỖ TẤN . TẠ TỶ
ĐÌNH HÙNG . HOÀI KHANH
THANH TÂM TUYỀN . Y UYÊN
THẾ UYÊN . DƯƠNG NGHIÊM MẬU
DOÃN DÂN . NH. TAY NGÀN
ALBERT CAMUS . J.-P. SARTRE
THƯ TRUNG . TRẦN THIỆN ĐẠO
NG. MINH HOÀNG . XUÂN HIẾN
ĐÌNH HÙNG : NGUYỄN BÌNH, KÈ
THIỆU QUÊ HƯƠNG NGAY GIỮA QUÊ HƯƠNG

TUYỂN TẬP THƠ VĂN



TẬP-SAN VĂN-CHƯƠNG TƯ-TƯỞNG NGHỆ-THUẬT

NĂM THỨ BA • SỐ 58 • RA NGÀY 15 THÁNG V NĂM 1966

đọc trong số này :

- | | |
|--|------------------------------------|
| 2. son sắt vèo tan cát bụi đời (thơ) | đông hồ |
| 5. trong đà gió lốc (truyện) | phan du |
| 17. tiếng gọi chân hương — chân cảm (thơ) | bùi khánh đản |
| 18. hai mươi năm (thơ) | đỗ tấn |
| 19. thể đó (truyện) | tạ ty |
| 33. hồi thanh (thơ) | hoài-khanh |
| 35. bản tình ca thứ hai (truyện) | thế-uyên |
| 46. tìm chim (thơ) | trần tuần kiệt |
| 47. Kinh-Kha con chủ thủ và đất Tăn bất trắc | dương nghiêm mậu |
| 65. một ngày việt-nam mai sau (thơ) | thái-tú-hợp |
| 67. bão khô (truyện) | y uyên |
| 81. tiếng buồn đuổi theo (truyện) | doãn dân |
| 98. sa đọa (truyện kể) | a. camus — trần thiện-đạo dịch |
| 103. nụ cười (thơ) | nh. tay ngàn |
| 105. văn chương là gì ? (luận) | j.-p. sartre — ng. minh-hoàng dịch |
| 113. Nguyễn Bính, kẻ lưu đầy... | đình hùng |
| 124. ung thư (truyện dài) | thanh-tâm-tuyền |
| 130. tin văn vấn | thư-trung |
| 134. chém treo ngành (thơ vui) | xuân-hiến |
| 136. lại trả lời ông Duyên-Anh | trần phong-giao |

HÌNH DẪI: ANH « XÓM NGHÈO » CỦA VĂN-THANH



Tòa-soạn và Trị-sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn, Đ.T. : 23.595

Bán - nguyệt - san Văn - chương ■ Tư - tưởng Nghệ - thuật

- Chi-phiếu, bưu-phiếu để tên ông Nguyễn-đình Vượng (chủ-nhiệm)
- ★ Thư-từ, bản-thảo, ấn-phẩm để tên ô. Trần Phong-Giác (thư-ký tòa-soạn)
- Bán-nguyệt-san xuất-bản do nghị-định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963
- ★ In tại nhà in riêng của báo VĂN. Quản-lý : Nguyễn-đình Vượng



thân gửi bạn đọc,

Cùng với mức độ gia tăng của chiến cuộc, sự góp mặt của đám chiến binh viễn xứ càng ngày càng trở nên đông đảo trên đất nước ta. Một số nhà văn đã đề tâm quan sát đến những xao động, đổi thay mà những người xa xứ ấy đã đem đến đất nước này. Tuy không được tập hợp dưới cùng một chủ đề nhưng bạn đọc sẽ nhận thấy những đổi thay, xao động ấy trong một số sáng tác được trình bày trong tuyển tập này.

Trong số tới, VĂN sẽ mời bạn đọc GRAHAM GREENE, một nhà văn lớn của Anh - quốc không hẳn là xa lạ với độc giả Việt - nam — nhất là sau khi ông viết cuốn THE QUIET AMERICAN, đề cập tới cuộc chiến ở Việt - nam mà bản Việt-dịch đang được đăng tải trên Tập - san VĂN HỌC. Ngoài những bài nhận định phỏng vấn, VĂN sẽ giới thiệu tác phẩm mới nhất cùng vài đoạn thiên chọn lọc của GREENE.

Riêng với những bạn thường biên thư yêu cầu VĂN ấn hành những số viết về các nhà văn Việt-nam, chúng tôi xin nhắc các bạn cứ an tâm. Tòa-soạn VĂN không hề lãng quên các bạn và hiện đang sửa soạn nhiều số về các nhà văn, nhà thơ Việt-nam. Ngay khi nào thuận tiện, chúng tôi sẽ loan tin đề quý bạn rõ.



son sắt vèo tan cát bụi đời

ĐÔNG-HỒ

I

Đã khép không gian mé vực đời
Thời gian dần héo phút giây tươi
Chẳng tô non nước xanh muôn thuở
Mà đốt phong yên đỏ bốn trời
Chiến sĩ hãy gò cương ngựa sỏi
Sa trường đừng xéo cánh hoa rơi
Máu xương bán rẻ cho thiên hạ
Quăng chén hàm ca cát tiếng cười.

II

Quăng chén hàm ca cát tiếng cười
Bình minh chi biết gió mưa rơi
Vườn thơ cỏ rắc hương đầy đất
Biển hận triều dâng sóng lụt trời
Quan tái chìm ngoài mây tím lạng
Lâu đài nổi giữa nắng hồng tươi
Ngày mai ngày một ngày kia nữa
Cũng một ngày nay cũng một đời.

III

Cũng một ngày nay cũng một đời
 Tiêu hoang cho hết phần son tươi
 Mực bôi thanh sử loang màu máu
 Mây ngả hoàng hôn nhuộm bóng trời
 Ánh nguyệt mài mòn thanh kiếm sắc
 Cung đàn rung lạnh hạt châu rơi
 Đêm đêm sách lịch nhàu trang chữ
 Xáo trộn nghìn thu khóc lẫn cười.

IV

Xáo trộn nghìn thu khóc lẫn cười
 Vàng phai ngọc nát tuyết băng rơi
 Nở chi lỗi hẹn hoa nghiêng nước
 Luyện cũng hoài công đá vá trời
 Dòng nước trắng xưa gương chứa
 khuyết
 Bài thơ trình trắng vắn còn tươi
 Hỡi ơi ! Sa mạc niềm son sắt

V

Son sắt vèo tan cát bụi đời
 Thu rồi chi đợi có xuân tươi
 Nhớ thương ai để gầy năm tháng
 Đau xót mình đem ủ đất trời
 Đã thấy băng khuâng hồn lá rụng
 Còn nghe xao xuyến ý hoa rơi
 Viết cho mực cạn nguồn cay đắng
 Từng giọt trao tay giọt điểm cười.

VI

Từng giọt trao tay giọt điểm cười
 Mà nghe nức nở máu tim rơi
 Cách xa thế hệ đôi bờ mộng
 Thu hẹp tâm tư một mảnh trời
 Ngã rẽ lạnh lùng chiều nắng nhạt
 Lối ngừng lưu luyến bước xanh tươi
 Ai mua tâm sự cho mình bán
 Tội nghiệp tài hoa giữa chợ đời.

PHAN - DU

trong đà gió lốc

Bảo rằng chị em Hạnh-Hoa không lành nghề thì cũng hơi oan. Diễm đáng trách là cả hai đều có một tác phong lối nhịp với cái đà tiến bộ quá nhanh vội của nghề nghiệp. Hạnh-Hoa, cũng như Bích-Châu, khác lạ, xa xăm hẳn với đám chiêu đãi thuộc đợt sóng mới, ngộ và trắng trẻo, sành điệu gợi cảm, tống tình, xuất hiện nhan nhản trong các tiệm giải khát, sò-nách-ba mọc lên như nấm ở các đô thị, thị trấn, nhất là từ ngày có sự góp mặt rất đông đảo của đám chiến sĩ viễn xứ...

Cả hai chị em đều có vẻ trầm lặng, rụt rè, khép nép, giống hệt những a-a-hoàn phục dịch trong các gia đình quyền quý thời phong kiến xưa. Họ bước đi rất khẽ, nói rất nhỏ, cử động rất dè dặt. Gương nhẹ, ý tứ đến nỗi, lắm lúc, sự hiện diện của họ trở thành chập chờn, hư ảo như những ảnh tượng trong xứ mộng.

Mỗi lúc tôi ngồi vào bàn thì, không biết từ đâu, Hạnh-Hoa lại vụt hiện ra trong một phút bất thần. Nàng đứng nép người bên chiếc tủ kính đựng rượu, bánh, hai bàn tay chắp ngang ngực, rồi vừa bóp nhẹ những ngón tay thon mềm, vừa hỏi tôi bằng những tiếng lí nhí trong mồm. Khi đã biết tôi cần dùng thứ gì, nàng lại

Sau đó giây lát, lại đến lượt Bích-Châu xuất hiện. Cũng âm thầm, lặng lẽ như cô chị, nàng bày biện các thức đã gọi lên bàn, rồi cũng biến đi, mất hút. Cả hai thật đã khéo giống nhau. Đối với bất cứ ai, dầu thuộc hạng tuổi nào, hai cô ả vẫn giữ nguyên cái cung cách vừa khiêm tốn, vừa lạnh lùng như vậy. Không một cái nhìn, không một nụ cười, cũng không một câu nói, câu hỏi, một cử chỉ dư thừa nào có thể tạo được một nhịp cầu tương giao, dầu chỉ trong giây lát, giữa hai chị em với đám khách hàng mà cả hai phải tiếp xúc, phục vụ hàng ngày.

Thú thực trong mấy tuần đầu, lối thù tiếp quá giản lược và dè dặt ấy làm tôi bực mình, tuy cách thể biểu hiện của hai chị em Hạnh-Hoa có vẻ trang trọng đáng yêu. Tôi vốn thuộc hạng khách hàng chỉ cần đi tìm cái ngon thực sự của một cốc cà-phê hay một ấm trà thơm khéo pha chế, hơn là cái vui tạo nên bởi âm nhạc, thanh sắc hay cái nghệ thuật chiêu đãi của các cô gái rượu. Nhưng cũng chính vì thế mà tôi càng thấy bực mình hơn ai. Cái vẻ khép nép, rụt rè, đáng e lệ lúc nào cũng thích ần náu, biến hình của hai chị em thường khiến tôi đâm ra ngần ngại, mỗi lúc cần được làm phiền. Một châu cà phê, một tiệc trà đúng điệu thường có biết bao nhiêu những chuyện bất trắc có thể xảy ra, cần phải cầu cứu đến sự can thiệp nhà nghề của những bàn tay chiêu đãi. Một ống lọc bị nghẹt. Một bình thủy chứa nước chưa đúng độ nóng. Một đĩa bánh thiếu hương vị thích hợp cần đổi thay. Một cái bật lửa ừ lì, ngoan cố hay lạc lỏng vào đâu tìm mãi chẳng ra. Một ấm trà tít mất vôi... Thực là vô số những chuyện cần thiết lặt vặt như thế, nhưng mỗi lúc phải lâm vào những trường hợp bí beng này, cứ nghĩ đến cái cung cách của hai nàng, tôi lại phải hoặc im lặng cho qua, hoặc tìm cách xoay xở lấy, vì như thế còn đỡ phiền hơn là phải mất công truy hỏi hai cái bóng ma cổ tình ần náu.

Nhưng nỗi bực mình ấy, chẳng bao lâu, lại được xoa dịu bởi cái khung cảnh nơi này. Khi sự gần bó với những cốc cà-phê hay những ấm trà thơm, ở các cửa tiệm giải khát, đã mang cái ý nghĩa của sự đi tìm cái thú được rút lui vào cõi cô đơn heo hút ngay

thanh quý như ngọc chuốt. Tôi được ngắm kỹ Hạnh-Hoa vào những dịp đó. Mỗi lúc ngó lời khen ngợi, tôi lại bất ngờ gặt hái được những nụ cười hiếm hoi, thoáng hiện trên đôi môi hình quả tim rồi héo tắt vội vàng, vội vàng như đôi gò má vừa ửng hồng vì bên lén đã cúi vội xuống để lần trốn theo bóng người lần trốn. Và lâu dần dưới mắt tôi, Hạnh-Hoa trở thành một thứ tượng số cần được chiêm nghiệm, vì luôn luôn, ở nàng, và trong cách thể biểu hiện của nàng, có những gì khơi gợi, cho trí óc tôi, nhiều câu hỏi khó giải đáp.

Mười tám mùa xuân. Rất đẹp. Chuyện đó thường quá. Tuổi tác, nhan sắc, những cái đó thực chẳng có gì quan hệ lắm đối với những câu hỏi rắc rối thường ve vãn, quấy rầy tâm trí tôi, trong những phút uống trà tại cửa tiệm « Nhị Kiều » — cái tên do đám khách hàng tự tạo ra để gọi cái phòng trà vô danh và không chịu mang bằng hiệu này — . Cả đến những đặc điểm của nhan sắc hay của con người nàng cũng vậy. Hạnh-Hoa có một gương mặt thuần túy Á-đông. Á-đông từ cặp mày vòng nguyệt thanh tú, đến cặp mắt bồ câu trong sáng màu sắc thanh bình, cái sống mũi dọc dừa thẳng thắn, đứng lại vừa đúng lúc trên đôi môi hình quả tim mụ mẫm, tạo nên cho dung nhan nàng một sự cân đối tuyệt mỹ như lối kiến trúc đầy nhịp nhàng của một bài Đường-thi. Gương mặt thuần túy Á-đông ấy lại đi đôi với một tầm vóc nở nang theo kiểu tây-phương. Nhưng những chi tiết này cũng chẳng quan hệ gì nốt.

Vì điểm làm cho tôi thường coi Hạnh-Hoa như một tượng-số cần được chiêm nghiệm không phải là những chi tiết này, mà chính là cái lối biểu hiện có phần mâu thuẫn, nghịch lý, giữa bản chất của nàng và những cung cách, điệu bộ quá ý tứ, nét na, khuôn phép. Có những gì trong vẻ nồn nà, mơn mớn, nhất là trong dáng lảo lỉnh, thông minh, si đại phát hiện một cách thăm kín từ những đôi mắt khéo miệng của thiếu nữ tâm lạnh, nhu thuận này, thường tiết lộ với những cặp mắt biết nhìn, một bản chất sống mới sung nẩy, sôi động những ần nấu bên trong. Lắm lúc tôi cho đấy chỉ là một lối suy diễn chủ quan căn cứ vào tuổi tác, sắc đẹp của nàng, nhất là vào những phong thái phóng túng lả lơi man trá nhờ hiển của thể hệ mà nàng tùy thuộc. Tôi tự

cười tôi về cái bệnh chụp mũ, và đâm lo không khéo những ấn tượng do thực trạng xã hội tạo nên đã làm sai lệch cái nhìn của tôi.

Nhưng rồi, nhân một dịp mạn đàm với một ông công chức già cũng thường đến dùng thức điểm tâm và uống trà tại đây, tôi mới tin chắc rằng sự cảm nghiệm của tôi không phải là một chuyện võ đoán vì định kiến.

— Không có gì lạ cả. Hai chị em chúng nó đều là con ông chủ tiệm chứ đâu phải là bọn chiêu đãi chuyên nghiệp. Nhà này vốn là nhà lễ giáo. Ông Chưởng — chủ tiệm — cũng là công chức về hưu trí từ lâu. Vì gia cảnh có phần chật vật, nhất là sau ngày bà ấy chết đi cách đây hai năm, nên ông ta mới phải mở tiệm này. Mở được cũng là nhờ có hai đứa con gái. Chúng nết na mà lại giỏi về gia chánh. Bà Chưởng trước kia, về cái tài nấu nướng, bánh trái thì phải biết, nổi tiếng ! Bọn này bây giờ cũng vậy. Ông thường dùng ca-ri, ra-gu hay các món nhậu ở đây cũng biết đấy... thực không chê được.

Rồi tỏ vẻ thương hại, ông bạn già, sau khi liếc nhìn hai chị em Hạnh Hoa vừa lướt nhẹ qua giữa các bàn giải khát, hạ giọng bảo nhỏ :

— Tội nghiệp. Chúng có nết như thế cũng là một chuyện hiếm có đấy nhé. Con gái thời này, lại đẹp, mà lại làm cái nghề này, lại chung đụng ngày ngày với các ông “nhất quỷ, nhì ma” ấy nữa... Nhưng vì ông cha chúng nghiêm lắm. Gia phép nhà này còn vững lắm. Đừng tưởng ông ta không có mặt ở đây mà dễ dưng. Tuy suốt ngày ở đâu tận nhà sau, chứ nhất cử nhất động ông ta đều theo dõi sát nút. Nhỡ có cái gì khả nghi giữa chúng với bọn trai trẻ năng tới lui ăn uống thì, tối đến, lúc vắng khách, là ông cụ kiểm thảo và cho ăn đòn, bất kể chết sống.

Vì những điểm tiết lộ này mà từ đấy, mỗi lúc ngấm nhìn hai chị em Hạnh-Hoa, tôi lại phải lan man nghĩ tới những thứ cây non đại đang sung sức vươn lên, nhưng rồi phải chùn mình, gục ngọn, dưới cái thế gò ép, cưỡng chế tàn nhẫn của những bàn tay sành sỏi nghệ thuật uốn nắn kiềng vật. Tôi nhớ tới mấy gốc giành, gốc

mai, mấy cum từng quí của ông cụ Yên-Nam, một tay sành chơi cây kiềng và cờ đồ, bạn thân của cha tôi. Tôi nhớ lại cái cảm giác ngọt ngạt khó thở mà các thứ kiềng vật này thường gợi ra trong tôi trước cái trạng thái bị trói buộc, kiềm hãm để chịu một biến hình tùy theo ý muốn của ông cụ. Tôi ít thích đến nhà ông cụ Yên-Nam là chỉ vì thế. Tôi muốn tránh cái cảm giác nặng nề, khó chịu ấy. Nhưng giờ đây, ngày lại ngày, với Hạnh-Hoa và Bích-Châu, tôi lại phải ngắm nhìn những gì còn đáng thương xót hơn những thứ kiềng vật. Vì đây không phải là một loại thảo mộc vô tri, vô hồn, mà là những con người, những thiếu nữ đang vươn lên với tuổi dậy thì.

Điểm tiết lộ sau cùng còn quấy động lên trong tôi một cái gì gần như sự kinh tởm, một phản ứng chống đối đầy phản nộ. Hình ảnh cụ Yên-Nam và những cây kiềng, bàn tay sành điệu uốn nắn của cụ lại vụt hiện ra. Nhưng lần này, tôi thấy bàn tay ấy có phần còn ít tàn nhẫn hơn bàn tay uốn kiềng người của ông chủ tiệm. Vì hai cô con gái nhà này không những phải chịu đựng cái thể kiềm hãm, thúc phụt chặt chẽ của một thứ gia pháp nghiêm khắc — chuyện đó chưa hẳn đáng trách và than phiền — mà còn phải chịu cả một thử thách thường xuyên giữa một môi trường đầy rẫy sức cám dỗ, mà cả hai chị em đã bị ném vào vì một ông cha vừa muốn bảo vệ lễ giáo, lại vừa phải vì vấn đề sinh lợi, chọn một lối mưu sinh lúc nào cũng thách đố, đe dọa cái nền lễ giáo cần được bảo vệ đến cùng của ông ta. Qua cái dáng rút rè, khép nép, cái ý tứ và sự dè dặt của Hạnh-Hoa và Bích-Châu, tôi có cảm tưởng chừng như lúc nào cả hai chị em cũng bị ám ảnh bởi một cái bóng vô hình, một vị giám sát vô hình, lẩn quất trong cửa tiệm này để dòm hành, theo dõi từng cử động, từng câu nói, tiếng cười... Tôi càng tin như thế hơn, khi tôi nhìn lên bức ảnh bán thân to lớn của ông cụ, trong chiếc khung lồng kính treo ngay ở đầu tường phía bên tả. Ảnh mặc quốc phục. Rất đạo mạo, với một khuôn mặt chữ điền rắn rỏi. Cặp chân mày bạc hơi nhều lại trên cặp mắt cú vọ, sâu thẳm. Cặp mắt ấy như nhìn tất cả mọi người, như nhìn khắp nơi, nhưng chắc là chúng đổ dồn cả vào hai cô con gái, ném gửi không ngừng những tia lửa đe dọa, những lời huân từ,

rắn đẽ. Và cả đôi môi mím chặt với những nét nhăn sâu đậm đồ xuống hai bên cũng biểu lộ một vẻ nghiêm nghị pha lẫn dáng cau có đáng gờm sợ. Đôi môi kín đáo, câm lặng bản bật, nhưng lại gọi cho người ta cái ý nghĩ rằng nó sẵn sàng bật lên thành tiếng, găm thét ra khỏi, ra lửa trước mỗi cử chỉ tổn thương đức hạnh bất gặp được ở hai cô con gái.

Ngày ngày, ngắm nhìn hai chị em Hạnh-Hoa, và bức chân dung ông cụ, cái cảm giác ngọt ngạt gây nên bởi các thứ kiềng vật của cụ Yên-Nam càng sống dậy trong tôi. Bức ảnh dưới mắt tôi, trở thành cái biểu tượng của một thứ uy lực tuyệt đối, một thứ quyền hành độc đoán của kẻ làm cha, được duy trì, tồn tại bởi một phép lạ nào đó, và cửa tiệm này, với những gì mà ông bạn công chức già đã tiết lộ, quả là một cái thành trì cuối cùng của lễ giáo nghìn xưa, một thành trì lẻ loi, cô độc như một ốc đảo bé nhỏ giữa sa mạc mênh mông, nhưng vẫn đương đầu một cách ngạo nghệ, đầy thách thức, với sức tàn quét mãnh liệt của một ngọn cuồng phong, trong đó, đang quay cuồng theo cả một cuộc sống.

Nhưng cái thắc mắc ám ảnh mãi tôi là những cây kiềng người này đã thực sự chịu ép một bề dưới sức uốn nắn, cắt xén của bàn tay ông cụ chưa? Cái bí quyết uốn kiềng người của cụ Chưởng có đủ sức hủy diệt được chẳng cái khuynh hướng được triển khai tự do, phóng túng theo tính phân của giống mai, giống tùng hoang dại, mà tôi tin có thể nó đang ẩn náu tiềm tàng bên trong cái phong vận đoan trang, hờn hậu của hai cô con gái? Nhân một dịp vui chuyện, nghe tôi nêu những thắc mắc này, ông bạn công chức già chép miệng thở dài.

— Chà! giữa cái thời buổi này thực cũng khó mà bảo đảm lắm. Khi trên cái sàng giá trị của xã hội chỉ còn vương sót vụn vụn có hai thứ mà thôi, là đồng đô-la và, hà, hà, xin anh bỏ lỗi, tôi nói có thô tục một chút, cái hình tam giác, thì khó lắm! Khó lắm! Nhưng hạng người như cụ Chưởng lẽ tất nhiên là ông ta tin chắc ở cái gia pháp của ông ta. Anh có dịp gặp cụ ta, chuyện trò lâu rồi anh mới biết. Khó lắm. Còn có cái óc muốn bảo tồn đến cùng những cái gọi là nho phong, sĩ khí, tiết tháo của các cụ xưa. Tội nghiệp, phải mở cái tiệm này cũng là chuyện bất đắc dĩ

đấy. Vì gia cảnh, lại cũng vì cái lối sinh lợi này có phần nhân nhả, thích hợp với điều kiện sẵn có của cụ. Nhưng cũng vì ở vào cái thế vạn bất đắc dĩ phải cho con cái nhúng tay vào mà ông cụ càng nghiêm khắc với chúng hơn xưa nhiều... Nghĩ mà thương hại...



Có thể ông cụ Yên-Nam gieo được cho tôi một kinh ngạc lớn lao, nếu một buổi sớm nào đó, ông cụ hốt hơ, hốt hải, chạy đến bảo tôi :

— Hồng hết ! Hồng tuốt hết mày ơi !

Rồi trước sự ngỡ ngàng của tôi, ông cụ tiết lộ một biến cố động trời, kỳ quặc, một cuộc nổi loạn chưa từng thấy của đám kiềng vát trong vườn ông cụ. Những gốc giành, gốc mai quí, những khóm tưng, khóm trúc, nhất định từ khước không chịu lột xác để hóa rồng, hóa phụng, hóa lân, phản đối kịch liệt cái định luật mỹ thuật mà ông cụ đã khổ công học hỏi, tìm tòi gần nửa đời người mới nhập diện được để áp dụng vào công việc chỉnh hình cho chúng, và đập tung bao nhiêu xiềng xích ràng buộc từ lâu từng được siết chặt bởi bàn tay độc tài, tàn nhẫn của ông cụ.

Nhưng trước mặt tôi lúc này, cái người kêu lên một cách tuyệt vọng : *Hồng hết ! hồng tuốt hết*, lại không phải là cụ Yên-Nam, nhưng là cụ Chường. Không phải là cụ Chường bằng xương bằng thịt. Đây chỉ là cái hình ảnh của cụ già đạo mạo, cau có, nghiêm khắc, với cặp chân mày bạc nhú lại trên cặp mắt cú vọ sâu hoắm, với đôi môi nghiêm nghị, từng hiện ra trong cái khung lồng kính to lớn ở cửa tiệm Nhị Kiều dạo nào. Giờ đây, ông cụ ấy lại hiện ra, bờ phờ gầy gập, vầng trán nhăn nheo ướt đầm mồ hôi, gương mặt đã rời, tan tác, kêu gào thê thảm : *Hồng rồi ! hồng tuốt hết*, trong lúc Huyền, bạn tôi, đang ngồi kể lại cho tôi nghe những biến cố đã xảy ra trong gia đình ông cụ, trong khoảng thời gian trên một năm trời tôi đi xa.

Mà cũng vì hình ảnh trước mắt tôi là cụ Chưởng thay vì ông cụ Yên-Nam, nên câu chuyện được kể không gây cho tôi một chút kinh ngạc nào cả, mặc dầu nó là một thảm kịch rùng rợn, bi đát. Có gì đáng ngạc nhiên trước một cái hậu quả, một biến cố mà người ta đã từng linh cảm được là thế nào rồi nó cũng phải xảy ra. Có gì khó hiểu, bất ngờ đâu cái chuyện, giữa thời buổi này, một ông cụ bảo thủ, ngày ngày cắm cúi vào công việc uốn nắn *kiềng người*, kiểm soát chặt chẽ hai cô con gái bằng cặp mắt cú vọ, rào kín vườn xuân bằng những lớp dây thép gai "lễ giáo", đề rồi, một buổi sớm, bắt ngựa người ra vì khám phá được một cách quá đỗi muộn màng rằng cái đức hạnh, tiết trinh của cả hai kiều đã lén lút đội nón chuồn đi từ lúc nào không hay. Câu chuyện lại vỡ lở vào một dịp, mà lẽ ra, ông cụ có quyền xoa tay thoải mái trước sự thành công của mình.

— Thực chẳng ai ngờ cả. Chuyện xảy ra đột ngột quá, vào cái ngày Hạnh-Hoa lên xe hoa. Anh còn nhớ thằng Khải chứ? Con gà tàng trong đám thanh niên thường lui tới tiệm Nhị Kiều, ngỗ ngáo, mắt dạy nổi tiếng và đã từng được đi nghỉ mát ở Nông-sơn một dạo đấy. Chính nó đã gây cả một sự đổ vỡ thảm hại cho gia đình cụ Chưởng. Tiệc cưới đang khai diễn vui vẻ thì nó xông vào. Một quả lựu đạn nổ tung. Nó gục xuống giữa vũng máu. Có dư luận cho rằng nó tự tử. Nhưng lại có giả thuyết cho là vì quá xúc động và chưa quen sử dụng loại vũ khí này nên nó chưa kịp ném vào bàn tiệc, lựu đạn đã nổ trên tay. Vụ án mạng này phanh phui những bí mật làm điên đầu ông cụ. Vì không phải chỉ có con gà tàng ấy là người tình duy nhất và lén lút của con nọ mà thôi. Ba bốn thằng nữa. Con bé cũng ghê thực, cả con em nó cũng thế. Đứa nào cũng đeo cả một chùm tình nhân. Cả hai chị em đều thuộc hạng chịu chơi thượng thặng mà ông cụ có hay biết gì đâu. Chết thực...

Ngay tấn thảm kịch này cũng là chuyện thường quá đi rồi. Giới lắm nó chỉ chiếm được mười dòng, trong mục tin tức của các nhật báo đầy dẫy những thảm kịch như thế xảy ra hằng ngày.

— Nó cũng đến khổ với ông cụ ?

— Lẽ cố nhiên. Nhưng rồi vì ông cụ đánh đập chửi mắng tàn tệ quá, lâu ngày nó cũng đâm lờn và đồ liễu ra. Nó khác trước nhiều lắm. Khác hẳn. Li lợm, ngồ ngáo, càng chạy theo những cuộc phiêu lưu tình ái già hơn. Gia phong đã bại hoại, cửa tiệm cũng sụp đổ theo, ông cụ đối xử càng tàn nhẫn, nó bỏ nhà đi hoang...

— Còn Bích-Châu ?

— Cũng thế. Cũng đi nốt.

— Hồng cả một đời !

Trước mắt tôi, bức ảnh bán thân của ông cụ và cái khung gỗ lồng kính to lớn nặng nề treo ở phía đầu tường trong cửa tiệm, trụt đỉnh, rơi đánh sầm xuống, tan vỡ trong những tiếng gỗ và tiếng kính gãy nát, va chạm dữ dội vào nền đá hoa. Nhưng cũng thường quá, một sự sụp đổ như vậy của một thứ quyền hành, uy lực lỗi thời, không còn đất sống giữa cái tình trạng sụp đổ chung đang khai diễn khắp nơi. Tôi không kinh ngạc chút nào về vụ án mạng, về chuyện đi hoang của hai chị em Hạnh-Hoa, về sự thất thế của ông cụ. Tôi chỉ ngậm ngùi và cảm cảnh vì ông cụ mà thôi. Giờ đây, trong khu vườn nhỏ hẹp, tịch mịch, dưới mái nhà vắng vẻ, trống trải, ngày lại ngày, cụ già gần đất xa trời ấy chẳng còn biết làm gì hơn là ngồi gặm nhấm nỗi đau khổ, tuyệt vọng, trước sự thảm bại của một công trình bảo tồn lễ giáo, để càng cảm thấy kinh hoàng về sự bất lực của mình, và sự lạc loài, bơ ngớ giữa một cuộc sống kỳ quặc, lạ lẫm khó bề thích ứng.

— Thế còn ông cụ ? Tội quá ! ông ta sống làm sao nổi trong cái tình trạng ấy. Nếu không tự tử thì cũng đến hóa điên.

Huyền bỗng nhìn tôi như nhìn một đứa bé con vừa thốt ra một câu hỏi ngớ ngẩn, rồi lắc đầu cười lớn :

Ông cụ hả ? Ông cụ không tự tử mà cũng chẳng hóa điên. Cậu tưởng ông ấy khổ sở lắm sao ? Lúc chuyện mới xảy ra thì có thể như vậy, nhưng về sau này thì khác. Bây giờ thì ông ấy bảnh lắm ! Ông ấy còn còn cầu được lột da, sống mãi như loài rắn để hưởng thụ lâu dài cuộc đời ngày càng lên hương.

— Sao vậy ?

— Chuyện đời tức cười lắm. Tôi vừa nói hai con ấy đi hoang. Nhưng ở thời buổi này, những chuyện mà ta cho là bất mạng, hư hỏng, bê bối lại được xã hội dãi ngộ rất hậu hĩ. Cả hai đứa chạy vào Sài-gòn, đi bán *ba* một dạo gì đó, rồi chúng lại dăng hoàng quay về, không phải để báo hại ông bố mà để báo hiếu ông ta... vì mỗi con vợ được một ông Mỹ khá sộp...

— Ông cụ mà có thể chấp nhận được chuyện đó hay sao ?

— Lúc đầu ông cụ còn giữ thái độ lạnh nhạt và bất cần của hạng quân tử Tàu, nhưng khi chúng đã tậu vườn, xây lầu, sắm đầy đủ tiện nghi, cả ô-tô nữa, thì ông cụ ốt-kê tuốt hết. Bây giờ nếu cậu gặp ông cụ thì cậu sẽ ngạc nhiên vô cùng. Sự thay đổi ở ông cụ còn lạ lùng hơn là sự thay đổi của hai cô con gái. Ông cụ khác hẳn. Thay vì ca tụng nho phong, sĩ khí, vốn liếng cổ truyền gì gì đó như trước, ông cụ ca tụng lối sống của Mỹ, học nói tiếng Mỹ, hút xì-gà và nhậu huyết-ky, say sưa bí tử suốt ngày và chẳng chịu bỏ qua một dịp tốt nào có thể phát huy, đề cao sự khôn ngoan, lòng chí hiếu của hai cô con gái quý.

Lần này thì tôi kinh ngạc thực sự. Tôi thấy xây xâm mặt mày như khi được nghe ông cụ Yên-Nam kêu lên một cách tuyệt vọng, trước cuộc nổi loạn của đám kiềng vặt trong vườn, và chính ông cụ cũng đang quay cuồng theo một vũ điệu sexy của đám kiềng vặt nổi loạn say sưa trong cái đà khai phóng.

PHAN DU

VĂN số 59

ĐỌC VĂN GRAHAM GREENE

thơ bùi - khánh - đàn

● tiếng gọi « chân - hương »

Ta gọi NGƯỜI qua ị núi sông
Và qua tiếng vọng của đôi lòng
Giữa đêm trăng gục bờ sơn-động
Trong lúc mây nhòa lớp thủy-cung
Thơ yếu say cười hương-cách-biệt
Nhạc đơn loạn đổ nhịp-phiêu-bồng
Rượu đời dốc cạn men trần-vụ
Ta gọi NGƯỜI trên vạn khoảng không.

● chân cảm

Đánh thức hoa-mùa đợi dậy hương
Hô danh sông núi để lên đường
Thơ tràn linh bút, sỏi hàn mặc
Nghĩa trọng thành tâm, sáng ngọc sương
Từ cõi dư - sinh vào bất - tử
Đem căn hữu - thể đổi vô - thường
Qua muôn thi - tứ dâng thần - tượng
Sẽ thấu TA là cả bốn phương.

hai mươi năm

ĐỖ - TẤN

Người con gái lớn lên làm người đàn bà
 Người con trai lớn lên làm người đàn ông
 Người đàn ông gặp người đàn bà trong khu
 rừng cấm

Đứa trẻ ra đời làm nên mùa xuân

Đứa trẻ mùa xuân chạy theo cách mạng
 Cách mạng ăn toàn thịt người
 Con người được ban cho tù đày, súng đạn
 Mặt trời, hoa hồng, lá cờ tanh mùi máu tươi

Người đàn bà ngồi khóc người con gái
 Người đàn ông ngồi khóc người con trai
 Đứa trẻ thơ ngủ dài trong lòng đất mẹ
 Mùa xuân gục đầu thở dài.

ĐỖ-TẤN

TA - TY

t h ê đ ó

Rồi cuộc sống với từng ngón nghen ngào trôi đi biển biệt như dòng nước đổ xuôi về biển cả. Tôi muốn dẫn thân vào bất cứ hành động nào miễn rằng nó có thể khóa lấp cuộc sống, một cuộc sống xô bồ, trống rỗng đến thê thảm, hoặc tôi sẽ từ bỏ chính tôi với ngàn vạn ràng buộc xiết đau thân phận. Chẳng biết từ bao lâu, một vùng xa mù dày đặc che khuất từng ước mơ bé nhỏ từng phen vân nghen ngào, đôi lúc chợt bừng lên khoảnh khắc. Những giận hờn có đấy, chúng đứng im sững trước tầm mắt. Chúng nghênh ngang như đàn quái vật thường hiện ra trong mỗi cơn ác mộng. Chúng là quá khứ, là hiện tại hay mập mờ thảng thốt với bóng 'dáng tương lai. Tôi đắm chìm, quần quanh trong vùng xa mù với nỗi đau giằng mắc trùng điệp và cảm thấy thân phận đang loãng tan vào hư vô mù mịt.

Kích thước không gian có mặt đầy dối trá, giả tạo gây nên bức bối, tạo thành oán thù bủa vây kiếp sống từ từ và ác nghiệt như sợi dây thắt cổ, xiết chầm chậm nhưng rõ ràng để kết thúc một hơi thở, một chán mỗi hay giận dữ. Đôi lúc tôi không dám soi gương để nhìn nhận có mình, rằng sự hiện diện của thân xác này là sự thật. Tôi hình dung cái mái tóc đen lánh mọc lờm chớm trên đỉnh sọ này, cái đài trán phẳng phiu lánh bóng như

mặt chiếc bàn kia, cái gò mũi nhô lên với hai hố mắt thăm thăm đỏ, cái miệng cười như một chém thê thăm nằm đây. Tất cả, tất cả đã mang lại cho tôi ấn tượng kính hãi, mĩa mai lẫn đón hèn và ngu muội. Từ thân phận lạc lõng sinh ra như loài cây cỏ như con sâu cái kiến. Tôi phác họa thực chất mình qua hình ảnh đứa hài nhi lúc vừa lọt lòng mẹ, và nhắm mắt lại để nhớ rằng tôi đã được nhìn thấy, đã chứng kiến nổi tái tê thân phận đàn bà nằm chinh inh trên mặt bàn để. Tôi thấy những dòng lệ chảy ướt đầm lên khuôn mặt trắng bệch vì run sợ. Tôi thương hại hai bàn tay với mười ngón nõn nà điên cuồng cấu xé bất cứ cái gì nắm được. Tôi xót sa cho làn môi nhợt nhạt bặm chặt để giữ gìn tiếng kêu, để nuốt vào trong cái thân thể trần truồng một nửa kia tất cả đam mê, và cay đắng trần gian! Biết đến bao giờ tôi mới thôi tiếc nuối đôi chân gang rộng ghềch cao trên hai điểm tựa để lấy đà mở cửa cho mầm sống nhô ra. Một tiếng khóc òa theo hơi thở mệt mỏi của người mẹ tạo nên sự nhẹ nhõm như vừa dứt được gánh nặng đường dài. Màu nước khô dần trên sắc da mai mải. Một nụ cười chợt hé lên trong nỗi băng khuâng bất định.

Ấy đây, thân phận con người in rõ trong tôi với đón đau và hy vọng. Nó thể đó. Hình ảnh ấy cứ xâm chiếm và đầu độc tâm hồn mỗi khi tôi đối diện với chính mình. Cuộc đời đã biến đổi tôi đến nỗi tôi hoài nghi chính mình nữa. Tôi đã dối trá và phản bội vì tự ái hay-hiếu thắng. Trong máu tôi đã chứa chấp bao nguồn tội lỗi? Mỗi cái nhìn của tôi là soi mói, là nghi ngờ hay phán xét. Mỗi ý nghĩ là đam mê, là khát vọng, xâm chiếm hay trả thù. Giữa cơn mê loạn, từng hình ảnh véc dáng mơ hồ chập chờn nhảy múa như thách thức. Nhưng nhìn kỹ lại, tôi chợt nhận ra đó chính là nỗi dầy vò và niềm tủi nhục trong tôi vùng đây. Tôi cuồn nộ xô đuổi. Nó tiến ào ào tới trước mặt như cơn lốc rời vút biến giữa vùng không gian mệt mỏi. Tất cả sự giận hờn có lẽ đã tụ đọng ở mắt tôi nên nó biến thể lạ thường. Tôi cũng chẳng phân định được sự ấy nhưng Nguyệt đã nói với tôi điều đó. — Đòi mắt anh nom dễ sợ lạ! Tôi hỏi, vì sao mà sợ! Nguyệt cúi đầu thì thảo. — Nó thể nào ấy, khi hiền, khi dữ có lúc lại âm u như mắt ma. Nghe nói, tôi có ý buồn. Tôi buồn vì tại sao tôi cũng ăn, cũng thở, cũng yêu thương và ái

là dần dần như mọi người mà. tôi phải mang trên người những vết tích dễ sợ ấy ! Tôi muốn cuộc đời cứ mãi mòn tôi đi để trở thành nhòe mờ, như một phiến đá trong lòng suối cao nguyên, hoặc bỏ quên tôi như một vật thừa. Tôi sẽ cảm ơn !

Nhưng nào có được ! Tôi đã như thế đó, nghĩa là không còn là một mình nữa với thân thể trần trụi của đứa hài nhi chui ra giữa háng của người mẹ với tiếng khóc thứ nhất, được coi như lời chào góp mặt. Nhiều lúc quần quanh suy nghĩ và lơ lảo đi tìm cho mình một vị trí, một tri giác, một hiện nhiên chứng nghiệm ở giữa cái không gian thu hẹp này. Sự vật còn nguyên đó. Đây là cái bàn. Kia là cái ghế. Đây là cái mắc áo v.v... Bản chất ngu muội của sự vật vẫn y nguyên, vẫn hiện diện như một ray rứt không thôi. Chúng bắt tôi phải xác tin rằng phía bên trái có chiếc tủ gương mà tôi đã in bóng dáng vào đó để làm duyên với cuộc đời. Phía bên phải là chiếc di-văng, màu gỗ đã thâm đen vì quá cũ. Trên khối gỗ vô tri ấy từng đêm, rồi từng đêm tôi đã ngủ, đã mơ, đã trần trọc và đã bị hành hạ trong mỗi cơn thôi thúc của dục tình, trong sự chán mỏi đến tận cùng chân tơ kẽ tóc. Sự vật có đấy, quá quen thuộc đến nỗi nhiều lúc tưởng như không có chúng. Sự quen thuộc gây ấn tượng khó chịu. Nó làm tê khô cảm xúc, giá băng ý nghĩ. Sự vật hiện diện như tôi nhục đối với con người. Nó bao vây, kìm hãm. Nó tạo nên thói hư, tật xấu. Nó là lời nguyền rủa. Nó làm con người mỗi lúc mỗi trở nên hèn hạ vì muốn có nó, muốn được nó, để thỏa mãn sự đòi hỏi thấp hèn của cuộc sống. Đôi lúc chán mỏi, băng khuâng tự hỏi, mình sống để làm gì, vì sao lại phải sống ? Mỗi lần đặt vấn đề tôi đều chạy trốn câu trả lời bằng cách đốt tuổi trẻ trong cuồng nộ đắm chìm khoái lạc, hoặc trong sự mê muội hung tàn nào đó. Tôi biết chiến tranh còn tiếp diễn với mức độ thâm trầm. Tôi biết cuộc đời ti tiện với bao nhiêu lọc lừa bần nhóp giăng ngang tầm mắt. Tôi biết mỗi ngày vẫn phải làm ngàn ấy công việc để kiếm tiền. Tôi biết nỗi ray rứt của tháng năm vô nghĩa. Chính vì sự biết đó đã làm tôi khổ đau, nhức buốt. Nếu cuộc sống chỉ bao gồm trong bốn chữ ăn, ngủ, đ., là thì tội tình gì mà phải ưu tư, thắc mắc với dân vật làm ngợp chìm thân phận ? Tôi có thể sống một cách tự nhiên và bình thản, ít mặc cảm như mọi sinh vật hiện diện nơi đây, trong mỗi kích thước hạn định, hiện diện như giấy hành lang sừng sững

trước mặt mà hằng ngày tôi in dấu chân lên đó để tiếp nối với cuộc đời. Tôi có thể nhìn vào kẻ khác mà hành động. Tôi sẽ là con khỉ để lập lại, dù rằng lập lại một cách ngu ngốc, những hành động do kẻ khác tạo nên.

Ấy đó, tôi sống và cứ sống vật vờ, khổ não âm thầm, hờn đau thân phận, một thân phận cô đơn giữa dòng đời rộng lớn. Tôi chẳng dám nhìn lên cao, vì tôi biết màu xanh lơ xa thăm tít mù ấy với những phiến mây phiêu du lãng đãng giữa thình không sẽ làm tủi phận. Tôi không phải là con chim để tung cánh đuổi bắt say mê ở các khung trời xa lạ. Tôi không phải là hơi gió đẩy đưa không khí luân lưu tạo nên chuyển động. Tôi không phải là ánh sáng để xua đuổi bóng tối. Tôi không phải mặt trời để ban phát cho nhân gian nguồn sống và bắt nó phải phục tùng vĩnh viễn với trình tự chu kỳ ấn định. Tôi không là gì cả. Tôi chỉ là một tế bào bé nhỏ, vô cùng bé nhỏ giữa vũ trụ mịt mù quá đỗi. Tôi hiện diện bằng xương thịt, bằng ý nghĩa thấp hèn nhất của một sinh vật theo đúng nghĩa danh từ.

Sự suy tưởng làm cho cuộc đời mất đi phần tốt đẹp của nó. Tôi nhận định rõ điều ấy bằng cách nhìn thẳng vào giấy hành lang bé nhỏ mà tôi gộp mặt. Nó chẳng hề cần ai lên tiếng. Tôi nhìn nó với cảm quan nhức nhối. Nó có đấy với chiếc lan can sắt hoen rỉ, với màu vôi như bần, với hàng gạch lỗ lói đỏ đây, với những màu giấy vụn, với cứt đá trẻ con, với con mắt của một tù nhân cảm phần. Cái hành lang đó, chính thực, nó đã chứng kiến bao sự đời đời, từng chia lìa đứt ruột, từng yêu thương quẩn quít, từng mệt mỏi rã rời mà nào có nói gì đâu. Chính nó đã biết, có những đêm buồn, tôi lò mò ghé tai vào từng ổ khóa, từng khe cửa để đoán tiếng động với cảm giác nhột nhạt. Những căn phòng chạy dài theo giấy hành lang nơi đây đối với tôi như một khu vực giải trí. Tôi biết rõ sự sinh hoạt của mỗi gia đình cũng như họ biết rõ, thật rõ về tôi. Lâu ngày chúng tôi coi nhau như sự vật, có đấy vậy thôi. Mỗi lần cần nói về tôi, bà cụ ở cách một căn đã không ngần ngại. — Cậu ấy lãng nhăng thấy mồ, số đưa con gái nào ăn mày mới dám đầu vào ! Tôi cho cậu nói ấy hơi nghiêm khắc, nhưng cũng không sai. Tôi lãng nhăng vì còn trẻ. Hơn nữa,

tôi có mặt không phải để phục tùng hay đóng khuôn a tòng, mà để trình bày giá trị. Tôi trình bày với chính tôi, với, hoàn cảnh có đây và cả tình yêu chẳng hề chọn lựa. Sự trình bày đưa tôi đến hoài nghi. Tôi hoài nghi sự vật, hoài nghi những công thức cấu tạo nên xã hội, trong đó có đạo đức và tri thức. Nhiều lần tôi rầy rụa trong nỗi hoài nghi đó, cố dùng tri giác để soi đường nhưng, tôi chỉ nhận thấy hàng loạt nghĩa trang, hàng loạt xác chết lát đường hướng về chân lý! Cuộc đời đã mài rũa tôi trở thành phẳng lì, nhòn gôm nhưng tôi cố va chạm cho cái tôi vỡ ra để biến thể thành một hình thù khác, một vóc dáng nào mà chính tôi chưa hề đoán biết. Tôi thường nghĩ, sự lìa bỏ tình yêu là một bi thảm, nhưng sự bi thảm đó còn dễ chịu hơn là xuất đời ôm lấy sỉ nhục ghê tởm do kẻ khác hiển dương. Tôi vẫn tin rằng, mỗi cá nhân phải có đầy đủ quyền hành và trách nhiệm về đời sống của nó. Ý thức quyền hành và trách nhiệm là hình phạt hơn ân huệ.

Chính vì ý thức được cuộc sống nên tôi thường hành động sai chiều với nó. Mỗi người tôi gặp, đều có ý nghĩ rất khác biệt về tôi. Thằng Lãm chửi tôi ngu. Thằng Hà bảo tôi khùng. Thằng Thuật bảo tôi sô lá. Thằng Sơn bảo tôi láu lỉnh. Bà cụ cách một căn bảo tôi lẳng nhăng. Còn Nguyệt bảo tôi ngờ ngợ! Chẳng hiểu ra sao! Bữa nay, đối diện với chính mình, tôi suy gẫm về từng lời nói đó. Càng suy gẫm, càng thấy kẻ khác đã mù tít về tôi, cũng như tôi không biết mảy may nào về họ. Vì làm sao tôi biết được tại lý do nào, ông cụ Thái ở cuối hành lang phải cho con gái thôi học, đi bán « bar » mỗi tối. Tại sao ông Thành, trong nhà có tủ lạnh, sa-lông « mít », lại phải dùng chiếc xe 2-ngựa ngày ngày sau giờ tan sở, chầu chực ở công trại Phi-Long? Tại sao thằng Lãm phải đi làm thông dịch viên trong lúc vẫn ở « vi-la »? Tại sao thằng Hà phải học lái máy ủi đất? Tại sao thằng Thuật phải làm đi đực? Tại sao thằng Sơn lại làm nghề gá bạc? Tại sao bà cụ cách tôi một căn lại phải e dè đưa con đầu mắt nết, cái mẹ chồng như hát hay? Tại sao Nguyệt bỏ tôi và tại sao tôi không sang lại căn phòng này cho con Chín lấy hai trăm ngàn để đi ăn, đi nhảy, đi chơi gái cho đã đời? Tại sao và tại sao, đã làm tôi dớn dàu cùng cực. Tôi chói sáng vằng trong mỗi ý nghĩ, nhất là hình ảnh con Chín lơ lửng

trước mặt như một chứng nghiệm. Tôi biết con Chín giúp việc cho gia đình bác Khải ở giữa hành lang. Bác ta trẻ hơn tôi chừng vài ba tuổi mà có tới sáu đứa con. Con bác nối nhau như bậc thang. Bác Khải gái, người sỗ sẽ thuộc loại đàn bà chịu đẻ. Nghe nói, mỗi lần đau đẻ, bác Khải gái cứ réo tên chồng mà chửi. Tôi bần khoăn tự nghĩ, sao kỳ cục vậy? Lúc xác thịt sáng khoái do sự cọ xát của giống đực không biết bác ấy có chửi như thế không? Có trời biết!

Con Chín lúc mới ở miệt ruộng chạy giặc lên còn mặc bộ bà ba đen. Trông nó ngây ngô ra mặt, nhưng da thịt ngon lành. Mỗi lần qua hành lang gặp tôi, nó liếc ngang, ấp úng — Cậu! Tôi cười. Lâu dần nó tưởng tôi bắt tình, nên có đêm tối trời nó xộc vào phòng. Sợ mang tiếng, tôi nghiêm mặt đuổi ra. Nó bẽn lẽn lui đi. Nhưng có lần nó đứng ì như một đụn rơm. Bực quá, tôi phải cầm tay giắt nó ra ngoài. Nó chống lại bằng cách ôm chặt lấy tôi. Tôi giận dữ — Mày làm thế sao tiện, bác Khải và hàng xóm tưởng tao quyến rũ mày, xấu lắm! — Cháu muốn ở với cậu. Cháu thích thế! — Ừ ả lũng vậy? Tao làm gì có tiền mà mướn người làm, vả lại tao sống một mình không cần người giúp việc. — Cháu hồng cần tiền! Nó cứ nắm chặt lấy áo tôi như đòi nợ. — Thôi mày, muốn hại tao sao? Tội nghiệp mà! Chắc cảm động vì câu nói đó, nó buông thõng tay cúi gằm mặt xuống. Lợi dụng thời cơ, tôi ẩy mạnh nó ra ngoài hành lang rồi xập cửa, khóa trái lại. Từ đó, mỗi lần gặp tôi, chẳng những nó không chào, lại còn tỏ thái độ xấc xược. Tôi bỏ qua. Có lẽ, vì con Chín vào phòng tôi vô tình bà cụ cách một căn nhìn thấy cộng với vài ba vóc dáng con gái thường lui tới nơi đây đã tạo nên thành kiến và ngộ nhận.

Con Chín thôi giúp việc cho bác Khải hồi nào, tôi không hay. Tôi chỉ biết thỉnh thoảng — vào lúc tôi có nhà — bác Khải gái nói bằng quơ với giọng hằn học rằng, con Chín nó bỏ đi vì có người quyến rũ, chứ nào nó biết gì! Tôi vẫn tin câu nói đồng đó chính để tôi nghe, nhưng tôi không buồn vì tự thâm tâm cảm thấy mình đang hoàng và minh bạch.

Cách đây dăm bữa, tôi đang nằm đọc sách chợt có tiếng gõ cửa. Tôi vùng dậy lập cập mở khóa. Một cô gái lạ hoắc đứng sững

trước mặt. Con gió ủa vào mang theo mùi dầu thơm gây gây kêu gọi. Tôi chưa kịp hỏi, cô gái đã xỏ tiếng Mỹ — « Hào-a-i-u ? » Chẳng còn hiểu ra sao. tôi ngẩn người — Xin lỗi, cô hỏi ai ? — Quên rồi ? Vô tình vậy ? « Nốt gút » ! Tôi bực bội vì thứ tiếng Mỹ phát âm đặc biệt của gái điểm thành phố. Tôi định nói một câu gì đó, dù là câu nói tục tằn cho hả, nhưng cô gái đã lách nhanh vào phòng một cách tự nhiên. Tôi chỉ kịp nhìn thấy đôi vai trần nuột nà như vừa đồ sữa lên trên, cùng bộ ngực căng phồng dưới nếp sọc đen lánh của chiếc áo thun loại đắt tiền. Cô gái bỏ kính. Tôi ngỡ ngàng nhìn. Đúng là con Chín. Nó đứng ngênh ngang với dáng điệu kiêu kỳ chớ không dẹt dè như trước. Tôi hỏi đề trần an tĩnh thần — Sao, độ này mần ăn gì mà bánh dữ vậy ? Nó đồng đánh — Còn lạ gì mà phải hỏi ! Làm như ngây thơ lắm ! — Không biết thì hỏi cho biết vậy thôi ! Tôi mời nó ngồi. Với dáng điệu cầu kỳ, không biết con Chín học ở đâu, nó khoan thai hạ người trên mặt ghế rồi vất chéo chân dung đưa nhẹ nhẹ. Nó soay mình nhìn khắp căn phòng rồi chiếu thẳng vào tôi — Vẫn thế thôi à ? Vì cái nhìn ấy, tôi nời đoá — Chẳng thế thì sao, ăn cướp, buôn lậu gì mà bảo khác ! Có chuyện gì cần, nói lên, phải đi ngay đây ! Con Chín nguyệt dài và coi sự không bằng lòng của tôi chẳng có nghĩa lý gì — Giọng nói sao kỳ cục quá vậy ? Cần tiền không ? Ừ, cái đó mới lạ chứ. Tôi nghi bụng, thứ mầy chỉ đi làm đi cho lịch Mỹ là cùng chứ làm thá gì mà hách ! Tôi định đuổi nó như độ nào, nhưng không nỡ. Tôi nói ngậm ngơ — Tiền, ai chả cần, miễn chính đáng. Con Chín vặn lại — Thế nào là chính đáng, nói thử coi ! Tôi mĩa mai — Chính đáng, nghĩa là do mồ hôi nước mắt tạo thành, chứ không bằng thủ đoạn, bằng lừa lọc, bằng... — Bằng gì nữa, nói nốt đi. Con Chín cười nửa miệng như cho tôi biết rằng nó đã đoán biết câu cuối và nó hỏi, đề bắt tôi phải nói tiếp ra. Tôi nghiêm mặt — Đoán mà hiểu, nếu không hiểu, cố mà hiểu, thế thôi ! Con Chín bậm môi nén bực tức. Tôi nhìn thẳng ra hình lang như không biết có nó hiện diện. Lát sau, con Chín thay đổi nét mặt, đưa đầy cặp mắt cầu hòa — Nè anh, chúng mình nói chuyện đàng đản một chút được hôn ? — Được chứ sao không ? Con Chín nó gọi tôi bằng anh và xưng

chúng mình rồi đó. Nó muốn gì đây ? Tôi chờ đợi sự việc xảy ra. Con Chín lồng mười ngón tay vào nhau xoay qua xoay lại. Tiếng khớp xương kêu lục cục. Nó nói ngập ngừng — Sang lại cho em căn phòng này đi anh, em đang cần lắm ! — Ừa, lạ vậy, thế tôi đứng đường à ? Tôi ngúc ngoắc đầu tỏ ý không thuận. Con Chín điềm nhiên — Không sao, có một mình, ở đâu chả được, lấy tiền mà tiêu ! À, sự việc như thế đấy, tôi đã biết lý do con Chín đến đây nên yên lòng chột nhả cho sả hơi — Định trả giá bao nhiêu ? — Tùy anh ! Nói xong nó ngả người vào lưng ghế, ruỗi dài hai chân ra phía trước. Chiếc quần « din » may chèn làm bấp đùi nó căng tròn như đùi voi tạo thành một đường rãnh sâu hoắm ở giữa. Tôi ngó xuống phía dưới. Hai cổ chân trắng mộp điềm lông tơ mịn màng như lông thú đã thuộc rồi. Tự nhiên nước miếng ứa đầy miệng. Tôi nói ầm ừ — Có buôn bán bao giờ đâu mà biết, cho giá thử coi ! — Hai trăm ngàn nhé ! — Chi mà nhiều dữ ? Tôi la lên vì sức nghĩ, căn phòng này tôi thuê đã gần 10 năm, với năm trăm tiền tháng, nay ai ngờ nó giá trị làm vậy ! Thấy số tiền to quá, chưa bao giờ tôi mơ tưởng rằng tôi có thể có hai trăm ngàn một cách dễ dàng như thế. Trong đầu tôi vụt nảy lên sự dằng co giữa tiền và tiện nghi quen thuộc. Tôi suy luận thiệt hơn một cách vội vã. Tiền tôi cũng ứa, căn phòng tôi không muốn bỏ. Tôi cứ loay hoay tính toán, không tìm thấy lối thoát nên ngồi đực ra làm con Chín tưởng nhầm tôi ưng, nó cười ngằn ngặt — Chịu chứ ? Em trả giá biết điệu lắm mà ! Mai em đưa tiền lại nghe ! Như tính con mê tôi vùng lên — Không, không dễ suy nghĩ đã, vài bữa sẽ trả lời ! Nét mặt con Chín bỗng biến sắc — Thế anh muốn bao nhiêu ? — Chẳng biết nữa, tôi đang nghĩ, sang nhà rồi thì cầm tiền đi ở đâu ? — Anh lần thân thấy bà nội. Em tính anh nghe thử coi. Sang nhà cho em rồi, anh tìm chỗ xa xa một chút, ở ngoại ô chẳng hạn, vừa rẻ vừa mát, còn tiền mua chiếc xe gắn máy để đi đây đi đó và ăn chơi cho đã, tội gì anh. Anh bánh trai thế này lại có tý tiền thì khỏi đũa mê ! Con Chín nó dỗ tôi như dỗ trẻ, thì ra cuộc đời đã biến nó thành kẻ khác mất rồi. Nó học khôn nhanh thật. Tôi sảng giọng — Thế sao, cô không tìm ở ngoại ô ? Nó lạnh nhạt — Ngoại ô, không có an ninh nên mới phải tìm đến

anh chứ ? Nói rồi, nó vùng dậy rướn người cho tay kéo nếp quần để vừa khuôn thịt. Lúc này tôi mới thấy cặp mông con Chín to quá cỡ. Nó nhún nhảy theo mỗi bước chân làm hoa mắt. Con Chín đi ra cửa. Tôi níu nó bằng câu hỏi — Nè, cần nhà chi gấp thế, lấy chồng rồi sao ? Nó cười đi thõa — Lấy Mỹ rồi ! Vậy hả ? — Quan hay lính ? — Thường thôi, nhưng trẻ và nhiều đô-la ! Tôi ngớ ngẩn — Lấy Mỹ bỏ lăm sao ? Nó cau mặt — Cái ông nội này chả biết tý gì ráo trọi. “ Bay, bay, si-i-u ”, ngày mai nhé ! Thôi, sang đi mà, nghĩ ngợi lồi thối làm gì cho mệt !

Con Chín vụt ra khỏi cửa. Mùi dầu thơm còn phảng phất quanh đây. Tôi sững người như kẻ bị trời trồng. Đó cuộc đời như thế đấy. Con Chín bây giờ lên chân cả với tôi. Nó sì sồ tiếng Mỹ, nói chuyện tiền bạc như nói rồn. Còn tôi, với thân phận mỗi ngày mỗi tồi tệ hơn, tay làm đứt miệng chả đủ. Viết lách mỗi mòn từng đêm để kiếm sống. Tôi phân chi mang chuyện này nói với bạn hữu. Có người khuyên, nên sang nhà, lấy vốn buôn xe hoặc đất lúc này có lời nhiều. Có người khuyên, nên bắt bồ với con Chín để đi nuôi chó nhàn thẽ xắc như trường hợp thằng Thuật. Tôi phân vân về những lời đó. Sau một đêm suy nghĩ, tôi quyết định không thể từ bỏ nơi ăn chốn ở quen thuộc dù cho có túng thiếu, còn chuyện bắt bồ với con Chín chắc chẳng bao giờ. Tôi bằng lòng sự ngu dại ấy nếu có, cũng như tôi đã chấp nhận cuộc sống đầy mâu thuẫn và thấp hèn do chính tôi đang gánh chịu.

Căn phòng mờ tối ánh sáng. Không khí ngòm ngợp. Hình thể sự vật xung quanh nhòe nhòet như biến vào khoảng trống vô định. Trạng thái tâm hồn bị dồn nén. Tôi như bị ném vào một thế giới nào khác hẳn với thế giới hiện hữu. Tự đáy sâu tiềm thức, hình ảnh đứa hài nhi cùng tiếng khóc trở về tôi với niềm an ủi. Tiếng khóc chào đời của tôi cách đây mấy chục năm mà dư vang ứ nghẹn làm phủ lấp từng nguồn vui không trọn vẹn. Tôi muốn được hóa thân quay lại tuổi thơ để áp má vào ngực mẹ hỏi rằng. — Vì sao bố mẹ lại sinh con ? Mẹ có biết cuộc đời cay đắng quá không, mà sao mẹ đành lòng để con gánh chịu vạn niềm thống khổ ? Mẹ có biết khóc không ? Có biết thù hận không ? Có biết chiến tranh tàn nhẫn đến mức độ nào không ? Tại sao bố mẹ lại lìa bỏ con sớm thế.

kháng, phải nghi ngờ ngay chính bản thân ? Tôi hét to. Dư âm đập vào vách tường dội lại như từng nhát búa. Nhìn qua khung cửa, màn trời bên ngoài đã ngả sắc thau. Tiếng động cơ phản lực nổ ào ạt như xé không gian. Mỗi lúc, không khí căn phòng mỗi oi ả. Cảm thấy nóng nực, tôi cởi phăng quần áo nhẩy vào buồng tắm. Men gạch trắng toát quây tròn lấy thân thể không che đây gây cho tôi ấn tượng thoải mái. Tôi nhìn ngắm thịt da để mong tìm được dấu vết tuổi thơ. Tôi thất vọng vì tất cả đã khô cứng với những mấu xương gồ ghề và lông lá mọc lờm chờm đó đây. Tôi thêm được ve vuốt một mái tóc mềm, được hôn lên da thịt hơi hơi mùi sữa. Sự đổi thay thân xác con người theo tháng năm làm tôi sượng sùng, hồ thẹn. Tôi hồ thẹn chính sự trần truồng của tôi lúc này cũng như muôn vạn sự bí ối khác đang hoạt động trong các ngõ ngách của thành phố, trong kích thước nào đó vừa đủ để con người thỏa mãn thú tính. Tôi mon trón vỗ về thân xác với đôi tay dịu dàng như tự an ủi. Trong lúc phần nộ, để nguôi ngoai, tôi đã triết lý vắn vớ, sống là chịu đựng, chịu đựng với hy vọng rằng, con người có thể tự mình vượt thoát mọi trở ngại, mọi khổ não để giữ vững giá trị hằng cửu của nó. Nhưng sự thật đã phủ nhận, bắt tôi phải tin rằng, con người đợi chờ, khát vọng, nguyên vẹn là con người đón đau, thất bại. Tôi có mặt nơi đây với nguyên thể, có đủ tứ chi, giác quan nhưng nào tôi có tìm ra cái bản thể đích danh của tôi bao giờ ? Vì thế, tôi hoài nghi, lo sợ liên miên.

Mức lon nước tưới lên người. Dòng nước mát rượi chảy xuôi trên da thịt rơi vội xuống nền gạch gây tiếng động ào ạt nhưng ngắn ngủi. Hơi nước thấm vào lỗ chân lông gây sáng khoái. Tôi chợt nhìn thấy hình ảnh mình in lộn ngược, lơ mờ giống chiếc bóng ma trên nền gạch láng nước. Tôi nhìn nó như nhìn một sinh vật xa lạ. Càng nhìn, càng cảm thấy xót đau khi nhận thức được mình đã thành người lớn, nghĩa là đã ở cái đỉnh cao nhất của kiếp người. Tôi tự hỏi, rồi sẽ ra sao đây, mai này nếu vì sự thôi thúc của thể xác, tôi phải lấy vợ và sinh con thì đời sống sẽ thế nào ? Có gì thay đổi ? Vợ tôi, người đàn bà bất hạnh nào đấy ? Tôi chưa hình dung được nàng về nhan sắc cũng như thể chất. Tôi phác họa mơ hồ trong ý nghĩ từng hình ảnh tròn đầy, từng

thiết tha kỳ dị. Tôi thảng thốt, mê loạn trong cuồng vọng. Từ sự việc ấy, tôi liên tưởng đến bốn phận người bố và trách nhiệm của hắn. Vì mồ côi từ nhỏ, tôi sống rồi lớn lên nhờ họ hàng, nên không thể dự phòng cho bất trắc đó. Tôi nghe nhiều người nói, chức phận làm bố là một chức phận bạc bẽo nhất ! Nhưng tôi vẫn băn khoăn, nghi ngại lắm lắm, liệu đời chúng sau này có đau khổ cái mà tôi từng đau khổ, có mơ ước những điều tôi mơ ước hôm nay ? Trong tôi lại nổi hằn từng vết roi quá khứ.

Những cơn nước đổ liên tiếp trên người. Làn nước chảy theo đường cong lồi lõm của thân thể rồi nghiêng theo nền gạch tuôn vào đường rãnh nhỏ trước khi lao vào ống cống. Tôi ngẫm nghĩ, cuộc đời nào có khác gì ? Mỗi số phận đều theo trình tự ấy !

Tôi định úp mặt vào làn nước để tìm cảm giác nghẹt thở của người chết đuối, bỗng có tiếng soay nùm cửa bên ngoài. Tôi bức bối lâu bầu nguyên rửa kẻ đến thăm bất luận là ai. Cầm chiếc khăn lông xoa vội lên người cho khô nước, bước từng ngừng ra khỏi phòng tắm. Tôi quơ đại bộ quần áo ngủ định đem bỏ giặt mặc vào. Mùi quần áo cũ xông hơi khó chịu. Vừa cài nút quần vừa hỏi — Ai đó ? — Hê-lô, mở cửa dùm coi ! Đúng tiếng con Chín. Tôi ngạc nhiên vì lý do nó đến. Hôm nọ tôi đã trả lời dứt khoát với nó về chuyện sang nhà. Giữa nó và tôi không còn vấn đề gì để thương lượng. Tôi còn nhớ trước khi về, sắc mặt nó giận dữ, có vẻ đe dọa nữa. Tôi vẫn giận nên định không mở, nhưng tiếng nùm cửa lạch xạch soay liên hồi, thật khó chịu. Tôi đành quay chìa khóa. — Làm gì để chờ lâu dữ vậy ? Có ai ở cùng không ? Chẳng lẽ tôi nói lời nào, con Chín đang hoảng bước vào nhà như chính nó là chủ. — Ơ, chuyện gì lạ vậy ? Vấn đề nhà cửa dứt khoát rồi mà ! — Lạ gì, lại thăm không được sao ? — Thăm gì mà dữ dằn thế ? Nó không trả lời, liếc liếc quảng chiếc « sắc » tay lên mặt bàn khách rồi ngồi phịch xuống ghế. Mặt ghế « mút » lõm sâu xuống dưới sức nặng. Mỗi lần nhìn lại con Chín tôi thấy hình như nó đẹp thêm. Bữa nay nó bận chiếc jupe màu gan gà điểm những chấm xanh vàng rất nhỏ làm nổi bật chiếc áo sơ-mi may kiểu đàn ông màu lơ nhạt có thêu bông hồng đỏ tua phía ngực bên trái. Tóc nó búi cao trên đỉnh đầu để lộ chiếc gáy no tròn màu mỡ. Toàn thân nó toát ra sự

quyển rũ kỷ lạ. Vết tích đồng ruộng đã hoàn toàn xa biến trên thân xác nó. Nó là đam mê, là sự phỉ báng vào đạo đức, nếu có. — Sao, muốn gì nữa? Tôi sáng giọng. Nó nhếch môi cười, vừa đi vừa kiêu. — Hỏi chi lạ rứa? — Hỏi cho biết! — Có hẹn với em nào giờ này không? — Chả hẹn hò gì cả, nhưng có chút việc bận. Con Chín chồm người về phía tôi — Nè anh! — Gì? — Khó chịu thấy mồ, làm bộ hoài, thấy dễ ghét lạ! Nó thở dài nhẹ nhõm rồi ngã đầu vào thành ghế, tỏ vẻ mệt mỏi. Tôi ngồi đối diện, mắt ngó trừng trừng. Thành thực mà nói, nó là mẫu người tôi hằng ước mơ trong tiềm thức mỗi khi bị thế xác hành hạ. Nó đấy, nó đúng như thế đấy. Nhưng vì tự ái và thành kiến nên tôi tự đánh lừa sự thèm muốn bằng thái độ lạnh nhạt, cách biệt. Tôi châm chọc — Lấy chồng ngoại quốc có khoái không? — Cái đó còn tùy! Nó trả lời lửng lơ. — Sao lại tùy? — Tôi tưởng ở cõi đời này đứa con gái nào chả thích như thế? Con Chín bật dậy như chiếc lò xo — Học thức như anh mà ăn nói vậy đó, vậy đó! — Thế nói sao bây giờ? — Không biết, nhưng em đến đây hồng phải để nói chuyện bậy bạ đâu nghe! — Thế đến vì gì vậy? Sang nhà chăng? — Ai mà thèm! Con Chín sùỵ một tiếng dài rồi tiếp — Anh tử tế một chút được hôn? A, con Chín nó lên lớp tôi đó. Tôi cười nhạt — Tử tế nhất rồi, muốn gì, nói coi! Con Chín không nói, nó dung đưa hai bắp đùi qua lại. Chiếc jupe may quá chật làm tôi có cảm tưởng như hai khối thịt đỏ đang bị dồn nén trong sáng khoái nhục dục một mình. Từng giây phút im lặng trôi qua. Tôi không đoán được con Chín đang nghĩ gì về tôi, chắc nó cũng không thể hiểu tôi đang nghĩ gì về nó. Nó choài tay về phía chiếc « sắc » màu đen có giây đeo tròn teng, nồi u lên như cái giỏ đi chợ. Nó mở khóa lấy bao thuốc Pall Mall. Nó đập mạnh bao thuốc trên tay, rút ra một điếu, lạnh lùng đưa lên môi rồi quăng về phía tôi — Hút thuốc chơi anh! Tôi lắc đầu từ chối. Nó khum tay đánh diêm. Làn khói thơm nồng tỏa nhẹ. Có vẻ thích thú, đôi mắt nó lim dim sau màu trắng đục đang tan nhanh trước mặt. Tôi tin cuộc đời đã dạy nó nhiều thứ ghê gớm khác nữa. — Nè, bây giờ anh sống ra sao? — Vẫn như thế, thế đó! — Cực thấy mồ, tại sao anh không xin làm sở Mỹ? — Có biết tiếng Mỹ đâu, vả lại tự do quen rồi,

cái đời vác dù bốn buổi ngán lắm ! — Anh nhất định sống như vậy mãi sao ? — Mãi ! — Đâu có được ! Em nói chuyện này anh nghe hôn ? — Nghe ! — Thái độ anh kỳ cục vậy ? — Có gì kỳ cục, tính tôi như vậy mà ! Con Chín bùm môi kéo một hơi thuốc thật dài rồi quảng màu thừa vào chiếc gạt tàn. Sắc mặt nó tự nhiên thờ thẩn. Nó ngược mắt nhìn chăm chặp vào tôi, chậm rãi — Câu chuyện như thế này. Giản dị lắm ! Em lấy Mỹ như anh biết. Có xấu không ? Nó ngưng lại chờ tôi trả lời. Tôi mập mờ — Cái đó còn tùy ! — Lại tùy nữa, anh dăm dớ bỏ cha, đúng hay sai, xấu hay tốt, trả lời ngay cho rồi, lại tùy, tùy, tùy... tùy cái gì ? Tôi sùng sốt vì phản ứng của con Chín nên trả lời ngu ngơ — Tùy ở bản năng của mỗi cá nhân ! Nó cau đôi lông mày vẽ đen sậm như hai con sâu — Anh nói gì, em không hiểu ! — Thôi, nói tiếp đi, muốn sao đây ? — Nè, lại nời đóa rồi, anh dịu dàng một chút để em nói nốt chứ ! Đàn ông xấu tính thấy mờ tỏ, ai chịu nổi ? Tôi khựng tay trước ngực, im lặng. Con Chín thè lưỡi liếm môi. Cái lưỡi nó nhọn và đỏ hoe — Bữa trước em cần nhà vì nó muốn em thuộc hẳn về nó, một mình nó. Nó bắt em thôi bán bar. Nó ghen dữ lắm. Đêm nọ, nó rút súng toan bắn thẳng bạn vì thằng kia say rượu ôm đại em mà hun. Em sợ thấy mờ tỏ, kêu là run rúm. May quá, một thằng khác đã giật được khẩu súng. Em ngán ghê, chỉ sợ một phút nào đó, nó sẽ bắn luôn em. Ờn rồi, anh ơi ! Nó nhiều tiền thật đấy, nhưng tiền không phải là tất cả. Gần 2 năm nay em đã mê tiền, đủ rồi. Hơn nữa, sau ngày tháng chung đụng, em tin rằng đến chết nó cũng không thể hiểu được em, mà em cũng vậy ! Nên em đến với anh, em đến với anh L. Giận quá tôi thét lên — A, muốn tôi làm đi được hả ? Muốn tôi phải chết vì viên đạn ô nhục sao ? Đâu có được !... Con Chín chẳng đề tôi nói cho nư con, nó nhòm dậy bỏ soài đến phía tôi. Hai cánh tay giang rộng như hai chiếc cần lưới, nó xiết chặt lấy cổ tôi, ấn về phía sau. Nó nói trong hơi thở nồng nàn — Sao lại nói vậy ? Sao anh lại nói vậy ?... Nó gấn ngay môi nó vào môi tôi như ngăn không cho lên tiếng. Tôi vùng vẫy

cổ đẩy ra, nó càng xiết chặt hơn. Tất cả tôi bị bủa vây bằng dầu thơm và màu da thịt trắng nhờ nhờ tựa sữa loãng. Tôi cảm thấy có sự gì vừa sụp đổ, gãy vụn và tan biến như ảo ảnh. Khuôn mặt tôi cọ xát vào một khối bùng nhưng không phân định. Quá khứ, hiện tại, tương lai chảy nhoè nhoẹt thành một dòng nước bản.

Tôi mê muội ? Tôi đón hèn ? Tôi khổ đau ? Tôi khoái lạc ?
Chính tôi cũng không biết !

TẠ TỰ

BẠN YÊU THƠ ĐÌNH HÙNG, KHÔNG THỂ
KHÔNG YÊU VĂN HOÀI - ĐIỆP THỨ - LANG

người đao phủ
thành đại - la

- Truyện dã-sử Việt-nam
- NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất-bản
- Sách dày gần 400 trang, giá 70 đồng

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI TRÊN TOÀN - QUỐC

hồi thanh

HOÀI - KHANH

Bây giờ mọi biên giới đã thừa trong trí nhớ
 Tôi đi qua làm những mảnh gương vỡ của
 hồn

Roi loảng xoảng trên tiềm thức và giấc mơ
 buồn đến niềm kinh khiếp vang bóng

Bây giờ tôi đứng đây trong hồi thanh những
 thời trời đất luân lưu trên phún thạch

Nghe những cây khô chuyển mình với dòng
 trường giang đi lạnh suốt những màu
 lưu viễn rừng lá cây xanh và con còng
 con bướm

Ở ven bờ biển xanh hàng thùỵ dương còn
 đợi lại những tiếng than của gió vì đất
 khô đã khô từ đầu àm ướt sương đêm

Tôi khóc cùng với tiếng ru vì những mảnh

Và khói rơi từ những tiếng thét man di rồi
sẽ vọng về đâu khi rừng hoang không
trườn khỏi đêm sâu tăm tối

Tôi đứng dậy với bốn bên đầy nặng đôi
cánh hải âu rũ trận mưa ngàn

Ở xa vắng cõi nào gió lại thổi lên điệu hồi
luân trầm thống tâm nhuần trên sa mạc
khô cạn màu lửa cuồng vong

Bây giờ mọi biên giới đã thừa dù trí nhớ
cuồng điên chụp lên vùng vô giác dù
em cũng khóc với khoái cảm kia khô
lạnh bóng phai tàn

Tôi về như một tiếng chuông khô chậm
chậm tưới lên mồ

Ru với trăng bằng giọng hát riêng mình
đủ cho em nghe cùng lòng vọng niệm

Ru với tôi trên cánh dơi đâm đầu vào lửa

Ôi ánh mặt trời và lá cỏ, dòng sông

Cho tôi ngủ bình yên như đất cát.

HOÀI-KHANH

THẾ - UYÊN

bản tình ca thứ hai

Một hai ba bốn, tất cả bốn gã mũ nâu từ xe jeep bước xuống hè trước cửa quán. Tôi mỉm cười một mình vì vừa chợt nhận ra tôi vừa quay ngược bút chì gõ xuống quầy bốn lần như để đếm, rồi thấy mỗi tay đang cứng lại, tôi biết rồi đó, tôi biết tôi đã thuận đi với cả bốn gã này. Nắng bên ngoài tự dưng sáng thêm, chói chang những hạt cát ngoài lộ, lấp lánh huy hiệu thêu kim tuyến trên những chiếc mũ đang nhấp nhô tiến vào. Tôi lại bắt đầu cười, này nhìn này có đúng không, một hai ba bốn cặp mắt lần lượt đặt lên mặt tôi, dò dẫm xuống tận ven quầy gỗ che lấp nửa thân dưới. Ước lượng, cân nhắc xong chưa, tiền nong xong chưa... còn tôi, tôi sẵn sàng cả rồi, tôi bằng lòng. Đêm nay có *ban* ở tòa tỉnh, đêm nay sự đoàn tề chúc liên hoan mừng lễ quốc khánh, tôi không muốn nằm ngủ một mình, tôi không muốn nhớ không muốn nghĩ chi hết. Mặt họ bụi bám trắng, như bám trên xe jeep như bám trên lá cây ngoài hè, như trên tóc tôi trên mặt quầy gỗ dưới bàn tay tôi. Họ ở đâu về, bên kia đèo xuống, miền dưới đi lên hay từ vùng quê tôi. Không, đừng nghĩ, bãi cát cửa sông, không, tất cả đi đi, tôi không muốn nhớ, ngôi nhà trông ra lòng sông, không! Tôi vội bắt tôi chú trọng nhìn bốn gã, nhìn thật kỹ để khỏi nghĩ khỏi nhớ. Tôi bắt đầu nhận ra kẻ ngồi phía trước

hắn là hạ sĩ truyền tin, không có lẽ là hạ sĩ y tá. Tôi cố nhớ tên hắn nhưng không thể được. Hắn đã ngủ với tôi thật nhẹ hai tuần hay ba tuần trước và khi đi hắn có nói : « Hành quân lần này dữ lắm. Dám không trở về, buồn không ? ». Tôi nhớ tôi đã trả lời có buồn hay buồn hơi hơi chi đó. Bây giờ tôi nhớ lại cả được thân thể hắn, cả chỗ đó khi hắn... Tên là gì nhỉ, tên hắn là chi, tôi nhớ không ra. Hắn đã đứng dậy lại gần, tôi cười : « Hành quân dữ sao không chết ? ». Bộ mặt cau lại tức cười, đôi mắt đen thui dưới lông mày còn lấm tấm bụi trắng. « Bộ em thích tôi quần trong poncho cột kín lắm hả ! Cho bốn phần cơm đi, ưu tiên nghe, bọn tôi từ tối qua đến giờ chưa ngủ và cũng chưa ăn, bụng toàn nước sông ». Hắn vỗ tay vào bụng lép bộp, vỗ lười lê va vào thành gỗ khô cứng nứt nẻ, cười : « Em nhìn chi vậy ? À, thiếu úy đại đội trưởng mới của tụi tôi đó. Mới dời từ vùng ba lên. Chịu em lắm, đi không ? ». Tôi quay vào nhà bếp cất cao tiếng : « Bốn phần cơm ! Các anh uống chi, bốn chai bia hả, bốn ba ba cùng bàn lẹ lên... Đề rồi coi đã, làm chi mà nôn vậy ». Tôi đẩy nhẹ tay hắn ra khỏi quầy, nghiêng đầu chào Minh mới tới gần. « Thầy dùng chi ạ ? ». Tôi thốt chữ thầy một cách thật ngoan, y hệt như những ngày còn ngồi trong lớp học. Minh lúng túng đưa tay lên nắn lại ca-vát, đưa xuống tần mần cầm lọ tẩm trên mặt quầy : « Cô đừng gọi tôi là thầy, tôi không muốn...tôi muốn... ». Tôi cười nhìn thẳng vào tận mắt Minh, hạ giọng : « Dạ, thế anh muốn dùng chi ? ». Minh nói nhỏ như thường lệ cơm bữa trà đá rồi trở về bàn. Nhìn cái áo sơ mi trắng toát như chói nắng, tôi hồi tiếc, hồi tiếc đã không nói : thầy muốn ngủ với em, thầy muốn dùng em phải không ạ, cũng bằng cái giọng nho nhỏ của học trò ngày trước ấy xem hắn nghĩ sao, cái mặt hắn đôi nét ra sao. Hai người nữa bước vào, kéo ghế ngồi bàn Minh, nhìn về phía tôi trước khi cúi đầu vào nhau nói chuyện. Vẫn cái nhìn kiêu ấy, vẫn cái nhìn của thứ đàn ông đã từng ngủ với tôi. Tôi giận dữ ngoảnh mặt ra ngoài, hắn chưa tồn hả, hắn chưa ngán tôi sao sau lần ấy mà còn mang cái nhìn ấy ra với tôi. Tôi rời quầy hàng tiến ra bàn, chắp hai tay đặt đúng trước chỗ đó trên người, cố tình đặt như vậy trước khi nói : « Kính chào hai thầy, hai thầy dùng chi ? ». Ba cái mặt đỏ bừng

lên, câu nói lâu nhau, cô cho hai, hai chai cam vàng. Những cái mặt đỏ bừng y như thế, y hết lúc sau khi xong xuôi, họ đứng dậy mặc quần áo, tôi nhay xuống giường đặt tay vào chỗ đó cúi chào thật ngoan, giọng thật hiền : « Kính chào thầy ạ... Hôm nào trống giờ, mời thầy lại chơi ». Tôi cứ chào như thế một gã, rồi gã khác. Cả cái ban giáo sư xứ này rĩ tai nhau, kiềng tôi ra không dám rủ tôi rủ lui chỉ nữa. Đáng kiếp ! Khi trở lại quầy, tôi chợt như đứng loại ngoài ý muốn khi thấy gã thiếu úy, thấy đôi mắt gã chìm xuống một tình cảm nào. Hình như buồn, hình như thương hại cho tôi. Nhận xét này làm tôi tức điên lên, tôi không cần, tôi không muốn một ai có quyền thương tôi. Lão thiếu úy này tưởng đi trận về, tưởng hiểu tôi, tưởng như thế là có đủ quyền ! Tôi quay trở ra, tới bàn Minh, lại cúi chào, cố cười thật tinh ranh : « Thầy Minh, trưa nay từ 1 giờ rưỡi em rảnh rồi. Mời thầy lại chơi. » Nói xong, tôi không thèm nhìn lại cái bộ mặt đỏ bừng, ra cửa quán đứng. Có đám mây đang kéo ngang che mặt trời, nắng mờ hắt đi trên cát lòng đường. Tôi nhìn về phía cuối đường, một làn bụi theo chiều gió bay là là. Đột nhiên hình như có làn bụi phủ lên da mặt làm tôi đứng đứng muốn khóc. Tôi dỗi chiều, nhìn về phía ngã tư, người cảnh binh cử động sau làn bụi do đoàn xe kế tiếp bốc lên. Những băng vải trắng chữ đỏ xanh quay lộn theo chiều gió thổi từ biển vào. Thị trấn hôm nay đông và nhộn nhịp. Người ta ăn mừng lễ quốc khánh. Nước mắt đã căng mi, liệu không hi vọng gì kìm giữ nếu còn tiếp tục nhìn, tôi giả vờ như bị bụi bước vội vào ngồi sau quầy, nơi độc nhất trong căn nhà này, thị trấn này, không gian này còn mang lại cho tôi một trú ẩn. Những người đàn ông ngồi ăn, những đĩa cơm, chai bia bốc khói, mờ mờ cùng những ánh mắt mời mọc mơn trớn thêm muốn của họ là thế giới thường nhật trong đó tôi có một vị trí. Minh quay đầu liếc thật nhanh, quá nhanh để tôi có thể tìm đọc xem bên trong hắn nghĩ gì. Nhưng cứ suy đại, tôi cũng biết hắn đang sợ và đang háo hức. Thật tội nghiệp cho nhà giáo trẻ mới ra trường ! Tôi cười như máy thối tiền cho một gã làm tòa tỉnh, tôi hơi cúi đầu khi thối tiền cho ông Bá mặc áo the đen, kính trắng và nhiều sợi râu đã bạc. Tôi hơi mẫn ông già chẳng hiểu

tại sao. Có lẽ tại ông là người già, cũng có lẽ tại ông ta coi tôi như trăm ngàn cô gái khác. Nhưng kẻ đàn ông nói với tôi ông xem tử vi giỏi lắm nhưng không chịu lấy tiền. Và tôi, từ lâu rồi chỉ còn có tiền, từng xấp từng xấp không biết tiêu biết mua làm sao cho hết. Từ lâu, từ đã lâu tôi không còn thích bất cứ cái chi chung quanh. Nhìn vật áo the đen bay trong nắng ngoài hè, tôi tự nhủ sẽ phải có lần đến nhà ông nhờ coi hộ tử vi xem số tôi có cái sao khốn kiếp nào chiếu. Tôi nhìn thẳng vào mắt Minh, hấn vội cúi xuống cầm tiền thối rồi khỏi quầy. Tôi nhìn theo lơ đãng cái dáng hơi cúi nắng chiếu hắt trên vạt áo trắng tinh, nổi nghẹn ngào dâng lên bất ngờ rồi cuộn cuộn. Thôi đừng kiểm chế, màu áo trắng đó, nhớ đi, muốn nhớ... Hôm nay ngày quốc khánh người ta vui, tôi có quyền khóc có quyền nhớ. Vạt trắng hắt nắng buổi trưa từ ngực áo Vinh lên làm tôi phải nhắm mắt để rồi khi tay sững sờ buông thông, môi tôi đã đón nhận làn môi nóng bỏng cuống quýt tham lam : "Thầy, đừng thầy..." tôi chỉ nói được có thế, chỉ kịp nhìn thêm một lần mặt đã bị nâng lên mắt nhắm nghiền trước nắng buổi trưa tích tụ trên vạt áo, Vinh đã cúi xuống đưa tôi vào khoảng không gian đảo lộn run rẩy với hai bàn tay buông thông. Chiếc cặp, cuốn sổ điểm rơi xuống trong âm thanh khô lạt sạt làm tôi đủ sức vùng ra khỏi vòng tay xiết cứng... Nhưng mọi sự đã bắt đầu với sự a tòng, buông xuôi của chính tôi. Tôi đã biết mọi sự sẽ phải bắt đầu khi tan giờ học chót buổi sáng, Vinh đã nói nhỏ khi tôi đóng sổ điểm trên bàn. "Em có thể ở lại đợi tôi nửa giờ không? Tôi có chuyện muốn nói". Tôi đã ở lại nửa giờ, đã theo Vinh băng qua sân trường vắng ngắt dưới nắng tới khu vườn bên kia lộ, Vinh đã không nói gì cả và trong góc khuất dưới đầu hồi một căn nhà, nắng mặt trời làn môi hai bàn tay buông thông không gian run rẩy và đảo lộn. Tôi đã yêu đã bắt đầu... Tôi vội cúi xuống nhưng giọt nước mắt đã rơi trên mặt quầy, một vết thấm trong đám bụi trắng. Thôi đừng nghĩ đừng nhớ, thôi quên đi. "Sao em? Khóc đấy à?". Tôi lắc lắc cái đầu, khung cửa sáng làm mặt gã hạ sĩ đều thui hăm rãnh hiện rõ. "Em có đi với tụi tôi chiều nay không...". Hấn ngoắc tay, hai gã nữa đội mũ lên đầu tiến lại quầy im lặng ngó tôi. Tên hạ sĩ này quả còn nhớ

luật lệ của tôi : ưu tiên cho lính và phải cho coi mặt trước. Được đó, hai cái mặt mới được đó, đen cháy nắng đầy bụi, u tối thêm vì mặt nhợt và thêm muồn quá lâu đàn bà.

— Bốn tất cả kia em.

— Sao lại bốn ?

— Em không ngó thấy thiếu úy của tụi tôi sao ? Đẹp trai ác thấy không ?

— Còn lâu mới đẹp trai ! Bảo thiếu úy các anh lại đây cho tôi coi cái mặt.

— Tụi tôi nói cho ông biết lệ của em rồi nhưng ông bảo cô ngồi đó đủ thừa biết cái mặt lính tráng của ông. Khỏi phải tới.

— Thế thì anh bảo thiếu úy các anh chiều nay cứ ngồi trên xe, đừng có vô !

★

Mình lưỡng cuống, gần như năn nỉ, thân hình thật chẳng ra làm sao trên chiếc ghế trước bàn phấn của tôi dù hẳn vẫn mặc cái áo trắng hồ bột như chói nắng trong quán lúc trưa.

— Em hứa đi. Đừng có chào tôi như vậy tôi mới có thể...

— Nhập gia tùy tục mà thầy !

Tôi phải lên cười, ôm chiếc gối mà cười ngặt nghẽo. Không ngờ cái anh chàng này lại « vui » như vậy. Tôi tiếp tục cười, Minh cũng càng khở sở đứng dậy lại gần.

— Đừng gọi tôi là thầy... Tôi...

— Xin thầy đừng nằn nỉ xin điếm em là chi tội nghiệp. Nay, em mở bài vở của em sẵn sàng thầy coi... Kia sao thầy lại quay đi không coi, không coi sao chấm điếm.

Tiếng động cơ vụt lớn ngoài lộ, có tiếng lính reo hò. Lại thêm đơn vị về thị trấn. Hôm nay quốc khánh, những băng vải chữ đỏ lộn lên lộn xuống theo chiều gió. Tiếng động cơ nhỏ dần, khuất sau

quần áo nhưng tôi vẫn nằm nguyên một chỗ với tình tự tách biệt. Họ thua tôi một sự tủi hổ? Không phải chỉ có vậy... Sự bất động, im lặng làm người đàn ông rụt rè, nhor nhóp thêm. Tôi tự hỏi bây giờ tôi nhảy xuống giường chào, liệu hắn có khóc òa lên không, hắn còn trẻ quá.

— Thầy để tiền dưới hộp phấn trên bàn cho tôi.

— Em... em có cần thêm không?

— Chìa khóa ở trên học tủ cuối bàn, thầy khép cửa giùm tôi và nhớ đừng có khóa.

— Đừng gọi tôi là thầy nữa, tôi van em đừng gọi thế... Trưa nay tôi đến đây không phải vì sinh lý... Em có nghe tôi nói không, tôi... tôi mến em ngay từ lần đầu tiên trông thấy ở quán. Em xua đuổi, chế nhạo tôi, cả bạn bè trong trường cũng thế... Tôi đến đây... như thế, chỉ vì không còn cách nào khác. Tôi nghe người ta kể về em ngày trước, tôi vì thế...

— Với số tiền thầy bỏ ra, tôi cho thuê cái thân tôi. Mua bán đã xong rồi, thầy về đi.

— Em để cho tôi ngồi một chút nữa. Khó có dịp nào. Tôi có chuyện muốn nói.

— Muốn nói chuyện với tôi, giá tiền là ba năm lương của thầy. Chìa khóa ở trên học tủ cuối bàn, khép cửa giùm tôi đừng có khóa. Hôm nay...

Người đàn ông đã đón đến ra về, cánh cửa đã khép lại, tôi vẫn nằm bất động. Hôm nay... hôm nay làm sao? Ngày quốc khánh, người ta nhón nhóp, có ban ở tòa tỉnh, tôi có quyền nhớ có quyền khóc. Tôi áp mặt vào gối ngủ thiếp đi, nhưng giấc ngủ đứt quãng, ướt đầm, ồn ào lẫn với tiếng thì thào của một người lính. Chúng đến đúng hạn quá, một đứa, lại một đứa, lại một đứa nữa. **■ ■ ■** **■ ■ ■** tôi ngủ và tôi không ngủ, tôi còn là tôi và không thấy tôi đâu. Có một tiếng trẻ con gọi mẹ mẹ bên hàng xóm, mẹ tôi đâu. Mẹ của tôi đâu rồi. Người ta kể rằng mẹ cố bò ra khỏi nhà, một nửa người đã vắt ngang bậc cửa, không ai dám lên khỏi hầm cứu giúp, đạn bắn từng tia lửa dài là là từ sông vào, ruộng

đất cát bốc tung từng tiếng nổ dữ dội, căn nhà đã cháy tan tành phủ trên mẹ nằm vắt ngang bức cửa. Tôi khóc gào gọi mẹ, tôi bị tát trong những tiếng gắt kìm giọng : « Im đi, im mau, người ta nghe thấy bắn chết bây giờ ! ». Những đoạn đường dài trong bóng tối, những tiếng nổ, những đám cháy soi sáng vệt cỏ. Tôi không còn mẹ, Vinh tới với làn môi nóng như ánh sáng mặt trời chói trên mi mắt thân thể run rẩy hai tay buông thõng.



Trong một thời gian, tôi lơ lửng, tách biệt, không quá khứ hiện tại, không mẹ cha không họ hàng không loài người. Tôi không là tôi, là lơ lửng tách biệt là không loài người, nhưng rồi tôi khát nước khô cổ và mỗi dần tứ chi. Cột nắng từ mái không còn, một chấm nhàn nhạt trên không, tối rồi, chắc trời tối rồi. Tôi bước xuống giường ra bàn cầm chai nước đưa lên miệng tu, cơ thể thối nát nhầy nhụa trên từng phân vuông da, trên từng sợi tóc. Tôi cầm xấp tiền dưới hộp phấn. Sao lại hai ngàn rưỡi. Minh, một người hai người, ba người lính, « thiếu úy gửi lời xin lỗi không tới, ông bạn ra thăm đại đội phải đóng ngoài tỉnh đêm nay ». Chắc Minh đưa gấp đôi, thật kinh thật gớm, tôi hài lòng chưa. Dìm đủ thân thể vào như nhớp chưa, thấy nổi khoan khoái trong bùn chưa... Tôi tự hỏi tự nguyện rửa một cách tuyệt vọng bởi vì tôi đã biết rồi, biết ngay từ lúc còn lơ lửng, tách biệt không tôi không loài người. Không còn cả đến thứ khoái cảm địa ngục của người đầy đọa thân xác, không còn gì hết. Tôi trở lại giường nằm dài, thử khóc. Không được. Thử ngủ, hai mắt vừa nhắm vùng bãi cát ven sông ven biển, khu làng ấu thơ đã trở lại. Tôi không khóc được và tôi không muốn trở về bởi vì đã là kẻ lạ mặt ngay trong quê hương và ngay cả trong dĩ vãng. Tiếng trẻ con à à lớn dần lọt vào phòng, OK salem sừ, ô kê ô kê. Chắc một người lính Mỹ đang đi bên này đường với những bàn tay nhỏ nâu bần giơ lên. Tiếng à à trở thành tiếng tranh giành cãi cọ, hẳn chắc đang cho tiền cho kẹo. Chấm sáng trên mái chỉ là một vết mờ, không thể biết không

gian bên ngoài kia đã vào đêm tối tới đâu. Tôi ra ghế ngồi, châm một điếu thuốc hút cho tới khi hơi nóng sát dần vào da tay, trong đầu quay cuồng cảm nghĩ. Phải ra bên ngoài kia, tại sao không. Buổi sáng hai sĩ quan đã đưa một bảy chiều đái viên từ Đ. vào quán uống cà-phê. Chúng đã được chở bằng phi cơ tới cho đêm liên hoan khôi thiếu vũ nữ. Tôi nhìn chúng, đã nhìn chúng và so sánh. Tại sao tôi không đến dự buổi khiêu vũ ở tòa tỉnh với chúng, cuộc vui nào loại đó lại không có một người không được mời hiện diện. Tôi nhảy xuống giường, kéo ngăn tủ dưới cùng kiểm một bộ đồ mặc khi còn đi học. Chải đầu, thoa son, tô lông mày, bôi nhiều nước hoa vào những nơi cần thiết, đánh phấn là lại hai tà áo dài còn nếp gấp. Còn thiếu gì nữa không, tôi liếc nhìn trong gương lớn, hình dáng mình mai thật ngoan trong áo dài trắng tóc quần cao làm tôi thoáng hài lòng. Ổn ào, đám đông, ánh sáng ngoài đường đập vào mặt vào cơ thể choáng váng, tôi đi chậm ven hè, tôi dừng lại. Chiếc xe Jeep chạy chậm lại rồi ngừng theo đúng ý muốn, tôi nói: Trung úy cho tôi đi nhờ tới tòa tỉnh được không? Ánh mắt của hắn sáng lên vui vẻ, chắc hẳn không biết tôi.

— Cô đến dự à?

— Dạ.

— Sao cô đi một mình...

— Vị hôn phu của tôi vừa phải đi công tác bất chợt.

— À... Tôi thế lại may. Cô làm ở đâu nhỉ?

— Trung úy thử đoán xem?

— Cô là giáo viên phải không?

Chiếc xe đã lái vòng vào cổng tòa tỉnh, tôi vẫn còn cười. Tôi còn cười vui vẻ khi đề người sĩ quan cầm tay đưa lên cầu thang dẫn tới phòng tiếp tân đầy những hình dáng màu sắc cử động di chuyển. Tiếng nhạc thốc ra làm ngạt thở, ánh sáng lơ mơ, hơi nóng đục kín. Hắn kiểm cho tôi chỗ ngồi trong góc, một ly cam mát rượi trong lòng bàn tay. Tôi uống từng ngụm nhỏ, tay trái để hân mân mê, tai nghe nhạc và lời tán tỉnh. Sĩ quan tư lệnh sư đoàn đã bước lên bục, nhạc im và người phụ tá đã đứng sau vi âm phía dưới thông

ngôn. “ ... Đắt nước trong vòng khói lửa... khiêu vũ vui chơi không phải... Nhưng người chiến binh chúng ta cũng cần nghỉ ngơi... lâu lắm mới được một ngày. Vui suốt đêm nay bởi vì ngày sáng mai lại chiến đấu... không dài lời thêm, đêm không còn bao nhiêu... Những người bạn Hoa-kỳ từ căn cứ tới đây chia vui..., năm giờ sáng... phi vụ tác chiến rồi... ». Tiếng vỗ tay rồi tiếng nhạc, tôi nhẩy vụng về trong tay hân, Hùng chẳng dạy cho tôi được nhiều vì tôi sớm biết tôi là món hàng và Thủ-đức cuốn đi con người ấy. Tôi ghé tai hân.

— Cái anh chàng Mỹ cao lêu đêu đang ngồi kia đó... gần chỗ ông tướng ấy. Hân là ai thế ?

— Cái anh chàng nhìn em cả thế kỷ rồi ấy hả, thiếu tá Miller ở căn cứ Thủy-quân lục-chiến... Kia hân đã nhào tới, chắc định nhẩy với em bằng được... Bọn mình sang phía kia đi, bước dài vào không vấp đâu. Thôi hổng không kịp rồi !

Tôi miệt mài nhẩy và chỉ nhẩy với người trung úy không biết tên và thiếu tá biết tên. Tôi miệt mài nhẩy vì quá rã rồi để có thể quyết định làm điều gì khác hơn. Ly whisky uống vội làm không gian nứt tung, rải rác từng mảng trong từng tế bào. Miller diu tôi vào một góc, đưa một ly nước chanh. Trong những cặp đang quay lộn trước mắt dưới ánh đèn mờ, tôi bắt đầu nhận ra một vài khuôn mặt đàn bà quen, những đàn bà thường được coi như mệnh phụ phu nhân xứ này. Mỗi lần nhạc ngưng một bản, gần như không có ai rời sàn, người ta đổi đàn bà cho nhau, nhạc tiếp tục và người ta tiếp tục. Tôi tự hỏi liệu họ có nhận ra sự khác biệt chỉ không khi đổi những mệnh phụ phu nhân lấy những gái đi từ Đ. tới tăng cường vũ nữ cho đêm vui ? Chắc là không. Kết luận này và men rượu làm tôi phá lên cười. Miller ghé tai thì thầm :

— Cô cười gì thú vị thế ? Cho tôi biết nguyên cớ được không ?

— Ông có nhận thấy gì khác biệt giữa cái bà mặc jupe đen với bà đang nhẩy với sư đoàn trưởng ? Kia kia... gần cửa sổ. Tôi đã thấy ông nhẩy với cả hai bà lúc mới tới đây... Không thấy gì

khác à ?

— Cô nói tiếng Anh khá lắm. Cô giáo phải không?... Làm sao tôi phân biệt được. Chẳng thấy họ khác nhau cái gì.

Tôi phá lên cười lần nữa. Thật đúng, thật chẳng có cái gì khác. Khi cơn cười rồi bỏ, tôi chợt thấy gã trung úy không biết tên đang nhìn tôi ngả đầu vào vai Miller, nhìn một cách căm hờn và ghen tức. Tôi lại cười :

— Ông Miller này, đưa tôi ra sàn đi, tôi ưa điệu này lắm... Tôi học nhảy ở đâu? Một người đàn ông dạy tôi đó... để tôi phải trả công bằng một món hàng. Ông hiểu tôi nói gì chứ? Hiểu à? Ông thông minh lắm, đúng là người Mỹ... Còn tiếng Anh tôi học ở đâu? Lại một người đàn ông nữa chứ còn ai... Họ là đồ tồi à? Không đúng đâu ông, họ chỉ là những nạn nhân như tôi như ông. Ông không hiểu sao? Dĩ nhiên là thế rồi bởi vì chính tôi cũng vừa mới hiểu điều đó... Thôi, ông đừng nói nữa. Hát cho tôi nghe bản này đi ông, hình như người Mỹ ai cũng thuộc lời bản này... Ông chỉ hát nó khi nhớ quê hương? Thế đêm nay ông nhớ quê hương ông đi. Ông thật may mắn khi có quê hương đẹp mà nhớ... Còn quê hương tôi cũng đẹp, đẹp như tôi lúc này... Tôi đang đẹp vô cùng? Ông tin thế thật chứ? Trong sáng như một nàng quận chúa trinh trắng? Ông tin thật ở điều ông nói... Vậy sao?... Cảm ơn, cảm ơn ông rất nhiều!

THẾ UYÊN

(tháng tư, 1966)

tìm chim

TRẦN-TUẤN-KIỆT

cho B. V.

Núi cao giăng xám mây mù

Vàng bay những tiếng chim cù đỉnh thiêng

Ta người leo núi tìm chim

Quên thân bé nhỏ bên triền cao thâm

Đến rồi chim đã mù tăm

Chợt nghe giọng hót âm thầm dưới khe

Đêm khuya hồn nhớ trăm bề

Ra đi ta biết nẻo về nơi đâu.

TRẦN-TUẤN-KIỆT

DƯƠNG-NGHIỄM-MẬU

Kinh-kha, con chủ thủ và đất Tần bất trắc

— Anh có tin là mình thoát được không, cái khó nhất đã qua nhưng còn đoạn đường dài từ đây xuống dưới đó.

— Tin hay không tin cũng chẳng ích gì, vượt được chừng nào thì vượt chừng đó, cũng lắm bị bắt trở lại, và mình có bốn phần là tin cách vượt qua, để chừng từ trước tới nay anh chưa bao giờ phải vượt khỏi, phải trốn đi...

— Chưa.

— Thật là một người may mắn, với tôi đây là lần thứ bảy hay thứ tám gì rồi, chúng nó nghĩ mang tôi tới một vùng như thế này thì tôi không làm cách nào mà vượt được, tôi nhớ lại những điều mấy tháng xa nhà với nhau, chúng nó tưởng tôi không biết đây là đâu, chúng làm như bọn mình đang sống trong một vùng thuộc tỉnh Vân-nam, rồi đã áng chừng từ hôm mới tới, rừng như thế nào, núi như thế nào, tôi lại dò ra ngọn sông thì tôi yên tâm. Trông anh có vẻ mệt rồi...

— Tôi yếu ít lâu nay, vốn không quen kham khổ, nếu không ở giai đoạn đặc biệt thế này có khi tôi không biết núi rừng, kham

khô là gì, cũng may tôi không đến nỗi mất tinh thần như những người khác, một số bạn tôi đã ngã lòng, chúng tôi không đủ một niềm tin, không kiên trì.

— Đa số hàng ngũ những người quốc gia đều thiếu cái đó, mình nhiều cảm tình quá và thường hoài nghi anh thấy đó, nếu bọn mình nghe được nhau, tin được, phối hợp được thì bây giờ đâu đến nỗi thế này... mình đã mắc những lầm lỗi lớn, đó là một bài học, bọn mình đã bỏ mất nhiều cơ hội...

Giọng người đứng tuổi trầm xuống hơi buồn, người trẻ tuổi lặng thinh nhìn ra dòng sông trước mặt, ánh trắng xanh trải trên mặt sông rộng, những gợn sóng lóng lánh như bạc, bên kia dòng sông những lau sậy trải ngút ngàn như chạy tới tận chân dãy núi đen sẫm phía xa, không khí vây quanh tịch mịch, nền trời như không một gợn mây, gió nhẹ thoảng qua làm sao động những lùm cây, dòng sông này sẽ xuôi đến đâu.

— Mình phải đi thôi, có lẽ mình đã ra thoát vòng vây chính rồi, nhưng mình còn phải qua nhiều vòng vây nữa. Anh đang nghĩ gì vậy ?

— Nhớ tới gia đình...

— Một mái nhà, một ông bố, một bà mẹ, một người vợ, một người con, những bữa cơm đầm ấm trong gia đình, nhiều lúc nghĩ đến tôi muốn rơm nước mắt, nhưng lựa chọn ở lại trong khung cảnh ấy chắc mình sẽ khô tâm về những điều khác. Nghĩ đến cha mẹ già nhiều lúc thấy mình bất nhẫn...

Tiếng người trẻ tuổi ngâm khe khẽ :

*« Gió hiu hắt chừ sông Dịch lạnh
Tráng sĩ một đi chừ chẳng trở về... »*

Tiếng gió lay động những lá cây, về tịch mịch bao quanh tưởng như giữa chốn hoang đảo nào. Tiếng người lớn tuổi :

— Anh tưởng con sông này là sông Dịch sao ?

— Tôi nhớ lại chuyện Kinh Kha sang Tần, Tư Mã Thiên đã viết cảnh qua sông của chàng Kinh thành một thiên anh hùng ca, chắc anh cũng đã đọc qua.

— Anh cũng muốn làm một Kinh Kha nữa sao, tiếc đây không phải là dòng sông Dịch, tiếc tôi không phải là Cao Tiêm Ly, là chủ quán thịt chó hay Thái-tử Đan, và tiếc bên kia sông cũng không có cả một Tần Thủy Hoàng cho anh tới mà hạ con chủ thủ... Đề chọn làm một Kinh Kha thì sướng quá đi rồi, hoàn cảnh này đâu còn thích hợp cho Kinh Kha nữa, nhưng tôi vẫn không nghĩ rằng giết Tần Thủy Hoàng là mục đích chính của chàng Kinh, ca tụng cái hành động đó người ta đã giết Kinh Kha để thỏa mãn sự bất lực của mình, để làm hài lòng tự ái của mình. Tôi hỏi anh, một người như Kinh Kha mà lại không nghĩ tới hậu quả khi cầm con dao nhọn sang Tần sao ?

— Tại sao không, nhưng chắc chàng ta không nghĩ tới hậu quả mà nghĩ tới kết quả.

— Kết quả là nước Yên bị làm cỏ, những người như chàng Kinh mà hành động là phải nghĩ tới cùng một lúc những thất bại, và những thành công, anh nghĩ giết được Tần Thủy Hoàng là thành công rồi sao. Tôi nghĩ chắc chắn khi cầm mũi nhọn sang Tần chàng Kinh phải nghĩ tới sau khi đã giết được Tần Thủy Hoàng và nếu việc giết thất bại. Giết Tần Thủy Hoàng rồi làm gì với một nước Tần rối loạn ? Giết một kẻ tàn bạo không chết hẳn sẽ làm gì với vũ lực trong tay hắn ?

— Tôi thấy các chính sử chỉ chép hành động của Kinh Kha : giết một kẻ bạo tàn, sự bạo tàn mà về sau này ai cũng thấy, như vậy hành động như Kinh Kha không đáng ca ngợi sao ?

— Coi chừng anh nghĩ sai điều tôi nói, tôi không hề không tán đồng hành động của Kinh Kha, nhưng tôi không tán đồng lý do người ta đưa ra, lý do khiến Kinh Kha hành động... Trước đây tôi được một người kể lại cho nghe về một cuốn sách viết về chàng Kinh, một cuốn sách mà những sự việc trong đời chàng Kinh khác hẳn những điều mình đã đọc.

— Sao lại có nhiều Kinh Kha thế ?

— Kinh Kha thì chỉ có một người, nhưng những sự thật về Kinh Kha khác nhau, sự thật tùy thuộc con mắt nhìn của kẻ

khác. Đọc về Kinh Kha do Tư Mã Thiên viết hay thì hay thật, hào hùng thật nhưng tôi không khỏi thấy hành động của chàng như hành động của một kẻ mà thành ngữ của mình gọi là anh hùng rơm, nếu không thì tôi cũng nghĩ Kinh Kha là một kẻ tầm thường chỉ hành động để thỏa lòng tự ái, tự ái vì hành động của Điền Quang, của Phàn Ô Kỳ, của Thái-tử Đan, nếu hành động vì nghĩa lớn, chàng Kinh đã không hấp tấp sang Tần với một kẻ giết mướn là Tần Vũ-Dương mà chàng phải đợi người bạn có đường kiếm tuyệt luân, chàng cũng không thể có những hành động ăn chơi, mê người đẹp như là cố hưởng cho hết những lạc thú trên đời để rồi chết. Kinh Kha sang Tần không phải vì mắt xanh của Điền Quang, của Thái-tử Đan, của Phàn Ô Kỳ, lại càng không phải vì cái đầu của Phàn Ô Kỳ do chính tay Kỳ chặt lấy, chẳng phải vì đôi tay người yêu của Thái-tử Đan, một người như chàng Kinh từng qua chơi khắp các chư hầu kết bạn với hết cả những bậc hiền sĩ trong thiên hạ, Điền Quang thấy không phải là người thường, luận kiếm với Cát Nhiếp, Nhiếp dọa bằng mắt mà lạng lẽ bỏ đi, vừa thân với những danh sĩ, vừa có thể thân với một tên chủ quán thịt chó ; chơi với rượu mà tính thâm trầm ham đọc sách, lại có thể ngêu ngao hát giữa chợ như chỗ không người thì đâu phải là một người thường. Như vậy khiến tôi tin những điều tôi đã được nghe về chàng Kinh.

Giọng nói trầm trầm của người lớn tuổi đầy vẻ say sưa, người trẻ im lặng lắng nghe, trăng giữa thánng vàng vạc trên nền trời đầy sao lấp lánh, con sông như một dòng nước bạc óng ánh, người trẻ nói :

— Anh đã đọc được những gì về Kinh Kha mà anh cho là khác hẳn với những sử sách đã viết về chàng ?

— Tôi không được đọc, tôi chỉ được nghe lại do một người anh cả nói cho nghe, anh ấy nói đã được đọc cuốn sách khi lưu lạc bên Quảng-châu.

— Liệu đó là một cuốn sử hay là một tập truyền kỳ ?

— Tôi không rõ, nói theo bây giờ, theo người thật, nó như một cuốn ký sự lịch sử, không có tên tác giả, người ta khám phá

ra nó giữa những sách được cất giấu khi Tần Thủy-Hoàng ra lệnh đốt hết những sách lưu truyền bấy giờ, cuốn sách có ba chương với cái tên là : Ba lần gặp Kinh Kha, cuốn sách chừng như chưa viết xong và được bỏ lửng. Trăng còn sáng quá, tôi có thể kể lại cho anh nghe trong khi chờ đợi mình lên đường.



Được tin của Kinh Kha tôi vội vàng đeo hành lý lên đường, nhưng khi tới nơi Kha đã đi trước đó một ngày. Thôi thế là hỏng hết mọi chuyện, gặp Cao Tiêm-Ly trong quán rượu chúng tôi chỉ than thở với nhau, tôi nói :

— Đã nhăm tôi sao hán không chờ tôi ?

— Hân chờ quá, lần nữa mấy ngày nhưng vẫn không thấy anh, hân cũng như tôi nghĩ rằng một là anh không muốn nhận chuyện đi, hai là người ta không tìm thấy anh, sau nữa Thái-tử Đan có ý ngờ Kha không muốn lên đường vì sợ chết. Trong lúc quân Tần đi cướp phá ngoài biên thù, làm sao để Kha có thể nổi được trong một hoàn cảnh như thế, khi xuống thuyền với Tần Vũ-Dương, Kha có ý không vui.

— Tần Vũ-Dương là người thế nào ?

— Một kẻ sinh ở đất mường mán, năm mười ba tuổi đã giết người, không ai dám nhìn mặt, Thái-tử Đan cho đó là một dũng sĩ có thể giúp Kha giết được Tần Thủy-Hoàng một cách dễ dàng, Kha đã quát lên với Tần Vũ-Dương : Sao Thái-tử lại sai đến mày, đi mà không về là tại thằng nhãi này, cầm một con chủy thủ vào đất Tần bất trắc phải là một dũng sĩ chứ đâu phải là một kẻ giết người như mày.

Nghe Cao Tiêm-Ly nói tôi chỉ biết thở dài, chúng tôi đều linh cảm thấy công việc của chàng Kinh đã hỏng và chúng tôi chờ đợi để nghe tin chàng chết, ngọn lửa hung bạo lại được tưới thêm dầu, chúng tôi không thể tưởng tượng hậu quả phải gánh chịu. Bây giờ Kinh Kha đang trên con đường tới Hàm-dương, tôi quanh quẩn

chỗ này chỗ khác nghe người ta nói tới những ngày chàng Kinh còn ở lại đây, nào là cái chết của Thầy Điện-Quang, dũng khí của Phàn Ô Kỳ tự tay cắt lấy đầu mình cho chàng Kinh mang qua đất Tần mong được gần bạo chúa, người ta nói đến Thái-tử Đan chỉ nghĩ tới việc diệt Tần đã hy sinh ngay cả người yêu để làm vui lòng chàng Kinh. Ngồi uống rượu bên sông Dịch, nghe tiếng tiêu của Tiệm-Ly khiến tôi không khỏi bồi hồi xúc cảm, cái cảnh hơn ba ngàn tân khách, mấy vạn người dân mặc áo tang đã ra đây tiễn chàng đi, tôi tiếc đã không được hưởng khung cảnh ấy, tiếc đã không được cùng chàng lên chiếc thuyền nhỏ qua sông, bao nhiêu năm tập luyện để làm gì, lưỡi kiếm truyền lại từ nhiều đời để làm gì khi đã bỏ lỡ mất cơ hội của nó. Tôi nhớ lại lần gặp gỡ năm xưa, cũng trong một quán rượu như thế này, lần đó Kha vừa rời khỏi Hàm-đan trên đường sang Yên, tôi nghe tiếng chàng từ lâu nên gặp nhau rất mừng rỡ và chúng tôi thân với nhau ngay, tôi thấy rõ chàng không phải là một người thường, tôi hỏi tại sao lại rời Hàm-đan, Lỗ Câu-Tiền không dung được anh sao? Kha nói hắn mới quát mắng tôi chỉ vì ganh nhau khi đánh song lục, với những người như thế mình nên đi khỏi là hơn, lúc trước tôi cũng đã phải đi vì Cát-Nhiếp dọa tôi khi luận kiếm thuật với hắn, mỗi lần bỏ đi như thế chắc họ tưởng tôi hèn lắm, nhưng trong những trường hợp đó tôi chọn làm kẻ hèn, tôi đi tìm một kẻ để tôi xách dép cho họ nhưng tôi chưa thấy một người làm tôi nể, tôi nghe nói đất Yên có Thầy Điện-Quang rất đáng kính, và Thái-tử Đan có mắt thấy được kẻ sĩ nên sang đó xem sao, trông Tần bạo ngược tôi không yên lòng được, anh có sang Yên cùng với tôi không? Tôi nói tôi không cùng đi được, tôi muốn về thăm mẹ già, nhưng tôi hẹn nếu cần đến tôi thì hãy tin cho tôi biết. Chúng tôi ở với nhau ít ngày luận bàn kiếm thuật rất tương đắc, Kha uống rượu rất nhiều, uống bao nhiêu cũng được và chừng như không bao giờ say, càng uống khí dũng của Kha càng như mạnh thêm, chàng vừa uống rượu vừa múa gươm, giọng ngâm thơ hào sảng khí khái, tôi chưa được gặp một ai như chàng. Kha nói với tôi: luyện kiếm để làm gì, tôi nói tôi nghĩ tới Tần Thủy-Hoàng. Kha cười, chàng nói: anh có biết Cát-Nhiếp, Lỗ Câu-Tiền luyện kiếm

đề làm gì không, tôi nói không, Kha cười lớn, họ luyện kiếm để dọa tôi, họ cầm lưỡi kiếm trong tay với sự đùa rỡn, nước loạn chính vì những kẻ không đáng cầm kiếm đã cầm kiếm trong tay và khoa lên với một điệu óc khoa trương rỗng tuếch, bao nhiêu lưỡi kiếm quý đã phải tui hờn, tiếc thay.

Giọng Kha trầm trầm, tôi không phải là kẻ đánh gươm có tài, nhưng tôi muốn được dùng tới gươm một lần cho thật xứng đáng. Tôi nói như vậy ao ước như thế nhưng chưa được thỏa lòng, thực là một kẻ đánh kiếm không bao giờ nói đến đánh kiếm trừ trường hợp gặp tai họa, tôi đã nhăm khi đánh kiếm, luận kiếm với những kẻ như Lê Chiêu-Tấn hay Cát-Nhiếp, quả là tôi chưa có mắt thấy được người, cũng từ đó tôi bắt đầu sợ khi thấy những kẻ đeo kiếm bên mình, tôi sợ cho những người khác và cho chính hãn mang họa vì lưỡi thép vô tri, cầm một mũi nhọn, cầm một ngọn búa trong tay đều phải rờn được.

Nghỉ bên quán nơi Kha đã ngồi, uống rượu với những kẻ Kha đã uống, nhìn con sông Kha đã qua tôi bồi hồi lo âu, mũi nhọn trong tay chúng sang đất Tần liệu có mang được gì về, tiếng nói của chúng như còn vang vọng bên tai tôi. Chúng tôi chỉ gặp nhau mấy ngày rồi chia tay, tôi lên đường trở về cố hương, Kha lên đường sang Yên với lời hẹn gặp lại, nhưng có lẽ không bao giờ chúng tôi còn gặp lại nhau nữa. Ngày ngày chúng tôi ngồi uống rượu bên sông chờ tin người đi, có lúc Tiệm-Ly hỏi tôi :

— Nếu hãn không về chúng ta phải làm gì ?

— Đừng vội nghĩ đến điều đó. Tôi tin hãn trở về.

— Anh nghĩ vào đất Tần dễ vậy sao ?

— Không, tôi không bao giờ nghĩ vậy, tôi không muốn nghĩ rằng hãn thất bại. Nay Tần đã diệt Hàn, chiếm Sở, lấn Triệu, quân Tần đã đến biên giới nước Yên rồi, nếu hãn thất bại thì không quá một ngày gót quân Tần đã tới đây, chúng ta nào còn được ngồi yên đây, Thái-tử Đan liệu có chạy thoát, cảnh huống nào người dân nước Yên phải chịu, và thân hãn liệu có còn hay đã tan thành muôn mảnh. Vào một đất Tần bất trắc hiểm nghèo tôi vẫn mong hãn có thể trở về được.

Chúng tôi chờ đợi từng ngày nhưng tin từ Hàm-dương vẫn biệt tăm, không ai biết những chuyện gì đã xảy ra ở đó, quân Yên dưới quyền Thái-tử Đan đã được điều động để phòng bắt trặc có thể xảy ra, tôi nghe tiếng tiêu của Tiêm-Ly không còn hay nữa, thịt rượu không còn ngon miệng nữa, luyện lưỡi gươm trong bao nhiêu năm đến lúc phải dùng lại không dùng được, đêm đặt mình không sao nhắm mắt. Chợt một đêm kia chúng tôi nghe tiếng gọi cửa, khi ra tới nơi thì thấy Kha, tôi rợn người hỏi:

— Anh thác rồi sao?

Kha cười khan:

— Không đâu, sao anh tới muộn thế, nhưng không sao.

Kha đưa tay cho tôi cầm và biết Kha còn sống, Kha nói:

— Tôi về đây để gặp Thái-tử Đan. Tôi bắt sống được Tần Thủy-Hoàng rồi.

Chúng tôi đều tưởng mình sống trong một giấc mơ, nhưng đó là sự thực, Kha nói:

— Tôi muốn nghe câu trả lời của Thái-tử Đan: giết được Tần Thủy-Hoàng rồi thì Thái-tử làm gì với nước Tàu này?

— Anh hãy thuật mọi chuyện cho tôi nghe.

— Tôi vẫn có ý đợi anh cùng đi, nhưng đợi mãi không được tin gì của anh, quân Tần đã lấy Triệu, Thái-tử Đan không còn kiên nhẫn được nữa khiến tôi phải lên đường. Tới Hàm-dương tôi phải mang tất cả vàng bạc dát lót cho kẻ sủng thần của Tần là Mông-Gia để được vào bệ kiến Tần Thủy-Hoàng, với cái đầu của Phàn Ô Kỳ và tám địa đồ đất Đốc-cảng chúng tôi vào bệ kiến vua Tần. Giữa chốn triều đình uy nghiêm, vượt qua bao nhiêu tầng canh gác Tần Vũ-Dương kinh sợ khiến suýt bị bại lộ, may sao con chủ thủ trong tám bản đồ đã không lộ ra, một kẻ giết mướn làm sao đủ sức để giết được một kẻ như Tần Thủy-Hoàng, tôi đứng lên sát tận ngai vàng dâng tám bản đồ, thừa cơ cầm chắc lấy mũi nhọn túm lấy ngực vua Tần, cả triều kinh hoàng nhưng không ai có khí giới trong tay, lệnh vua Tần cấm không cho bất cứ ai mang vũ khí vào triều, quân phía ngoài phải có lệnh vua

Tần mới được vào, tôi rút lấy kiếm của vua đưa cho Tần Vũ-Dương ra lệnh cho các quan không được nhúc nhích, tôi kể mũi nhọn vào cổ vua Tần, ý tôi muốn bắt sống mang về Yên làm thịt cho hả lòng Thái-tử Đan, sau là moi gan hán ra tể Phàn Ô Kỳ. Tôi hơi ngạc nhiên về thái độ bình tĩnh của Thủy-Hoàng, hán nói không ngờ trong thiên hạ còn có những dũng sĩ như anh, tôi nói đừng có nhìn ta, ta chẳng phải là dũng sĩ gì, ta là người đánh grom rất dở, dù vậy những người trong thiên hạ như ta không thiếu, họ không chấp nhận được sự tàn bạo của nhà ngươi và chỉ vì vậy họ thừa can đảm liều mạng tới đây. Nhà ngươi không sợ chết sao? Tôi bảo nếu tôi chết sẽ có kẻ khác noi theo, cho tới khi nào giết được nhà ngươi. Vua Tần gần giọng: thôi ta chịu chết, nhưng ta hỏi: giết được ta rồi nhà ngươi làm gì với nước Tàu này.

— Thế bây giờ hán ra sao, anh chưa giết nó?

— Chưa, nhưng hán ở trong tay tôi lúc nào mình muốn giết thì giết, có điều tôi muốn biết Thái-tử Đan sẽ làm gì với một nước Trung-hoa sau khi tôi đã giết hán. Câu hỏi đặt ra không những cho Thái-tử Đan mà cho cả tôi lẫn anh, cho những ai không vì địa vị, không vì quyền hành mà chỉ hành động cho chính nghĩa, hành động vì dân sống hạnh phúc của dân chúng. Không chấp nhận sự tàn bạo của Tần Thủy-Hoàng, nhưng tôi cũng không chấp nhận một xã hội rồi sau phân rã, chia rẽ, một nước Trung-hoa hùng vĩ bị chia ra gần trăm mảnh nhỏ cho mỗi kẻ hùng cứ một phương, lâu lâu kết lại rồi cũng đánh lẫn nhau gây cảnh chiến tranh không bao giờ dứt, không thể chấp nhận để một nước Trung-hoa có văn hóa bị chia cắt ra từng vùng văn minh, lại để cho mình bị yếu hèn với sự đe dọa của mọi phương bắc. Bây giờ chính là lúc phải nghĩ tới việc thống nhất một nước Trung-hoa để đối địch với dân Mông-cổ, mở lại ảnh hưởng ở miền Nam, như thế phải chấp nhận phá bỏ chế độ liệt quốc, đối với tôi việc giết Tần Thủy-Hoàng không phải là điều quan trọng mà chính là phải làm gì sau khi đã giết hán? Tôi đã bắt mang theo Tần Thủy-Hoàng và giao cho Tần Vũ-Dương canh chừng trên đoạn đường từ Hàm-đương về đây vua Tần đã giải thích cho tôi nghe những việc ông làm, hán muốn làm những việc mà tôi đã nói với anh ở trên, thống nhất một nước Trung-hoa trong mọi lãnh vực...

Chỉ gặp chúng tôi trong một thời gian rất ngắn, chàng Kinh vội từ biệt để đi gặp Thái-tử Đan, sau một ngày trời chàng Kinh trở lại vẻ thất vọng, chàng nói : các anh phải sang Triệu đi, không thể ở đây được, tôi phải trở lại Tần. Tôi nói anh trở sang Tần làm gì, Thái-tử Đan đã trả lời anh ra sao, tôi phải sang Tần, tôi chưa thể trả lời anh được, còn Thái-tử Đan, thật đáng thất vọng, Thái-tử nói trả đất lại cho chư hầu, mỗi kẻ hùng cứ một phương, và nước Tần phải bị tiêu diệt. Không, tôi không chấp nhận một hành động như vậy, tôi phải trở lại Tần và hẹn lại các anh sau. Và Kinh Kha đã đi.



Người lớn tuổi ngừng kể, gió núi thổi mạnh hơn, trên nền trời những vạt mây theo gió trôi qua mặt trăng có lúc bầu trời tối hẳn đi, khuôn mặt người bạn lạnh như một pho tượng dưới ánh trăng, dòng sông nước bạc vẫn lơ lửng trôi. Tiếng thú rừng lạc lõng vắng xa. Người lớn tuổi đứng lên :

— Mình phải đi thôi, mình phải ra khỏi vùng này trước khi trời sáng.

Người trẻ tuổi đứng lên theo :

— Rồi sau đó ra sao, chẳng lẽ câu chuyện lại ngừng lại ở đó, cái kẻ xưng tôi kia chắc chắn là người bạn mà Kinh Kha đã đợi đề cùng sang Tần, trong Sử-ký Tư Mã Thiên có nói đến nhưng không cho biết đó là ai, trước tôi nghĩ là Cát-Nhiếp.

— Không phải Cát-Nhiếp, là một kẻ vô danh.

— Như vậy thì Thủy-Hoàng đâu phải là một kẻ tồi gì, nhưng tại sao sau đó hẳn lại có nhiều hành động bạo tàn như thế. Thủy-Hoàng chết rồi, cho đến nay trải qua bao nhiêu thời đại mà tội ác của hắn vẫn được coi là kinh hoàng nhất trong lịch sử Trung-hoa, những tội ác không ai có thể bào chữa được, bao nhiêu kẻ đã chết ở Vạn-lý trường-thành, bao nhiêu kẻ sĩ bị chôn sống, sách vở của thánh hiền đều bị đốt, các chư hầu đều bị thanh toán, nếu

quả Kinh Kha đã tha chết cho Tần Thủy-Hoàng thì Kinh Kha đáng là kẻ phải chịu trọng tội và ngày nay người ta sẽ không còn ca tụng Kinh Kha như một dũng sĩ nữa.

— Câu chuyện đầu đã dứt, đề rồi tôi kể tiếp cho anh nghe, tại sao phải xây Vạn-lý trường-thành, tại sao phải chấm dứt sự chia cắt, tại sao phải đốt sách chôn học trò, chính là phải đặt mình trong hoàn cảnh của nước Trung-hoa thời đó, lại đặt mình trong cương vị của Tần Thủy-Hoàng may ra mới thấy được điều đó, phê phán lịch sử một thời phải đặt mình trong hoàn cảnh của lịch sử đó. Tôi hỏi anh, nếu bây giờ anh là người nắm vận mạng của nước ta anh phải làm gì ?

— Tôi chưa bao giờ nghĩ tới điều đó.

— Anh cứ thử đặt mình vào trong một hoàn cảnh như thế.

— Không, tôi không thể đặt được, lớn lên với những ý nghĩ cao đẹp, nào dành lại độc lập, thống nhất, nào kiến tạo tự do hạnh phúc, ai cũng thế mà nay anh em giết lẫn nhau, tự do hạnh phúc chưa thấy đã thấy trại giam, đói khổ, độc lập chưa thấy đã thấy gươm gậy ngoại xâm, tôi chẳng cần giấu anh, ngày nay nhiều lúc tôi buồn chán ngã lòng. sức mình chẳng làm được gì, anh thấy đó, may mà anh với tôi không đến nỗi chết ở đây, nhưng rồi những ngày tới này ra sao ?

Gương người nữ tuổi buồn buồn sức động. Người lớn tuổi gương vầng vàng :

— Anh ít tuổi hơn tôi mà còn thấy vậy, nếu anh là tôi anh sẽ thấy còn đáng buồn hơn nhiều, nhưng đã nhận cho mình một trách nhiệm thì không có quyền được ngã lòng. Nhìn ra những khó khăn, nhưng sự thật chắc chắn Kinh Kha cũng ngã lòng và chàng chắc không muốn mình là một kẻ si nữa, chàng muốn là một kẻ thoát ra khỏi đời sống nhưng làm sao để sống một cách yên lòng với hạnh phúc nhỏ bé của mình trong giữa một cõi đời đầy những đau khổ, làm sao để ăn miếng cơm mà thấy ngon giữa những kẻ đói khát, làm sao để thấy mình ấm áp giữa mùa đông đầy những người không có tấm áo che thân, làm sao để yên lòng phiêu diêu

giữa một xã hội đầy những nhà giam, những đàn áp, bóc lột, bị tước đoạt tự do. Làm sao để yên ngủ với những mộng đẹp triền miên khi đất nước khói lửa, khi ngoại xâm giày xéo, khi đất nước bị những kẻ vô đạo, bất nhân cai trị... Cũng như bây giờ tôi hay anh có đang nhiên mà ngồi nguyên được không? Chúng ta chống Tây để rồi nhận Tàu sao, chúng ta chống chế độ thực dân hà khắc để nhận chế độ độc tài đảng trị sao, chúng ta bằng lòng nhìn sự thay thế tinh thần quốc gia bằng một tinh thần quốc tế sao?... Bao nhiêu câu hỏi đặt ra cho mình, thất bại nhưng không được bỏ cuộc, tôi vẫn nhủ thầm với tôi như thế, mình còn nhiều cơ hội, dù thế nào cũng không thể ngồi yên được.

Hai bóng người yên lặng len lỏi trong lối đi hẹp, một con đường mòn luồn dưới những hàng cây rậm rạp, ánh trăng thấp thoáng qua những bóng lá.

— Còn câu chuyện chàng Kinh?

— Đoạn tôi vừa kể lại với anh là hai phần đầu của cuốn sách, tôi kể lại theo một người kể cho tôi nghe, chừng như tôi đã toát lược thêm đi một phần, tôi không phải là một người có tài kể chuyện, tiếc rằng anh không được nghe người anh cả của tôi kể, câu chuyện anh ấy kể trong một đêm cũng có trăng sáng như đêm nay trong chiến khu ở Vinh-yên, thời gian chúng tôi phải sống những ngày đêm dài nhất trong cuộc chống trả lại Việt-Minh, rồi anh thấy đó, chúng tôi thất bại, mỗi kẻ lưu lạc một phương, người anh cả chúng tôi sau đó đã bị giết một cách bí mật, có người không tin anh đã chết, nhưng tôi có nhiều bằng chứng để tin anh không còn lại với chúng tôi nữa. Tôi nhớ rõ khuôn mặt anh, tôi còn nhớ tiếng anh nói, giọng tha thiết, ấm, mạnh khỏe, tôi tiếc không nhớ hết và nói được cái giọng của anh ấy cho anh nghe, không bao giờ tôi còn được thấy lại anh, không bao giờ được nghe giọng nói đầm ấm thiết tha và đầy tin tưởng ấy nữa.

Hồi bấy giờ anh cũng ngừng câu chuyện lại ở đó, anh hỏi chúng tôi: nếu đã nắm được quyền lãnh đạo trong tay rồi chúng ta phải làm gì, anh nói chúng ta hành động không phải chỉ để hành động, chúng ta hành động để giữ lấy vai trò lãnh đạo, với quyền

lãnh đạo chúng ta mới thực hiện được cuộc mạng chúng ta mong muốn, tạo dựng một xã hội chúng ta hằng mơ tưởng, chúng ta không hành động như một kẻ nổi loạn hư vô, chúng ta muốn tiến tới một đời đời... Những điều anh ấy nói trong đêm trăng ngày nào vẫn còn văng vẳng bên tai tôi, không bao giờ tôi quên những điều đó, chính nó như ngọn đèn cháy mãi soi sáng cho tôi... Và sau đó anh kể tiếp câu chuyện chàng Kinh.



Chẳng bao lâu Tần đã thu tóm thiên hạ về một mối, thống nhất luật lệ, cân đo, chữ viết, cải tổ toàn thể cơ cấu xã hội, thanh toán những kẻ chống lại chế độ, bắt dân chúng xây Vạn-lý trường-thành ngăn rợ phương bắc, cải cách điền địa... tạo thành một nước Trung-hoa hùng mạnh chưa từng có trong lịch sử. Nhưng những đau khổ mỗi ngày một chồng chất lên dân chúng. Chúng tôi đã rời khỏi ngay nước Yên khi chàng Kinh ra đi. Câu chuyện ngày nào còn như một giấc chiêm bao đối với chúng tôi, chúng tôi vẫn hỏi nhau có thực Kinh Kha đã bắt được vua Tần, có phải người hôm gặp chúng tôi thật là Kinh Kha hay chỉ là một hình bóng trong giấc mộng chúng tôi, chúng tôi hỏi nhau như thế nhiều lần nhưng không sao trả lời được. Chỉ biết sau đó ít ngày tin dữ từ Hàm-dương đưa về : Kinh Kha đã nát thân dưới lưỡi kiếm bạo chúa, đâu đâu cũng nghe nói tới chuyện chàng Kinh khi tiến lên dâng địa đồ đất Đốc-cang đã thừa lúc bất ngờ cầm còn chủ thủ định giết vua Tần nhưng việc không thành, nhiều chi tiết trái ngược nhau được nói đến, có người nói tại Tần Vũ-Dương mất can đảm nên để lộ cơ mưu, có người nói vì chàng Kinh không biết đánh gươm, nhưng ai cũng cho đó là số trời không cưỡng lại được, dân chúng còn phải lâm than nên mưu toan của chàng Kinh bất thành. Có điều chắc chắn là sau đó không bao lâu vua Tần phái Vương-Tiền mang quân sang Yên, thế quân như nước lũ, gót quân Tần đến đâu cỏ không mọc lên được, chưa đất nào bị dày xéo như đất Yên, chừng như vua Tần muốn trả cái thù của Kinh Kha, không đầy một năm thành

trì của Yên đã lọt vào quân Tần, vua Yên nghe lời vua Đại-Gia rằng Tần chỉ căm giận Thái-tử Đan, nếu giết Đan dâng cho Tần thì sẽ tránh được chết, nhưng dù giết Đan vua Yên vẫn bị giết theo.

Tiêm-Ly như phát điên : phải trả thù cho hấn, trả thù cho những kẻ đã bị tàn sát, phải giết tên bạo chúa. Tôi nói thì giết tên bạo chúa nhưng sau đó... Tiêm-Ly kêu : hãy giết hấn đã rồi sau sẽ hay, nghĩ mãi rồi làm sao mà hành động, trông những việc hấn làm đó mà ngồi yên được sao. Chúng tôi sống chui nhủi, bôi mặt đòi tên đề tránh sự lùng bắt của quân Tần vì từ sau khi bị mưu sát vua Tần đã cho lệnh lùng bắt những bạn hữu của chàng Kinh mà giết đi, Tiêm-Ly nương nấu nơi nhà Tổng-tử, nhờ tài thời ống tiêu được tiến vào cung vua Tần, nhưng có kẻ nhận ra mặt nói cho Thủy-Hoàng biết, vua Tần tiếc tài cho khỏi chết, khoét mắt chàng bảo thời ống tiêu, dần dần Tiêm-Ly được ngồi gần Thủy-Hoàng, chàng liền đồ chì vào ống tiêu, nhân lúc ngồi gần liền dờ ống tiêu đánh vua Tần nhưng không trúng, từ đó Thủy-Hoàng không bao giờ gần người ở các nước chư hầu nữa. Hai người bạn thân đều đã chết, còn lại người chủ quán thịt chó, chúng tôi lang bạt khắp nơi mong có ngày nhà Tần bị diệt

Còn đâu tiếng tiêu của Cao Tiêm-Ly, còn đâu tiếng nói, khi phách một người vào đất Tần bắt trắc với một mũi nhọn. Tôi cô đơn trong niềm bất lực đau đớn. Tôi không còn chàng Kinh nữa. Tôi tưởng tôi đã có trách nhiệm trong sự thất bại của chàng, nếu tôi đi được chắc tôi đã không để cho hấn sống.

Một ngày kia khi đang ở nước Hàn, lang thang ngoài chợ bỗng nghe tiếng gọi, tôi ngạc nhiên không nhận ra người trước mặt.

— Kha đây.

Tôi kinh hoàng nói :

— Tôi tỉnh hay mê vậy ?

— Tỉnh, tôi thật đây.

Vừa nói Kha vừa nắm lấy tay tôi : Tôi đang đi kiếm các anh, khi tới Triệu thì tôi nghe Tiêm-Ly đã chết, tôi nghe ở Hàn có hàng thịt chó rất ngon, đoán chắc các anh ở đó, quả không sai.

— Hóa anh chưa chết, tôi không hiểu được. Sau khi anh đi chúng tôi hỏi nhau hôm gặp anh thực hay mơ, và cho đến bây giờ vẫn vậy, anh đã tha chết để cho hãn hành động như vậy sao ?

Chàng Kinh lạng đi, chúng tôi trở về quán, nhìn thấy một chiếc ống sáo của Trầm-Ly còn để lại chàng Kinh cầm lấy mà khóc :

— Tôi đâu nào sợ cái chết, giết hãn đâu phải là khó với tôi, nhưng chính là tôi đã nghe người, quả tôi không có mắt thấy được người.

Bây giờ chàng Kinh tóc đã có những sợi trắng, má đã nhăn, nhưng khí dũng vẫn còn cương cường. Trong cảm xúc ghen ngào Kha đã nói lại với chúng tôi :

— Chắc hẳn sau này sử sách sẽ viết rằng : năm ấy, ngày ấy có một tay dũng sĩ tên là Kinh Kha đã mang một con chủy thủ vào đất Tần bắt trết mưu mô giết vua Tần nhưng việc không thành. Nào phải thế, như tôi đã nói hôm gặp lại các anh trên bờ sông Dịch đó. Giữa chốn này đình nhà Tần, tôi đã tay trái túm lấy ngực hãn, tay phải áp con chủy thủ vào cổ hãn, tôi muốn mang hãn về Yên cho Thái-cử Đan hài lòng, sau là moi gan hãn mà tế anh linh của Thủy-Điền-Quang, Phàn tướng-quân, tôi cũng muốn như Tào Mạt xưa kia bắt hiệp Tề Hoàn-Công ký giấy trả đất cho chư hầu. Tôi nghe hãn hỏi tôi : nhà ngươi sẽ làm gì với một nước Trung-hoa này, ta không muốn chết một cách ân hận. Lật bỏ một chế độ là người ta muốn có một chế độ tốt đẹp hơn. Xô đồ một ngai vàng là để lập một ngai vàng mới, nhưng ngày nay ai là kẻ đáng mặt lên ngôi ? Tôi so sánh giữa hai chế độ : những ngày đầu tiên trong chế độ nhà Tần và tình cảnh Trung-hoa trong chia cắt, phân tán, mỗi kẻ hùng cứ một phương tác oai tác quái, nỗi khốn khổ của dân chúng kéo dài quá lâu. Tôi không muốn thấy mãi một tình trạng như vậy chấp Sên miên, không muốn thấy một thời liệt quốc mới. Tôi muốn có một nước Trung-hoa thống nhất, một nền cai trị mạnh, hiền hậu, sáng suốt. Thủy-Hoàng nói với tôi cũng muốn vậy đó là lý do khiến ông tiến tới thống nhất Trung-hoa, phá bỏ các chư hầu. Chúng tôi thảo luận với nhau và tôi đồng ý tha chết cho Tần Thủy-Hoàng để cùng nhau bàn kế hoạch, chúng

tôi làm việc hoàn toàn bí mật : phải thống nhất một nước Trung-hoa, phải thay đổi hẳn căn bản xã hội, phải làm lại hết cả...

— Anh đã đồng ý đề chôn học trò, đốt sách ?

— Từ sau thời thầy Trọng-Ni tư tưởng của Thầy đã bị không biết bao nhiêu kẻ làm sai lạc, sách vở nhằm nhí không biết bao nhiêu, đề những sách ấy tôi hỏi anh di hại biết đến bao giờ. Phải chỉnh lại văn hóa, cuộc sống chỉ yên vui được khi xã hội chỉ sống với một tư tưởng, một cuốn sách cho một chân lý, một lẽ phải. Còn chôn sống học trò thì không đúng, giết hết những người có học thì lấy ai để điều khiển guồng máy cai trị. Nhưng không thể dung túng những tên khuyển nho những kẻ có học mà sống sai nghĩa sách thánh hiền, học ba chữ thánh hiền chưa vỡ mà tưởng mình đội đá vá trời được, muốn nước hùng mạnh xã hội trật tự cuộc sống hạnh phúc thì phải chôn đi những kẻ không chấp nhận sự tiến bộ, chôn đi những kẻ mãi mãi muốn duy trì địa vị quyền lợi của mình.

— Anh chấp nhận đề xây Vạn-lý trường-thành bằng xương máu của người dân ?

— Chúng tôi nhân danh sự bền vững muôn đời, sự sống còn của nước Trung-hoa mà xây trường thành. Muốn có đời sống buộc mọi người cùng nhau đóng góp hy sinh... Nhưng thôi anh đừng hỏi tôi nữa, tôi là một kẻ có tội, tôi cũng đã bị phản bội... Mong tưởng của tôi chỉ là ảo tưởng, Tần Thủy-Hoàng đã đổi thay Hoàng-đế nhà Tần ngày nay không phải là kẻ mà xưa kia tôi đã tha chết cho hẳn.

— Vậy ai đã chết thay cho anh ?

— Như tôi đã nói đó, tôi thất vọng với Thái-tử Đan nên đã thấy Thủy-Hoàng có lý, chúng tôi cộng tác với nhau, Thủy-Hoàng nguyện thi hành những kế hoạch tôi đã đề ra, để cho vua Tần có thêm uy thế chúng tôi vẽ ra cái chuyện Kinh Kha nát thầy dưới lưỡi kiếm vua Tần. Nhưng ai ngờ khi đã thu thiên hạ về một mối, dẹp tan các chư hầu, ổn định được tình thế thì vua Tần thay lòng đổi dạ. Khi đã thống nhất được giang sơn, diệt hết các địch thủ hẳn không

còn nghi tới lý tưởng tới đất nước nữa, hắn nghi tới hắn, hắn nghi tới trường sinh bất tử, tôi biết tôi đã bị phản bội, không làm cách gì khác hơn là bỏ đi.

Chàng Kinh lấy ra con chủy thủ mỉm cười :

— Anh nhớ cái này không ?

— Nhớ.

— Nó nguyên là của Từ Phu-nhân nước Triệu, lúc trước Thái-tử Đan mua với giá một trăm lạng vàng, đã được tẩm thuốc độc, rồi còn giữ nó đây và đi tìm các anh. Bây giờ mình phải bắt đầu lại, bắt đầu lại trong khó khăn, thiếu vắng bạn hữu và một chế độ đã được củng cố... Xưa kia cầm con chủy thủ vào một đất Tần bất trắc rồi chỉ nghi tới lúc giết được bạo chúa, nhưng nay cũng với con chủy thủ này vào một đất Tần bất trắc gấp trăm lần rồi nghi tới một xã hội sau khi đã giết được bạo chúa, điều đó khiến tôi yên tâm hơn, nhất nữa nay tôi không phải vào đất Tần với một tên giết mướn mà vào đất Tần với anh...



Hai người dừng lại, người đứng tuổi ngồi xuống một cành cây, trong khi người trẻ tuổi, ánh sáng đục hơn, trước mặt họ con sông vẫn là dòng chảy, người trẻ tuổi nhận ra họ đã đến một bến sông, hai bên bờ sông có mấy quán lá sơ sác, không một bóng người, dưới bến có một chiếc thuyền cột vào một gốc cây. Người lớn tuổi nói :

— Người kể câu chuyện cho tôi nghe đã dừng lại ở đó. Tôi hỏi anh sao đi ra sao ? Người anh cả trả lời : không biết, tôi chỉ thấy cuốn sách hết ở đây. Còn sử chép : Thủy-Hoàng chẳng hề bị giết mà sau chết vì dư máu, như thế có nghĩa rằng chàng Kinh Kha đã thất bại, nhưng đó đâu phải là kết luận của cuốn sách.

Người trẻ tuổi tự lự :

— Tôi cho rằng đây là huyền thoại do một người nào đó tạo ra để giải tỏa tâm sự của mình. Lịch sử còn chép rành rành ra đây.

— Anh tin sử ký đều là sự thực ?

— Chẳng lẽ nó đều là những điều dối trá sao ?

— Tôi không nói vậy. Đó là sự thực theo một con mắt nào đó. Anh cũng đã từng tham dự vào một số những biến động lịch sử trong những ngày gần đây, anh đã biết những vụ Ôn-Như hầu, Cồ-am, Vinh-yên... vô phúc lịch sử lại được viết bởi những người vừa bỏ tù chúng ta thì anh sẽ thấy, có khi chúng ta còn được gọi là những kẻ phản quốc nữa. Những người sau này đọc còn biết đâu là sự thật. Nếu những người đã chết đều đội mồ mà sống lại được thì chắc lịch sử còn được làm sáng tỏ nhiều uẩn khúc. Có thể câu chuyện chàng Kinh tôi vừa kể với anh chỉ là một huyền thoại, nhưng cho đến bây giờ tôi vẫn tin rằng một kẻ như Kinh Kha đâu chỉ hành động dễ dàng hay hành động dễ lấy chết.

Hai người im lặng theo đuổi những ý nghĩ riêng, họ đưa mắt nhìn lơ đãng xuống bến sông mờ hồ trước mặt, mấy quán lá quanh hiu trong màn sương đục, bên kia sông lơ mờ hình bóng những lũy tre mỏng đi như nét bút vờn nhẹ trong bức tranh thủy mặc đã lâu đời. Người lớn tuổi nói :

— Chúng ta phải chia tay nhau thôi.

— Sao vậy ?

— Nơi chúng ta đang đứng đây người ta gọi là vùng tự do hay vùng giải phóng ; còn bên kia sông được gọi là vùng địch hay vùng tề. Muốn cộng tác với Pháp thì qua sông, muốn sống trong giam hãm, đầy đọa hay chết thì ở lại đây. Anh thấy chưa, bây giờ đâu phải là thời của Kinh Kha, còn Kinh Kha thì Kinh Kha cũng bó tay. Bây giờ có nhiều đất Tần bất trắc, nhiều Tần Thủy-Hoàng, nhiều sông Dịch phải vượt qua... *Chiến sĩ một đi không trở lại*, tôi không chấp nhận quan niệm ấy, lên đường là phải nghi đến ngay trở về, nhưng đó lại là chuyện khác, bây giờ anh qua sông hay ở lại ?

— Còn anh, anh lựa chọn đường nào ?

— Tôi từ chối lựa chọn cả hai con đường ấy. Ai buộc chúng ta phải chấp nhận những con đường có sẵn ?...

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

(1962)

một ngày Việt-nam mai sau

THÁI - TÚ - HẠP

khi vữa khi chỉ còn là củi khô
 à thép đem nung trong lò để thành lưỡi cuốc lưỡi cày
 khi viên đạn đã bốc khói vổ để trở thành bình
 hoa trong phòng khách
 khi giao thông hào biến thành con kênh đem nước
 mát cho ruộng đồng
 khi ngọn hỏa châu thấp sáng như ngàn hà cho đêm mở
 hội hoa đăng
 khi con tàu chở niềm vui sum vầy về cho quê
 hương nghìn trùng xa cách
 khi đêm không còn lo âu
 khi ngày hết rồi niềm đau xót
 những mắt cảm hơn quên lãng chuyện đau thương
 mẹ sẽ hát cho ta lời thơ nguyên thủy
 nghe ngọt ngào từng âm điệu quê hương
 anh sẽ cho em cuộc tình vĩnh cửu
 có giòng sông có hoa bướm cuộc đời
 chúng mình sẽ cho nhau những tháng ngày gần gũi
 mái tranh quê chan chứa mộng bình an
 bạn bè sẽ đến với nhau đông vui như ngày xưa lớp học
 hương cốm thơm như hơi thở đậm đà
 với lòng trinh như cánh huệ cánh mai
 dịu dàng như khói trầm nghi ngút
 tình theo mây dâng trắng đỉnh non cao

tiếng hát ca dao nhân ái vô cùng
 và nụ cười ròn rã nhạc yêu thương
 lời không còn mang độc dược
 tay không còn thủ khí giới sau lưng
 tóc sẽ là rừng xanh
 cho chim rủ nhau về giăng cánh
 lòng trải bao la như cánh đồng lúa mọng
 cho gạo trắng chày khua nhịp sống đêm trắng
 ru ấm no cuộc tình nghèo mấy thuở
 cho mắt nhìn hiền hậu biết bao thương
 nghe triều nước reo từ sông Cửu sông Hương
 từ mấy giải Trường Sơn muôn đời hùng vĩ
 và bờ xa mang tiếng hát thùy dương
 điệu ca ngàn năm yêu dấu
 khi trở về bước chân còn nguyên rượu ngọt
 khi trở về thân thể chúng mình toàn vẹn nghe em
 hay thương cho vết chém của thù hận qua rồi
 đóa hoa hồng nở trong lòng chiếc nón sắt được
 vất trên bờ sông thức tỉnh
 trên bãi tha ma trên khắp công trường
 trong lòng người nham hiểm
 trong lòng người đen tối
 trong lòng người gian dối lưu manh
 hoa nở dọc hàng rào kẽm gai chiến lũy điêu tàn
 đồ nát
 mặt trời phương đông êm ái ngủ yên cảnh trúc
 cảnh tre
 để nghe lời Việt-nam ngàn năm thực thà kể chuyện.

THÁI-TÚ-HẠP

Y - UYÊN

b á o k h ô

Chạy ở khúc quanh của con đường dẫn từ ngoài lộ vào giữa làng. Ở đây nằm ra, một lộ cao bằng những mái tranh lụp xụp dưới chân lộ. Con đường chạy lên lộ mấy năm trước lụt bị nước phá bây giờ đã mọc những cây đã xanh. Những chiếc xích-lô đón lính Mỹ từ qua lại với vũ khí vào tới chợ. Buổi sáng chợ họp lẫn ra cả ngoài đường, trên lộ nhìn xuống thấy một hàng dài những người quân áo đen như là sư sãi lớp lính. Trưa đến, trên đường thỉnh thoảng mới có một chiếc xe xích-lô buông mui đập dình hoặc một chiếc xe nhỏ hình sao trắng làm ỉ chờ nước xuống bãi cát bên kia con đường làng.

Tên con sông bằng một đá đường ra lộ, mặt cát đường trong làng. Hai cuốn ngang cửa đực ngọt xoay tròn trên đường, tan vào bụi cỏ rậm. Chạy xuống trên mái tôn mới sáng lóa. Mấy con chó nằm quẩn trong chợ, dưới thềm ra thờ. Trước mặt chợ, sát bên đường, một cây lùn tranh mái lốm đốm hoa sần đông màu tím nhạt. Có vài người đàn bà ngồi bán những mẹt mận, ổi choắt chèo, bán bánh, đồ uống. Mấy chiếc xe xích-lô quay đít ra chiều gió, đậu rải rác dưới những bóng cây. Những người phu xe nằm trong lòng xe vẫn thức hút hoặc ngủ lơ mơ. Đối diện với dãy lều, bên kia đường,

tấm bảng gỗ hình mũi tên chỉ vào một mái nhà lợp rạ sau bụi tre với mấy chữ nguệch ngoạc "Laundry number one" chốc chốc lại khua lúc lắc lưng chừng một thân gòn cụt ngọn. Đường làng bên hông chợ mất hút sau những rặng cây trùng điệp. Bên kia đường, dưới sâu là bãi cát với làn nước cuối dòng sông tù hãm lấp lánh, với những chiếc xe sao trắng bên những chiếc lều màu cỏ thấp sát mặt đất bên những ruộng mía xanh non mới mọc. Một chiếc xe ba bánh bán giải khát có mui viền tua vàng rực rỡ, thùng xe kẻ đầy những chữ Refreshment nép khuất vào một bụi tre trên con dốc xẻ xuống bãi cát. Gió thổi từ bờ bể xa về lâu lâu lại ào lên như một hơi thở hắt.

Từ một lối rẽ sau rặng cây trùng điệp, một bọn học trò con trai con gái hiện trên đường làng. Chúng đeo trên vai, xách trên tay những gà-mèn, những mo cơm, vừa đi thơ thẩn, vừa đọc cho nhau nghe những lời sấm truyền về tai họa sắp xảy ra ở vùng này. « Ngày hai mươi ba tháng ba năm Bính-Ngọ tới đây kể từ lúc trăng lên khỏi đám mây ngũ sắc ngoài mặt*biển, trời đất không còn ngày đêm. Bốn phương mờ mịt âm u, ngang trời có khối màu đen bay tới đâu nghe có tiếng than khóc tới đó, núi phía tây tinh tú sa xuống tận mặt đất bốc cháy thành lửa. Cây gai lười long thầy thầy lớn lên gấp năm gấp sáu mọc chật đường, chật ngõ, bông gai thầy thầy nở thành bông lan, người tu hành mới hửi được hương thơm. Gà không còn gáy, chó không còn sủa, ngoài đường đầy beo cạp yêu tinh. Kẻ ăn chay làm lành thì biết đóng cửa ở trong nhà, kẻ không tin thần tin quỷ thì chẳng dặng ngồi yên, lòng như có than hồng lửa đỏ, ra đứng trước nhà mà chịu chết thảm. Như kẻ nào mà đọc được lời dạy này biết sao thành ba bốn đưa cho người khác thì cũng đỡ phần tai họa ».

Bọn trẻ kéo ra tới chợ, vào những túp lều bỏ trống giờ cơm ra ăn. Mấy con chó lại gần chúng ngồi thè lưỡi châu chực. Ăn xong chúng xúm lại bên đứa trẻ có tờ sấm ngồi bệt xuống đất vây quanh một cái phản bán hàng lâm râm đọc và cặm cùi chép. Những cơn gió ào lên đứt quãng bị bờ tre bên kia đường cản lại nhưng vẫn thổi rất được mấy ngọn sâu đông bên này. Những tờ sấm trên mặt phản gỗ trong lều rắc đầy những hoa tím nhạt. Vài đứa chép xong ép giấy sấm vào sách vở lại mấy gian lều bán hàng phát cho mấy

người đàn bà, ra đường bịt mũi giả tiếng Mỹ làm mấy người phu xe choàng tỉnh, đưa sấm cho họ. Chỉ còn người bán giải khát bên cái xe ép vào bụi tre trên dốc cát. Chúng ủa chạy tới, đưa nọ sợ đưa kia giành mất. Người bán nước bỏ đi đâu, chiếc xe thì đầy bụi, lớp tua vàng viền bên mui thì đập phần phật. Thấy một thằng bé ôm một mẹt hành đứng vờ vờ nhìn xuống trại lính dưới bãi cát, bọn trẻ nhào tới. Thằng bé giật mình quay lại hai tay vòng chặt quanh mẹt hành. Một đứa con trai gỡ bàn tay nó ra nhét tờ giấy vào, một đứa con gái sẽ sàng đặt tờ giấy trải rộng lên mặt cái mẹt. Thằng bé hốt hoảng vứt mấy tờ giấy xuống mặt dốc:

— Tôi không biết chữ, không đọc được truyền đơn.

Đứa học trò con trai chạy lượm tờ giấy chìa trước mặt thằng bé:

— Mày không đọc được thì mang về cho cha mày đọc, lời thần dạy mà mày.

— Tôi không có cha.

— Mày nói láo. Bộ gà vịt chúng đẻ ra mày chắc?

— Tôi cũng có cha mà cha tôi chết rồi.

Thằng bé vừa nói vừa ôm mẹt hành đi. Đứa học trò chạy theo nhét vào túi áo nó. Thằng bé dừng lại nhìn mấy đứa học trò, có vẻ không hiểu. Bộ mặt cháy nắng của nó ửng lên. Nó móc túi vứt tờ giấy xuống đường:

— Má tôi cấm không được lượm giấy lạ về nhà.

Mấy đứa học trò nhao nhao bảo nhau:

— Thằng bán hành phách lối.

Đứa học trò lượm tờ giấy rồi chỉ vào mặt thằng bán hành.

— Có thiệt mày không cầm?

Thằng bé bán hành nhìn bọn trẻ, giọng bối rối:

— Má tôi cấm không được lượm giấy lạ về nhà.

Đứa học trò bật lên một tiếng chửi, cả hai bàn tay móc vào mẹt hành giật xuống. Những củ hành vỏ tía, những trái ớt, trái chanh rơi vung vãi bắn vào bụi tre, lăn xuống dốc cát. Mặt thằng

bé bán hành mỡ lớn, mỡ cắn chặt. Nó nhào sang bên kia vệ đường, lượm một cục đá. Lúc ngừng lên, nó thấy bọn trẻ bên này đứng rải rác bên những bó hành. Đứa học trò gây với nó đá vào cái mặt trở sang :

— Mày mà chọi đá, tội tao bẻ gãy cẳng, giâm nát cái đồng hành này. Chọi thử coi.

Thằng bé bán hành lưỡng lự trông sang, tay vẫn nắm chặt cục đá. Bên này, bọn trẻ nhìn nhau cười. Một đứa vạch quần tiểu trên những bó hành. Thằng bên kia, nhìn ngược nhìn xuôi. Thấy từ phía đầu đường có một người đi lại, nó cầm cục đá chạy sang húc đầu vào bụng thằng học trò cầm đầu. Đứa học trò bất ngờ lộn nhào xuống dốc nhưng những đứa kia đã xúm lại. Thằng bé bán hành bị đè xuống đất, cục đá nơi tay bị đánh văng đi. Những quả dấm đập tới tấp trên mặt nó. Đứa học trò từ dưới dốc nhảy lên lượm lấy cục đá nhào vào :

— Đập nát ống chân nó ra nó mới sợ.

— Đề tao tiểu hắt lên mặt nó coi nó làm gì tao.

Một đứa khác kêu. Người mà thằng bé bán hành thấy ở đầu đường đã đi tới. Đó là một người lính râu lởm chồm, lệch vai. Bọn trẻ thấy có người vội vàng ùng ùng bỏ chạy. Thằng bé bán hành chống tay ngồi dậy nấc lên khóc. Người lính dừng lại hỏi :

— Chuyện gì đó ?

— Tội nó muốn bẻ gãy cẳng tôi.

— Người lính cúi xuống nhìn những vết sưng trên mặt thằng bé. Anh ta dùng hai tay mở nút áo nó, nhìn vào trong xem xét rồi rờ nhẹ nhẹ trên hai cẳng nó :

— Có nhức không ?

— Không.

— Vậy thì chưa hề gì.

Người lính kéo ống quần lên, rút trong ống quần một lưỡi dao trắng lóa, một tay đỡ lấy ót thằng bé, một tay cầm dao lấy sống giáp giáp trên những vết sưng nơi mặt nó. Thằng bé nhắm mắt lìm dìm. Thỉnh thoảng lại nhăn mặt, rên nho nhỏ. Nó thuật

lại câu chuyện cho người lính nghe. Lát sau, người lính nhét dao vào ống giày, cúi xuống ôm lấy hai bên nách nó đưa người nó đứng lên. Nó khập khiễng xuống dốc lượm lần những quả chanh, quả ớt, bó hành.

— Không hề gì mà.

Người lính nói và đứng sát vào bóng tre.

— Mày ở làng này ?

— Tôi ở làng Hòa-mỹ.

Người lính nhìn xuống những túp lều dưới bãi cát như tìm kiếm.

— Mày tới đây chi ?

— Đòi hành cho lính Đại-hàn lấy đồ hộp, thuốc hút rồi bán lại cho mấy người trong chợ. Bữa nay cấm không được tới hàng rào tới giờ vẫn không có người đòi.

Người lính trở xuống bãi :

— Dưới này cũng có Đại-hàn ?

— Đại-hàn ở đồn ngoài lộ.

Người lính thè lưỡi liếm hai bên ria mép, bật nút áo ngực kéo cổ áo ra sau gáy, ngoắt tay ra gãi. Dáng người lệch vai của anh ta nhích mãi xuống bờ dốc cát, bóng anh ta nhích dần ra khỏi bóng tre. Thằng bé bán hành ngừng lên tò mò nhìn anh ta. Dường như anh ta vừa cất tiếng chửi tục. Anh ta móc túi lấy một miếng thuốc ngậm miệng, vừa quẹt lửa vừa lúng búng hỏi :

— Nghe nói ở đây có chiếc xe đồ Vạn - Hưng bán đồ uống cho Mỹ mà sao không thấy ?

— Bữa nay chưa thấy tới.

Người lính nhìn thằng bé lê trên mặt đất với cái mệt trước mặt.

— Mày có biết mấy người con gái bán trong xe đó không ?

Thằng bé lắc đầu chỉ cho người lính thấy vùng đất bên dưới dốc ngồn ngang những vệt bánh xe.

— Làm sao thấy mà biết. Cửa xe có vải đỏ che kín, đậu dưới đó ai mà dám xuống.

— Con đi.

Tiếng người lính nguyên rửa giận dữ. Anh ta bỏ đi vào phía chợ. Bọn học trò ngồi chếp sấm trong lều thấy anh ta, tản mát đi chỗ khác. Trời nắng gay gắt. Anh ta toan vào cái quán đầu dãy, thấy có người đàn bà chít khăn tang ngồi đó, lại bỏ sang căn lều có mấy người ngồi nhậu với bánh trắng. Điều thuốc trên miệng anh ta bốc khói hỗn loạn. Tay anh ta luôn luôn ngoắt ra sau gáy gãi sồn sột. Anh kêu cà-phê phin. Người đàn bà áo dài đen bán quán cười nói không có. Anh ta lắc đầu chán nản, kêu la-de, mặt hếch lên nhìn một gã lính Mỹ da đen cao lớn bụi bặm ngồi phơi nắng trên bậc gạch cửa chợ cúi đọc những chữ số trên những tờ giấy bạc Việt-nam, đếm tiền. Người đàn bà đặt ly la-de trước mặt, anh ta cầm lên lắc lắc rồi cau mặt hỏi :

— Sao không có đá ?

Người đàn bà cười xoa hai tay :

— Dạ, hồi này đá hiếm lắm, không có mua được, anh vui lòng uống đỡ.

— Không có cà-phê, không có đá, không có chi ráo cũng bày đặt bán giải khát.

Người lính cau nhàu rồi chỉ chai rượu đế :

— Cho một si pha uống đỡ vậy. Ai mà uống la-de không đá. Tôi đâu phải là người không rành chuyện ăn sai. Thằng này đã từng uống huyết-ky Mỹ rồi mà.

Một ông già trong mấy người ngồi ăn bánh trắng cười bả lả đặt một miếng bánh trước mặt người lính :

— Ăn miếng bánh, chú. Chú từ miệt trên xuống đây có nghe gì về vụ mìn nổ hôm trước ở bờ sông. Nghe nói có người mất chân, mất tay, mò hoài không thấy ?

Tiếng ông già nói lớn làm người đàn bà chít khăn tang ở quán đầu dãy nhìn sang. Người lính vươn cổ gãi không đáp. Từ phía dốc cát, một người lính Mỹ da đỏ vắn, quần áo đầy cộm rộng thùng thình dắt thằng bé bán hành vào quán có người đàn bà khăn tang. Người lính kéo hai chiếc ghế dưới gầm bàn, ngồi đối diện.

với thằng bé. Ở bên này, ông già vẫn cười bả lả với người lính lệ h vai. Ông nói với anh ta những thiếu sót của một quán giải khát miền quê, nói mình muốn cất một cái quán đang hoang ở đây mà quận không cho phép.

— Từ ngày quân đội đồng minh tới đây thiếu gì người muốn cất quán mà không được. Chỉ có chiếc xe đồ Vạn-Hung là tự do hốt bạc. Thiệt là một thứ phòng ngủ lưu động. Giang hồ lãng mạn quá mà.

Người lính chăm chăm ngó ông già nghe ông nói. Anh ta hỏi :

— Sao bữa nay chưa thấy tới ?

— Có khi chiều mới được phép xuống, chiều mới thấy tới.

Người lính co chân lên gãi rồi cầm ly la-de pha rượu để uống một hơi lớn. Anh ta bắt đầu nói nhiều với ông già. Giọng người Mỹ ở bên kia kêu « giời ơi » vọng sang. Thằng bé bán hành mặt nhỏ khỏi mặt bàn ngồi trước người Mỹ yên lặng nhai bánh. Trước mặt nó là một đồng lá với một ly cam tươi. Trước mặt người Mỹ là một ly la-de lớn và vòng tay lông lá của anh ta. Anh ta nếu không đột ngột kêu « giời ơi » với nó thì yên lặng dựa vào lưng chiếc ghế mây, vòng tay nhìn nó ăn. Có lúc thằng bé cười rồi ngược nhìn thấy anh ta không hưởng ứng. Mặt anh ta lúc đó tỉnh như một người ngủ mở mắt.

Người lính lịch vai càng uống càng ồn ào, yếu đuối. Vẻ gầy gò của anh lúc mới tới mất dần khi thấy mấy người trong quán chú ý nghe chuyện của mình. Anh nói vợ anh ở trên chiếc xe đồ có che màn đỏ đỏ. Anh tới đây để đâm nó chết. Hồi mới cưới, vợ anh không bao giờ làm mẹ con anh phiền lòng. Trong nhà không chuyện gì nó không biết, không lo. Nó thuộc cả từng sợi tóc sâu trên đầu má anh, lấy than viết lên tường ghi cả ngày gà khởi ấp. Nhưng lần lần những săn sóc, chăm lo của nó thành những lời thôi thúc âm thầm muốn anh phải như thế này, thế nọ. « Nó luôn luôn muốn hơn thế nữa ». Những ngày anh đồn trú ở ngoài quận địa đầu tỉnh, anh nghe nó thường theo những người đi lấy lúa ở vùng địch. Mấy bữa vừa rồi, về tới nhà anh nghe nó chỉ mượn có đó để đi cho thỏa tính hoang. Có người nói chắc nó vẫn theo

chiếc xe đồ Vạn-Hung đi bán giải khát. Nó giấu mặt trong những tấm màn đỏ nhưng ai cũng biết hết. Anh tìm tới đây, giết nó rồi đi ở tù. Nó luôn luôn muốn hơn thế nữa thì lúc này xa anh nó cũng chẳng sung sướng chi. Lưỡi dao anh mang theo đây sẽ giúp anh khỏi buồn vì nó và cho nó khỏi buồn vì cả đời không đầy được nỗi khát khao tự mình bày đặt cho mình.

Buổi trưa như một giấc ngủ trần trọc nực nội. Người lính lệch vai vừa hung dữ vừa yếu đuối mặt mũi bơ phờ cuối cùng cũng im lặng uể oải. Còn tiếng gió lung bùng thổi từng chập trên ngọn cây làm rụng từng lớp hoa sầu đông xuống hai bên dãy lều. Từ ngoài lộ, có hai ông thầy tu đạp xe vào chợ. Chân họ đạp thoăn thoắt nhưng chiếc xe lăn nhấp nhồm, chậm chạp. Hai người đều đã có tuổi, tóc búi sau lưng, vận hai tấm áo dài xanh màu da trời óng ả, cổ đeo xâu chuỗi đen. Nơ tay lái xe, đeo lưng lủng cái khăn gói. Họ mang dép để dầy và cong của những người miền núi. Ở gian quán đầu dãy, người đàn bà chít khăn tang, đội nón bước ra đường. Chị ta đi xuống phía làn nước cuối dòng sông dưới bãi cát. Người lính lệch vai đã phanh hết nút áo, mồm ngậm ướt điều thuốc đứng dậy ngó lên phía mặt lộ. Ông già và mấy người ngồi cùng với anh ta nhỏ to bàn tán về hai ông thầy tu áo xanh vừa vào một cái lều trống nghỉ chân. Người ta nói màu áo nom lạ mắt. Có người nói chắc họ ở Bình-định đi thuyền men theo bờ biển vô đây. « Phải là người gan dạ, võ nghệ cao cường mới dám xem thường nguy hiểm ». Người khác lại nói họ là bạn ông thầy pháp ở vợ ở thôn trên, hồi mở hội bắt thăm người vợ út của ông dường như cũng có mặt hai người này. Cũng có thể là hai anh em họ Trần dong thuyền đánh cá ra khơi mất tích cả chục năm ít lâu nay lại nghe nói trở về hốt thuốc cứu độ cho những người dân miền bờ biển. Cũng có thể là người ở trong bọn chuyên môn đổi đô-la và buôn lậu bò sang bán ở bên kia đèo cái trang. Nhưng dù sao, mọi người cũng nhìn hai người lạ với sự e dè, kiêng nể. Những lời sấm bọn học trò truyền nhau chép và họ như có một liên lạc vu vơ.

Người lính lệch vai mỗi lúc như mỗi thêm nóng ruột. Anh

ta bỏ ra giữa đường, dáng điệu bứt rứt. Những điều thuốc trên mồm anh ta không bao giờ cháy đều, không lần nào khô dầu ngậm. Lẽ nào đưa vợ hoang giấu mặt hồ thẹn trong những tấm màn đỏ biết được anh đang ở đây chờ nó. Nó vẫn chưa bao giờ nghi nó đáng chết sao. Từ lúc da thịt nó mang một mùi đàn ông khác với mùi da thịt anh, nó chết rồi đó. Thân xác nó lúc này **đâu còn tươi mát** như trước nữa. Nó mãi mãi không còn cái nhan sắc hồi cầm than viết trên tường ghi ngày gà khởi ấp. Nó chỉ còn vẻ tươi của vòng môi son tô vụng về và những tia máu phun có vôi lúc lưỡi dao của anh ngập trong da thịt.

Anh ta ngoắt tay ra dấu cho thằng bé bán hành ra đường. Thằng bé lắc đầu. Nó cười với vẻ giận dữ của anh rồi lại ngồi yên. Trước mặt nó vẫn là đồng lá bánh, ly bia và người lính Mỹ. Lúc này người lính Mỹ ngủ thiệt sự. Hai tay khoanh trước ngực, lưng tựa vào thành ghế, mũi úp xuống tới mũi. Thằng bé bán hành chỉ nom thấy cái mồm môi nhỏ và hồng khô, cái cổ ngửa lên đỏ vằn. Nó nhìn hoài các thứ có trước mắt và chưa dám bỏ đi. Người Mỹ đã nhặt được nó ngồi lê lợm những bó hành ở dốc cát giữa lúc anh ta có vẻ buồn. Bây giờ nó phải ngồi yên cạnh chừng nỗi buồn của anh ta. Nó mong anh ta ra khỏi quán để nó ôm mệt hành trở lại đồn Đại-hàn xem có đổi đỡ được ít bó nào không. Tay nó vẫn xua những con ruồi bay qua bay lại trên mặt bàn.

Người lính lệch vai ra đầu đường làng gây với người chủ xe giải khát về tội không có đá cục. Người chủ xe chỉ cười và xin lỗi luôn mồm. Chán ngán, anh ta đứng trên dốc cát ngắm những vết xe hỗn loạn thằng bé bán hành chỉ anh lúc mới tới. Phía những làn nước lấp lánh cuối dòng sông, người đàn bà khăn tang tay giữ nón đang bước lờ lờ như một con chim kiếm mồi. Thấy một đám học trò ngồi dưới bóng bụi tre bên đường, người lính nạt một tiếng lớn, rút dao cầm tay **múa một vòng**. Bọn trẻ hè nhau ùng ùng chạy trốn. Người lính cúi xuống, cầm dao vào ống giày và ngửa mặt cười.

Trời chiều dần dần, gió không còn dứt quãng, thổi ào ào liên tiếp. Bụi cát bay hỗn loạn vào lều vào lòng chợ mù mịt trên

đường. Một vài tấm liếp dựng ngang mái lều che nắng được hạ xuống. Con buôn ngủ ráo khô trên những bộ mặt ngồi ở chợ không còn vẻ uể oải nhưng tỉnh táo đến thẳng thốt. Một vài người ngồi trong lều với người lính đã đi vào đường làng. Người lính trở vào ngồi sau tấm liếp che với mặt đường. Một vài chiếc xe ăm ỉ kéo rờ-mooc chở nước chạy qua đều làm anh ta giật mình. Chiếc xe đồ Vạn-Hưng vẫn chưa tới. Anh ta kêu thêm xá-xị và rượu đế. Người đàn bà bán quán tóc búi, áo dài đen chân đất quen dần với vẻ bất thường của người khách độc nhất còn lại. Từ dưới bãi cát người đàn bà khăn tang trở lên, hai gấu quần ướt và quệt đầy bụi. Người lính hỏi bà chủ quán :

— Chồng chết ?

— Chết mìn hôm trước đó. Một cái xe Lam, một cái xe nhà binh, chết sáu mươi mấy người.

— Kiểm gì dưới đó ?

— Cánh tay có mang cà rá của chồng. Lúc điên, lúc tỉnh, lúc dại lúc khôn, biết sao mà tin.

Người lính lăm bằm chữi tục, trề môi :

— Chồng chết lấy chồng khác mắc mớ gì mà điên.

Anh ta dùng cùi chỏ đẩy mạnh tấm liếp ngó lên mặt lộ rồi lấy lưỡi dao lăm lì bào những lớp bụi trên tay, trên ngực. Người đàn bà nhỏ giọng :

— Giờ chưa thấy tới, chắc bữa nay xe đi bán nơi khác.

— Tôi chờ tới tối.

Người lính nói và đưa tay chặn ngực “ ợ ” một tiếng lớn. Hai người tu sĩ áo xanh ở căn lều bỏ trống lên xe dướn người đạp vào đường làng. Người đàn bà khăn tang đến đứng trước lều có người lính, nhen mắt đỏ, mặt ngơ ngẩn.

— Tới đây từ hồi sớm, mấy mươi lần xuống bãi cát rồi đó.

Người đàn bà bán quán nói rồi lớn tiếng hỏi :

— Có thấy gì không ?

Không có tiếng trả lời. Người đàn bà có tang vào quán, mặt nhìn thẳng, ngồi xuống tấm băng, tay mân mê vành nón. Người lính nhìn, mắt ngó chăm chăm. Người đàn bà bán quán nhìn trước nhìn sau, mặt thoáng bối rối.

— Chết ở trên, kiếm dưới này làm sao thấy ?

Người lính hỏi. Người đàn bà có tang vẫn ngẩn mặt, giọng thì thầm như nói một mình :

— Đây cũng không có biết kiếm đâu giờ.

Người lính « ợ » một tiếng, nhăn mặt :

— Người chết nhiều vậy, thịt xương nát hết, cánh tay cũng ở đồng đó chớ đâu.

« Không có, không có » giọng người đàn bà nhỏ nhỏ như một tiếng cánh chim run. Người đàn bà bán quán lắc đầu.

— Chết vậy mà chỉ tét bụng, đứt chân, mất đầu chớ không nát bầy như hồi ở Dốc-đá. Mấy xác người vô thừa nhận có một người đàn bà đầu văng xuống sông tới hồi vớt lên mới tóc dài vẫn còn như cũ.

Người lính cau mặt, nhắc ly rượu uống ừng ực.

— Chết là hết rồi nói qua nói lại chi cho mất công.

Anh ta vịn vào cọc lều đứng dậy, lão đảo ra đường, nhìn lên phía mặt lợp. Bụi kéo thành đám phủ xuống người anh. Anh đưa hai tay lên chum mặt, quay lưng về hướng gió. Sao chiếc xe vẫn chưa tới ? Sao nó chết cũng bắt anh chờ đợi nôn nao như hồi sắp cưới nhau. Người đàn bà nào chết ở trên mà vô thừa nhận ? Cũng có đứa đàn bà trốn mẹ, giấu chồng đi lấy lúa như nó hồi trước sao. Người lính không muốn trở vào quán nữa nhưng anh cũng biết mình không thể đi đâu lúc này. Sống lưng lạnh khô và như có cát bám từ gáy trở xuống. Mắt anh nhức nhối, hai màng tang máu đập dồn dập. Năng vẫn chói lòa nhức nhối. Như có những đốm hoa sầu đông bằng bạc hỗn loạn trên không.

Len vào bên tấm liếp, người lính buông người trên mặt ghế. Hai tay ôm mặt, anh ta gục xuống mặt bàn. Có tiếng cử động sẽ

sàng của một người đàn bà. Rồi một bàn tay đập nhẹ trên vai anh. Giọng người đàn bà bán quán:

— Có nước chanh. Uống chút cho tỉnh.

Người lính mở mắt ngừng cổ uống một hơi rồi đột ngột hỏi người đàn bà có tang:

— Người đàn bà vô thừa nhận đó ra sao? Chết mà không nát mặt sao chớ?

Người đàn bà hai tay thủ bọc, giọng buồn:

— Tay anh có mang cả rá mà. Vàng thau lẫn lộn tùy thời, triều đình suy, thịnh tùy người nịnh, trung.

Người lính lắc mạnh đầu. Người anh chấp chới. Người đàn bà khăn trắng đó cũng chấp chới theo. Người lính đột nhiên hoảng hốt. Anh cầm miếng vỏ chanh chà lên mặt, cố tỉnh trí. Nỗi sợ hãi thiệt không hình dạng. Đột ngột như cái rùng mình của một cơn say. Anh không muốn hỏi, muốn nghĩ gì cả. Anh không muốn. Người đàn bà chết thảm đó không thể là vợ anh được. Nó đang giấu mặt trong chiếc xe dò Vạn-Hưng đó. Miếng chanh vớt đi đầy cát ghét và cát. Người lính vẫn không ngồi thẳng lên được. Đầu anh vẫn nặng nề nhức nhối. Anh gục xuống với nỗi sợ hãi chấp chới trước mặt. Cánh tay cổ tròn vạch lên tường ngày gà khởi ấp vẫn hợp với người đàn bà xuôi ngược gánh lúa, gánh thóc lúc chồng vắng nhà hơn. Những lời đồn đãi về vợ anh, từ trước tới giờ lời cuối cùng anh vẫn thấy gần lòng tin nhất. Vợ anh ngồi sau tấm màn đỏ theo lời đồn và chết lúc gánh gạo theo trí tưởng cùng mơ hồ nhưng có lý như nhau.

— Ngừ...ời...đàn...bà đó...ó...

Mồm người lính mở lớn, nước mép chảy ứa. Anh muốn hỏi nhưng lưỡi lú lại và những giọt mồ hôi lạnh vẫn nhả trên trán. Anh kê mặt trên cánh tay vòng trên bàn, mắt nháy hoài. Nước mắt vẫn ứa ra và bộ mặt người đàn bà khăn tang thì mơ hồ. « Vàng thau lẫn lộn tùy thời, triều đình suy thịnh tùy người nịnh, trung ». Nó là bày tôi nịnh hay bày tôi trung của anh đây? « Nó muốn hơn thế nữa », ước muốn ấy bây giờ cũng vẫn là cánh tay vạch lên tường những chữ bằng than ngày gà khởi ấp. Nó giấu mặt sau

những tấm màn đỏ trên chiếc xe đồ chiều nay không tới bãi cát. Nó văng đầu xuống sông, mớ tóc còn nguyên. Người lính say thiết sự rồi. Anh ta nhắm mắt thở khò khè với hai cái chết người vợ mình về tìm gặp.

Người đàn bà có tang vẫn ngồi nhìn thẳng, hai tay thủ bọc. Người chủ quán nhìn người lính rồi nhìn chị ta, môi mấp máy như muốn nói. Bà ta lảng quăng chạy quanh lều, khép lại cánh phen, hót những bông hoa sấu đông ra khỏi thùng nước, rồi lại nhìn từng người khách.

Một đám lính Mỹ từ dưới bãi cát, quần áo xốc xếch, đi lên ồn ào cười nói. Những người phu xích-lô nhẩy vội xuống đất, hờm lòng xe trước lối đi của đám lính. Những tiếng trao đổi với chân tay làm điệu bộ. Những tiếng hô hối hả của một chiếc xích-lô đã có khách đẹp đường. Thằng bé bán hành ở lều bên kia đang dẹp mớ lá bánh trước mặt người lính Mỹ vừa tỉnh dậy. Nó tò mò nom sang người đàn bà có tang ngồi bên người lính say rượu. Người lính bỗng cất đầu khỏi mặt bàn vươn cổ mửa thốc tháo xuống mặt đất. Người đàn bà có tang ngơ ngác nhìn anh ta. Những con chó lang thang trong chợ chạy ra xúm trước mặt người lính. Người đàn bà có tang lấy nón đội đầu đứng dậy ra khỏi quán. Bằng những bước dài và nhẹ, chị ta khom người tiến từ từ vào sâu lòng chợ, nơi có một con chó không chạy vào lều, ngồi cúi đầu gặm một khúc xương. Người lính say mửa một hồi lại gục xuống mặt bàn, người như chúi về một phía.

Ở lều bên kia, thằng bé bán hành ôm cái mệt bước ra đường. Bóng nó tần ngần đồ dài trên mặt cát bụi bặm. Nó nhìn những đốm hoa sấu đông rơi lả tả trên mái rạ, nhìn người lính gục trong lều.

— Coi kìa.

Có một giọng đàn bà lẫn với tiếng gió ở sau tấm liếp như tiếng mẹ thằng bé. Nó nhìn lên mặt lộ. Trên con đường lờn nhồn đá xanh dần lên trên đó, người đàn bà có khăn tang đang nhẩy qua nhẩy lại, rượt theo một con chó ngậm trong mồm một khúc xương.

dặm trường

HOÀI-TUYẾT-TRANG

Giơ tay vẫy biệt núi rừng
Xe bon xuống núi mấy tầng mây đưa
Đường xa heo hút gió mùa
Ngoảnh trông dặm đám bụi mù cuốn theo
Non cao, đá dựng chân đèo
Dặm mòn lãng đẵng bóng chiều tịch liêu.
Phên thưa gió lọt quán nghèo
Hiện hồn cỏ sử tiêu điều khói bay
Đồi xa nắng úa vàng phai
Buồn tôi lữ thứ đan dày tâm tư.

HOÀI-TUYẾT-TRANG

DOÃN - DÂN

tiếng buồn đuổi theo

Giọng người đàn bà cất lên, nhỏ và ngập ngừng như một nỗi e ngại :

— Về đi anh.

Vinh quay lại nhìn nàng. Khuôn mặt nàng trắng và hơi xanh dưới lớp ánh sáng thật nhạt của những ngôi sao từ trên trời tỏa xuống. Vinh không thể hiểu người đàn bà đứng trước mặt chàng đang nghĩ gì. Vì đôi mắt nàng chìm lẫn vào bóng tối. Chàng hỏi :

— Về đâu ?

Người đàn bà chỉ tay về phía cuối con đường đất đỏ :

— Nhà em. Ở đằng kia kia.

Vinh nhìn theo tay nàng. Chàng chỉ thấy những mái nhà lụp xụp, nằm sát nhau, quay lưng ra biển, im lìm trong một lớp ánh sáng mờ mờ. Không nhà nào còn đèn. Chàng không hiểu căn nhà nào của nàng, hơi mỉm cười, hỏi :

— Đằng kia là bao xa ?

— Gần thôi. Đi. Đi với em.

Nàng níu cánh tay Vinh lôi đi. Nhưng chàng vẫn đứng yên. Cử

chỉ níu kéo của người đàn bà bỗng nhiên gọi lên trong lòng Vinh một nỗi ái ngại. Chàng hiểu, sự mời mọc, ân cần, vồn vã đó không phải đã phát ra từ trong thâm tâm, từ lòng yêu mến chân thành của nàng. Nó phát ra từ một niềm vụ lợi. Cho nên, thái độ ân cần giả dối ấy làm Vinh vừa khó chịu, vừa tội nghiệp nàng. Chàng nói :

— Từ này, em chưa cho anh biết tên. Tên anh là Vinh.

Người đàn bà ngược mắt nhìn chàng. Ánh mắt nàng phân vân, dò hỏi. Một lát, nàng nói :

— Biết tên nhau làm gì ? Em đâu cần biết tên anh. Em không muốn biết tên một người cả đời chỉ gặp nhau một lần. Anh thông cảm không ?

Vinh hơi ngạc nhiên về lời nói đó. Từ lúc gặp nàng — hay đúng hơn — từ lúc nàng mon men đến làm quen chàng trên bờ biển này, Vinh vẫn mơ hồ có ý coi thường, dè dặt nàng. Nhưng khi nghe nàng nói vậy, Vinh thoáng ngạc nhiên, sửng sốt. Sự coi thường tan trong niềm ngạc nhiên đó. Chàng nói :

— Anh không thích nói chuyện với người anh không biết tên, dù chỉ gặp nhau một lần trong đời.

Sau vài phút phân vân, người đàn bà nói :

— Cứ gọi em là Phượng.

— Phượng à ?

Không có tiếng trả lời. Phượng nhìn ra biển. Nàng thoáng cảm thấy hối hận là hồi này, đã làm quen người đàn ông này. Nàng hỏi :

— Nhà anh ở đâu ?

Những làn gió bất chợt nổi to lên, thổi bạt tiếng nói của Phượng khiến Vinh không nghe thấy. Chàng nhìn ra ngoài xa, nơi những ngọn đèn vàng hoe, kết lại, nhấp nháy xôn xao trên những con tàu đỗ tận ngoài khơi. Chàng có cảm tưởng như đó là một thành phố nhỏ nổi lênh dên trên mặt biển. Vinh đưa tầm mắt ra xa hơn, cố phân biệt ranh giới giữa bầu trời và mặt nước. Nhưng chỉ thấy một màu xanh thẫm bao la chìm sau lớp hơi nước bốc lên, trắng nhờ nhờ như làn sương mỏng. Tiếng sóng biển vỗ vào bờ,

dào dạt từng hồi. Những ngọn nước trắng xóa tung lên, trườn tới như muốn lan đến chỗ hai người. Những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời rộng mênh mông và chập chờn dưới lòng biển. Ngoài bãi không còn một bóng người. Bờ cát trắng, mịn chạy dài về hai ngả, mất hút ở phía xa như chui vào hai dãy núi màu tím xám.

Lần đầu tiên đứng trước cảnh thiên nhiên rộng lớn, Vinh có cảm tưởng, tâm hồn mình cũng đang nở ra, trải dài trong khoảng không gian bát ngát. Lòng Vinh xao động vu vơ trong niềm thanh thoi, khoan khoái nhẹ nhàng. Chàng như băng khuâng e sợ một điều gì mơ hồ, phi lý. Đầu óc chàng trong suốt tựa như những làn gió mát từ ngoài khơi đang tới tấp thổi vào đã làm bay đi tất cả mọi ý nghĩ, mọi nỗi vui, buồn, sướng, khổ vẫn thường khuấy động ồn ào, liên tục trong cõi tâm tư thầm kín của chàng. Chàng đã quên tất cả. Và trong thoáng chốc, chàng quên luôn cả người đàn bà mới gặp đang đứng cạnh chàng.

Một lúc lâu sau, Phượng nhắc lại câu nàng hỏi nãy :

— Nhà anh ở đâu ?

Vinh quay nhìn lại :

— Anh không có nhà.

Người đàn bà cười. Nụ cười như một niềm ngờ vực. Vinh nhận thấy hàm răng Phượng trắng, nhỏ và đều như những hạt trai. Chàng buột nói :

— Em có nụ cười đẹp lắm. Bao nhiêu người đàn ông đã tự tử trong nụ cười của em ?

Phượng cười thành tiếng :

— Thôi đi cha nội. Tán khéo thế ? Em hỏi thật, nhà anh ở đâu ?

— Hỏi làm gì ? Đã bảo anh không có nhà. Không tin sao ?

— Sợ bà xã hả ?

— Cũng không có bà xã để sợ.

Phượng bĩu môi, xi một tiếng dài :

— Dốc ! không tin được. Vậy anh ở đâu ?

Giọng Vinh vẫn thản nhiên :

— Anh mới thuyền chèo đến tỉnh này hồi sáng. Ở nhờ nhà người bạn ít bữa rồi thuê nhà sau.

Vinh như chợt bắt gặp một niềm vui lướt qua nét mặt Phụng. Nàng lại hỏi :

— Nhà bạn anh có xa không ?

Vinh bật cười :

— Sao lấy lý lịch anh kỹ thế ? Cách đây chừng năm trăm thước. Còn gì, em hỏi nốt đi.

Phụng lại cười. Lần này thì niềm vui hiện ra rõ ràng trên nét mặt nàng. Nàng nói như reo vui :

— Vậy đến nằm với em đêm nay. Em sẽ dốc hết cõi lòng để an ủi một tâm hồn cô độc. Anh thông cảm không ?

Câu khôi hài vừa lảng lơ vừa duyên dáng của Phụng làm Vinh vui vui. Bây giờ chàng mới nhận thấy Phụng có giọng nói thanh, trong trẻo và dịu dàng. Chàng hơi lấy làm lạ về điều đó. Một người đàn bà như Phụng, không còn một nét nào trên mặt nàng chứng tỏ nàng còn ngây thơ hoặc mới bước vào nghề này, vậy mà nàng vẫn giữ được một giọng nói, một dáng dấp hồn nhiên, tươi trẻ. Nếu chỉ nghe những âm thanh từ miệng Phụng thốt ra, không trông thấy mặt nàng, người ta có thể lầm tưởng đó là giọng nói của một người con gái, sinh trưởng trong một gia đình đài các, quý phái. Những lời nói của Phụng vừa có vẻ từng trải lại vừa có vẻ ngây ngô, tựa như sự trong trắng thời con gái còn rơi rớt, vương sót lại trong tâm hồn nàng. Và những âm thanh đó bỗng thấm vào hồn Vinh. Chàng hơi cúi xuống, nhìn đôi mắt Phụng. Trong một lớp ánh sáng thật mỏng, Vinh thấy đôi mắt nàng đen, tròn long lanh như hai vì sao. Chàng cất tiếng hỏi, giọng dịu dàng :

— Em ở đó với ai ?

— Không với ai hết.

— Thật không ?

Phượng không trả lời. Nàng quay nhìn nơi khác để tránh tia mắt Vinh. Một lát, Phượng quay lại :

— Có đến với em không ? Khuya rồi.

Phượng vừa nói vừa có dáng điệu như sắp bước đi. Vinh đứng cúi nhìn mũi giày. Vài phút sau, chàng ngừng nhìn lên, không trả lời câu hỏi của Phượng, lẳng lặng diu cánh tay nàng, bước tới. Phượng nói :

— Đề em dắt anh. Mình đi vòng ra bãi biển, về lối cửa sau.

— Sao vậy ?

— Chó xóm này nhiều lắm. Sợ hàng xóm mất ngủ.

Vinh đề mặc Phượng cầm tay, dắt chàng bước xuống bãi cát, rẽ sang phía tay phải. Những làn gió mạnh làm dạt mái tóc Phượng sang một bên. Lăn trong tiếng gió, Vinh nghe thấy những âm thanh bật ra từ chiếc áo cánh mỏng và chiếc quần trắng của Phượng bay lất phất. Làn vải mỏng dính sát vào người nàng làm nổi lên những đường nét thon, đẹp trên thân hình Phượng. Lớp cát dầy lún xuống dưới chân khiến Vinh bước đi một cách khó khăn. Chàng nhìn khoảng trống vắng chung quanh, nhìn Phượng và chàng thầm nghĩ, nếu nàng không phải là Phượng mà là người yêu của chàng, cảnh chàng đang sống, sẽ trở nên thơ mộng biết bao. Ý nghĩ đó lại làm chàng thương Phượng. Thương Phượng thật tình. Chàng kéo Phượng lại gần, hôn nhẹ lên má nàng. Chàng muốn nói : « anh yêu em » nhưng chàng hiểu, nếu nói ra câu đó, chàng sẽ thấy ngay mình ngây ngô, ngớ ngẩn và Phượng sẽ cho là chàng kỳ quặc. Một người đàn bà như Phượng không còn dám tin ở những lời nói của người đời dù là những lời nói được phát ra từ một tấm lòng chân thật. Vinh nghĩ vậy. Nghĩ vậy và chàng lặng lẽ bước đi bên Phượng. Rồi chàng cảm thấy hồi hộp vu vơ. Không hẳn là một nỗi sợ sệt. Cũng không hẳn là một nỗi vui mừng. Vinh có cái cảm tưởng của một kẻ sắp sửa ăn trộm của ai một vật gì quý giá. Chàng nắm chặt hơn bàn tay nhỏ, mềm của Phượng. Hơi ấm từ tay nàng truyền sang người Vinh một cảm giác ngây ngây xao xuyến... Một vệt sáng lớn của ngọn đèn pha từ trên đỉnh núi phía trước mặt, lướt qua chỗ hai người, quét trên bãi

cát, chạy ngang ra biển, làm thành một khoảng ánh sáng trắng, dài di chuyển trên mặt nước rồi chợt lịm đi như chìm xuống đáy biển.

Vinh hỏi :

— Đơn vị nào đóng trên đó, em ?

— Quân đội Mỹ. Hết cả dãy núi chung quanh bờ biển này là của chúng nó. Thứ bảy, chủ nhật chúng nó đổ xuống, các bar quanh đây không còn chỗ mà tiếp khách.

Lời nói của Phụng gợi Vinh nhớ lại hồi sáng, lúc vừa bước chân đến đây, chưa gặp người quen, đi lang thang ngoài đường, chàng nhận thấy ngay điểm đặc biệt, nổi bật nhất của thành phố nhỏ bé này là nơi đây có rất nhiều bar. Không một con đường nào dù nhỏ hẹp và thừa thớt đến đâu lại không có ít nhất là bốn, năm, cái bar. Thành phố gần như của người ngoại quốc. Đi đâu chàng cũng gặp những anh lính Hoa-kỳ tùm năm tùm ba, quây quần quanh các nàng chiêu đãi. Có những toán đi ngất ngưỡng ngoài đường, vừa bước chệnh choạng vì hơi men, vừa cười nói bô bô. Đôi khi, một vài anh trong bọn bỗng cao hứng, hát rống lên những lời ca ngây ngô, vô nghĩa. Toán người ngoại quốc đi đến đâu trẻ con Việt-nam kết lại thành đoàn, chen chúc nhau, theo sau đến đó. Những cánh tay gầy guộc chia ra, cổ vươn lên cao. Những cái miệng thì nhau nói :

— O. K. Đô-la ?

— O. K. Sa-lem ?

Bọn người cao lớn vẫn thản nhiên vừa đi vừa cười nói. Đám trẻ vẫn không nản :

— Năm-bơ-oăn.

— O. K. Năm-bơ-ten.

Bỗng trong đám trẻ, buột ra tiếng nói :

— O. K. Sư cha mày.

Cả bọn phá lên cười. Những anh lính Mỹ ngạc nhiên, nhón mắt nhìn tụi nhỏ. Chợt một anh phồng má, trợn mắt, đạp mạnh chân xuống đường, hét một tiếng thật to khiến đàn trẻ hoảng hốt

đặt vội về phía sau. Nhưng anh lính Mỹ lại toét miệng cười. Những đứa nhỏ cũng bắt cười theo. Và vòng đai con nít lại xiết lại vội vàng chung quanh những người ngoại quốc...

Đến trước một căn nhà lá thấp, hơi thụt vào trong, Phượng chỉ tay, bảo :

— Nhà em đó.

Nàng dắt Vinh đến trước khung cửa. Ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn Hoa-kỳ từ bên trong cánh cửa chui ra qua những kẽ nứt của làn gỗ mỏng. Bên trong hoàn toàn im lặng. Chỉ có tiếng gió và tiếng sóng biển dội đến tới tấp, ồn ào ở phía sau lưng. Phượng mở hé cánh cửa, lách vào nhà, kéo Vinh vào theo. Nàng gài ngay cửa lại. Vinh đứng lại bên khung cửa. Phượng vặn to ngọn đèn Hoa-kỳ, đem đặt lên trên mặt chiếc thùng gỗ kê dưới đất. Vinh đảo mắt nhìn quanh đồ đạc trong phòng : một chiếc tủ gỗ thấp, bé, bên trên la liệt những chai, lọ, nước hoa, phấn, xấp-môi, lược... Đối diện với chiếc tủ là cái thùng gỗ, nằm sát tấm màn gió căng suốt chiều ngang căn nhà. Một chiếc đĩa gạt tàn thuốc lá to, bằng thủy tinh, đựng đầy màu thuốc và tro, nằm trên mặt thùng. Vinh chắc chiếc giường nhỏ của Phượng kê phía sau bức màn gió đã bạc màu đó. Trông bề ngoài căn nhà có vẻ rộng, Vinh hơi ngạc nhiên, khi vào trong chàng lại thấy nó trở nên chật hẹp một cách bất ngờ, thậm hai thế này. Vinh chợt để ý đến một khung cửa đóng kín, ở gần chiếc tủ, nếu mở ra, sẽ thông sang nhà bên cạnh. Chàng đoán, căn nhà này được ngăn đôi, Phượng ở một nửa.

Trong lúc Vinh đứng đó, Phượng lẳng xẵng thu gọn chiếc màn gió sang một bên ; trải lại tấm drap ; đặt ngay ngắn hai cái gối trắng trên đầu giường ; xấp xếp vội vàng những chai, lọ, gương lược... trên mặt tủ và gấp rút những chiếc áo, quần, sú chiêng... vất bộn bề trên sợi giây thép gần lối ra vào. Nàng đem nhét tất cả những thứ đó vào trong chiếc thùng gỗ nhỏ.

Xong xuôi, Phượng đến trước mặt Vinh, thở một hơi dài, nhoẻn cười, hỏi :

— Anh xem em có bừa bãi không ? Có chị người làm, chị ta lại không ở lại buổi tối.

Tự nhiên, Vinh nghĩ là Phụng vừa nói dối chàng. Chàng bỗng thương hại người đàn bà một cách khổ sở. Vinh muốn nói một câu thật thân mật để an ủi nàng. Nhưng không hiểu sao, chàng lại hỏi :

— Em còn ngọn đèn nào lớn hơn không ?

— Còn. Sao ?

— Em thắp lên.

Phụng nhìn Vinh, giọng ngạc nhiên :

— Kỳ ! Không ai đến đây lại đòi thắp đèn như anh. Họ bắt em tắt đèn thật ọ.

Tuy vậy, nàng cũng làm theo lời Vinh. Nhưng ngọn đèn lớn của Phụng cũng chẳng sáng hơn bao nhiêu. Phụng vừa cúi đặt chiếc đèn mới thắp xuống mặt thùng gỗ, vừa bảo Vinh :

— Anh cứ vào giường trước đi... Em rửa cái mặt rồi em vào.

Vinh đến ngồi xuống mép giường, cúi xuống cởi giày. Phụng đem đến cho chàng một đôi dép và một bộ quần áo mặc trong nhà còn gấp nếp. Vinh thầm nghĩ, bộ quần áo này đã qua tay không biết bao nhiêu người đàn ông nằm lại nơi đây. Nó cũng như Phụng, như thân xác Phụng. Chàng đưa trả bộ pijama cho Phụng nói :

— Em cất đi. Anh không cần thứ này.

— Tại sao ? Mặc quần áo đó, ngủ gì nổi !

— Anh đến đây đâu phải để ngủ...

Phụng ném tung bộ quần áo lên mặt tủ rồi xà vào lòng Vinh. Nàng rúc đầu, cười trong cổ chàng :

— Lặng nhĩ. Thế mà lúc mới gặp, làm bộ ta đây đứng đắn.

Vinh khẽ đẩy Phụng ra và chàng cảm thấy hơi ân hận về lời nói đùa sống sượng của mình. Không phải vì chàng ngại Phụng sẽ giận hoặc khinh chàng. Nhưng chàng thấy lời nói đó không cân xứng với niềm tình cảm chàng dành cho Phụng.

Vinh bảo Phụng, giọng nghiêm trang :

— Em đi rửa mặt đi.

— Thôi. Không rửa nữa.

— Sao ?

— Phí thì giờ.

Nàng ngả đầu lên vai Vinh, ôm chặt lấy chàng. Bàn tay Phượng vuốt ve khoảng lưng Vinh rồi lần lần men ra phía trước, cồi từ từ từng cái cúc trên áo chàng. Vinh cảm thấy rõ ràng sức nặng của thân hình Phượng đầy chàng ngả dần ra phía sau. Bàn tay mềm, nhỏ, có những móng dài của Phượng, luồn hẳn vào ngực áo, xoa nhẹ trên da thịt Vinh khiến những mạch máu trong người chàng mỗi lúc mỗi dâng cao. Vinh nằm im, nhắm hờ đôi mắt, nghe một hơi nóng đê mê đang chạy trên khắp thân thể mình. Và trong nỗi đê mê đó, Vinh vẫn bắt gặp niềm ái ngại và tình thương xót dịu dàng chàng dành cho Phượng. Chàng nghĩ rằng, những cử chỉ vuốt ve, âu yếm, những lời nói ngọt ngào, thân mật mà Phượng đang có với chàng đây chỉ là giả dối. Nàng chỉ làm vì bõn phận ; vì muốn chiều lòng khách. Những cử chỉ và những lời nói đó hoàn toàn trái ngược, miễn cưỡng với ý muốn nàng.

Vinh mở mắt, xoay người lại, nhìn Phượng :

— Em đề anh yên.

Nàng lắc đầu :

— Không.

— Anh nói thật. Anh muốn mọi sự xảy ra một cách tự nhiên, không cần gò ép, thúc dục... Em hiểu ý anh không ?

— Nhưng em thích. Em... mến anh. Anh thông cảm không ?

Vinh hơi mỉm cười. Chàng nhận thấy, sau những lời nói, Phượng hay thêm câu : « anh thông cảm không ? » khiến câu nói của nàng nhiều khi trở nên ngây ngô, ngộ nghĩnh một cách thú vị. Vinh cho rằng, có lẽ chàng mến Phượng cũng vì vẻ ngộ nghĩnh đó của nàng, ngay từ lúc mới gặp mà chàng không tự biết.

Vinh nói :

— Thông cảm. Nhưng em ra mở cửa sổ giúp anh. Anh thấy bức.

Phượng rời Vinh, tụt xuống khỏi giường. Nàng nói :

— Cửa sổ nhà em không « mở » được. Phải nói là « tháo » ra mới đúng.

Nàng đi đến, rút chiếc then ngang, tháo rời phiến gỗ vuông, to, để lộ một khoảng trống nhìn ra biển. Gió mạnh chọt ủa vào làm rung rinh tấm màn gió chỗ Vinh nằm. Chàng nói :

— Nhà em có nhiều cái lạ lắm.

Hiều lắm câu nói của Vinh, Phượng có vẻ ngượng. Nàng nói :

— Nghèo thì phải vậy chứ biết sao. Em thuê hai căn này ba nghìn một tháng đó. Nhà ở đây hiếm lắm. Có chỗ chui ra chui vào là may. Anh thông cảm không ?

Một lần nữa, Vinh lại mỉm cười, trả lời Phượng :

— Thông cảm.

Phượng đến nằm xuống giường, cạnh Vinh. Nàng vòng tay ôm ngang người chàng. Vinh nghe rõ hơi thở, ấm, rộn ràng của Phượng phả vào một bên má mình. Tâm hồn Vinh lâng lâng ngây ngất tựa hồ đang chơi vơi trong một khoảng không gian bát ngát, với những làn gió nhẹ thoảng chung quanh. Trong một thoáng, Vinh như quên rằng, người đàn bà đang nằm bên chàng, đang âu yếm, vuốt ve chàng, là Phượng. Chàng tưởng chừng như mình đang nằm trong vòng tay một người con gái mà chàng đã thầm yêu, trộm nhớ từ bấy lâu nay. Cảm tưởng đó làm nở ra trong lòng Vinh ý muốn nâng niu, ôm ấp một cách hết sức thiết tha, triu mến người đàn bà nằm cạnh chàng. Nhưng Vinh chỉ muốn vậy thôi. Vì chàng hiểu, nếu bây giờ chàng quay sang Phượng, ý muốn đó sẽ tan biến ngay, như một làn khói mỏng. Chàng nhắm mắt lại, nằm im, để mặc cho nàng mơn trớn. Rồi sự mệt mỏi vì phải ngồi trên máy bay hai tiếng đồng hồ và gần một ngày trời lang thang dưới nắng, làm tâm hồn Vinh lịm đi, thiêm thiếp trong bầu không khí êm ả, dịu hiền, dưới bàn tay Phượng.

Không biết bao lâu sau, tiếng súng đại bác từ trên một ngọn

núi nào bắn đi, lôi Vinh ra khỏi vùng êm ả đó. Thấy Phượng nằm im, tưởng nàng đã ngủ, Vinh xoay người, nhìn sang : đôi mắt Phượng mở to trong lớp ánh sáng vàng nhạt của ngọn đèn dầu, đang chăm chú nhìn chàng như đã nhìn như vậy từ lâu. Đôi mắt nàng vừa dịu dàng vừa xa vắng.

Vinh hỏi :

— Súng ở đâu bắn đó, em ?

— Trên đồi. Ở đây, đêm nào cũng vậy. Hồi mới đến, em không thể nào ngủ được. Riết rồi cũng quen.

Riết rồi cũng quen... cũng quen như chúng mình đã từng quen thuộc với cuộc chiến tranh kéo dài, dai dẳng dòng đã mấy chục năm trường trên đất nước này. Cũng quen như em đã từng quen thuộc với sự tiếp xúc thường xuyên với những người đàn ông hoàn toàn xa lạ, trong đó có anh. Cũng quen như cảnh những trẻ nhỏ ngửa tay xin tiền bọn người ngoại quốc... Một tiếng thở dài, bỗng đứng buột ra khỏi lồng ngực Vinh.

Tiếng Phượng :

— Em tưởng anh ngủ rồi. Em chắc anh mệt nên để yên cho anh ngủ.

Vinh muốn trả lời Phượng bằng một câu thật dịu dàng, đầm ấm, nhưng chàng chỉ nằm im. Tiếng súng đại bác ở ngoài kia vẫn nổ. Tiếng những viên đạn xoay đi trong không khí, át cả tiếng gió và tiếng sóng biển đổ vào bờ.

— Anh nghĩ gì đó ?

— Không.

— Sao nhìn em như vậy ? Nhớ nhà hả ?

Vinh không trả lời. Chàng nhìn ra cửa sổ. Ánh sáng của ngọn đèn trong nhà làm chàng hoa mắt, không trông thấy gì.

Phượng theo dõi cử chỉ của Vinh. Rồi đột nhiên nàng nói :

— Hồi thật. Anh đã thế này bao giờ chưa ?

Vinh ngạc nhiên nhìn Phượng :

— Em hỏi gì kỳ vậy ?

Nàng cười :

— Tại em thấy anh... làm sao ấy, không như mấy người đàn ông em gặp.

Vinh cũng cười :

— Làm sao ấy là làm sao ?

— Không biết. Nhưng kỳ lắm.

Nàng rúc đầu vào cổ Vinh, cười thành tiếng. Chợt nhớ ra một điều, Vinh hỏi :

— Phượng à. Em nói ở đây nhiều người Mỹ. Em có tiếp họ bao giờ không ?

Tiếng Phượng cắt ngắn :

— Không.

Nghe tiếng "không" mạnh dạn và cộc lốc đó, Vinh không thể hiểu nàng nói thực hay nói dối. Tuy vậy chàng cũng cảm thấy hơi hơi thích thú. Không hiểu tại sao.

Vinh gợi chuyện :

— Anh thấy nhiều cô... như em, bỗng chốc trở nên giàu có. Sao em không làm như họ ?

Phượng nhại lại giọng Vinh hỏi này :

— Làm như họ là làm sao ?

— Đi với người Mỹ.

Phượng không trả lời. Bàn tay nàng đang mơn man trên ngực Vinh, trở nên ngập ngừng rồi dừng lại, nằm im như thiếp ngủ. Vinh có ý chờ Phượng trả lời. Nhưng, nàng vẫn không nói gì. Chàng nghe thấy rõ ràng từng hơi thở nhẹ của Phượng. Bây giờ chàng mới để ý và mới nhận thấy mùi da thịt Phượng tỏa ra, phảng phất trong một thứ hương thơm rất nhẹ của loại nước hoa chàng không biết hiệu. Bên ngoài, tiếng sóng vẫn vỗ vào bờ dồn dập, đều đều. Tiếng gió xào xạc, vi vu trên những ngọn thông ở một phía nào rất xa. Tất cả những âm thanh đó vẳng đến tai Vinh

như một lời ru êm đềm, như một nỗi nhớ thương mơ hồ, vô cớ. Lần đầu tiên, từ lúc gặp Phượng, Vinh cảm thấy lòng mình rạo rực. Những mạch máu trong người chàng vươn lên, vươn lên. Và chàng có cảm tưởng, tâm hồn mình đang thiu thiu, lịm ngắt trong một vùng hương thơm thoảng ra từ người Phượng.

Vinh quay sang Phượng. Chàng bỗng trở nên phân vân, bỡ ngỡ, không biết phải mở đầu bằng cách nào. Không phải đây là lần đầu tiên chàng đến ngủ ở nhà một người đàn bà như Phượng. Nhưng đối với nàng, tự dưng, chàng cảm thấy mình thật lúng túng, vụng về. Hình như trong thâm tâm, chàng e ngại rằng, dù mở đầu bằng cách nào thì Phượng cũng sẽ buồn lòng. Nỗi e ngại đó khiến chàng nhận biết, những lần trước đây, với những người đàn bà khác, chàng đã xử xự một cách tàn nhẫn và hèn mọn. Và Vinh ân hận vu vơ...

Đợi một lúc lâu, không thấy Phượng nói gì, Vinh cất tiếng hỏi :

— Em ngủ chưa, Phượng ?

— Chưa.

— Sao không trả lời anh ?

— Trả lời gì ?

— Câu anh hỏi hồi nãy đó.

Phượng lại im lặng. Lát sau, vẫn không ngược lên, Phượng hỏi lại :

— Bộ anh khinh rẽ em đến cỡ đó sao ?

Vinh chợt sửng sốt trước câu trả lời của Phượng. Trong một thoáng, chàng ngỡ là mình đã nói lỗ đều gì làm tổn thương đến danh dự nàng. Vinh nhớ lại câu hỏi nàng hồi nãy và chàng thật tình không hiểu, phản ứng của Phượng vừa rồi mang ý nghĩa ra sao. Vinh nằm yên chờ đợi. Giọng Phượng tiếp theo, nhẹ và buồn :

— Sao em lại không biết đi với Mỹ là khôn. Nhưng cứ nghĩ phải ngủ với tụi ngoại quốc để lấy tiền nuôi miệng làm em không chịu được. Thà là ăn nằm với những người cùng quê hương, xứ

sở... Họ có khinh em thì cũng là người đồng bào khinh em. Còn tụi chúng nó, chúng nó chửi vào mặt em, em cũng không biết...

Phượng cười nhẹ một tiếng, giọng khôi hài chua chát :

— Em nghèo toi tả thế này cũng là vì ăn ở hết mình với người-anh-em-đồng-bào đó. Anh thông cảm không ?

Vinh muốn bật cười sau câu nói của Phượng, nhưng chàng không thể nào cười được. Một nỗi buồn ở đâu rơi xuống hồn chàng, dâng lên, nằm yên nơi cổ. Vinh xoay người lại, ôm chặt Phượng vào lòng, nói thật nhỏ bên tai nàng :

— Thông cảm. Anh thông cảm em.

Và chưa lần nào Vinh thấy mình dùng hai tiếng « thông cảm » lại mang một ý nghĩa sâu xa, thấm thía như lần này. Rồi chàng trầm nghĩ, bây giờ, dù chàng có mở đầu bằng cách nào để tiến tới, tiến tới... gần Phượng, chàng cũng sẽ không cảm thấy ân hận và Phượng cũng sẽ không phiền trách chàng. Bàn tay Vinh xoa lướt nhẹ nhàng trên bờ vai Phượng. Những ngón tay chàng mon men, dò dẫm và lẩn lẩn cời bỏ hàng cúc trên nẹp áo nàng, như một sự tình cờ, như một việc tất nhiên.

Từ bên kia vách ván, đột nhiên phát ra những âm thanh nhỏ, rờ rạc. Tiếng kêu kót két của lớp dất giường lay động. Phượng nhòm vội đầu lên, như thể nàng vừa nắm phải một mũi kim nhọn. Nét mặt nàng lộ vẻ ngơ ngác, hốt hoảng. Đôi mắt Phượng nhìn đăm đăm vào tấm vách ván như thăm dò, nghe ngóng. Nhưng bên kia lại im lặng. Vinh hỏi :

— Chuyện gì thế, Phượng ?

Nàng trả lời lơ đãng :

— Không.

Nàng gượng nhẹ nằm xuống. Tiếng Vinh :

— Ai bên này đó ?

Không có tiếng Phượng trả lời. Vinh nhìn nàng. Hình như nỗi hốt hoảng vừa qua hãy còn phảng phất trong đôi mắt Phượng. Chàng nhắc lại :

— Ai ở bên này, em ?

Phượng nhẹ xoay đầu nhìn Vinh, nhưng vẫn không trả lời, như thể nàng chưa hiểu Vinh muốn hỏi gì. Vừa lúc đó, từ bên kia bức tường gỗ mỏng, tiếng "kót két" lại phát ra, rõ và nhiều hơn. Rồi tiếng một đứa trẻ bỗng khóc ré lên, hòa với tiếng những cẳng chân giấy mạnh trên giường.

Phượng vùng bật dậy như khi nghe tin nhà cháy. Nàng nói vội vàng :

— Chết. Cháu dậy. Đợi em một chút. Em dỗ cháu, rồi sang...

Nàng nhảy vọt khỏi giường, chạy ra mở khung cửa nơi gần chiếc tủ, thông sang gian bên. Vinh bỗng ngỡ ngác như trước một hiện tượng lạ. Chàng chợt cảm thấy sững sờ, cụt hứng. Chuyện vừa xảy ra, tuy tầm thường nhưng vì quá đột ngột và chàng không ngờ trước, nên gieo vào lòng Vinh một nỗi bàng hoàng, xúc động. Tiếng Phượng từ bên kia :

— Mẹ đây. Ngủ ngay, ngủ ngay...

Đứa bé không giẫy nữa, song vẫn khóc. Phượng khẽ gắt :

— Im nào. Mẹ đây, mẹ đây mà... Thằng này nằm lui ra, đập vào em làm nó dậy...

Rồi tiếng khóc chợt nín bặt. Vinh chắc đứa bé đã chợp được và mẹ. Tiếng Phượng ru khe khẽ :

— Con ơi mà đi ăn đêm, đậu phải canh mềm, lộn cổ xuống ao... Ngủ đi, ngủ đi, mẹ thương...

Tiếng ru và tiếng nựng con của Phượng bỗng dưng chìm lặn vào tâm hồn Vinh và lan tỏa ra trong đó, thành một nỗi buồn bao la, man mác. Trong một giây, Vinh có cảm tưởng, người đàn bà vừa ru những lời êm ái ở phía bên kia, không phải là Phượng. Cũng giọng nói đó, cũng những âm thanh trong trẻo, dịu dàng đó mà sao chàng nghe lạ lẫm vô cùng. Hình như chỉ trong giây phút vừa qua, chàng mới được nghe tiếng nói thực sự của Phượng. Và chỉ những lời nói đó mới thực sự được cất lên từ đáy tâm hồn nàng; từ niềm rung động sâu xa, thầm kín của cõi lòng nàng.

Vinh băng khuâng ngơ ngác trước những âm thanh đó như chàng đã ngơ ngác về việc Phượng có con. Rồi tim chàng hơi se lại. Một niềm xao xuyến mong manh xao động chập chờn trong tình cảm Vinh. Chàng nằm yên đó, cố giữ im lặng và thầm ao ước khát khao, tiếng nói của Phượng lại cất lên, cất lên ở phía bên kia bức tường gỗ mỏng. Nhưng bên đó bây giờ đã hoàn toàn im lặng. Ở bên này cũng im lặng hoàn toàn. Chỉ còn tiếng nước đổ ào ào, tiếng gió lướt nhanh trên các lùm cây; tiếng đại bác rời rạc bắn đi từ chòm núi xa... Tất cả những âm thanh xô bồ buồn tênh đó hợp lại, lọt qua khuôn cửa sổ, dội vào tai Vinh thay cho những tiếng ru ngọt ngào của Phượng. Vinh vẫn nằm im và chàng tự hiểu, rồi sẽ chẳng có gì xảy ra giữa chàng và Phượng hết. Không có gì hết. Vinh thoáng hối tiếc những phút vừa qua, lúc Phượng còn ở bên này, lúc nàng còn nằm kê đầu trên chiếc gối này đây, và thân thể nàng còn gói gọn gàng trong vòng tay Vinh. Niềm hối tiếc đó làm chàng khó chịu và tự hồ thẹn với mình.

Vinh nhào người, với tay ra khỏi giường vặn nhỏ ngọn đèn dầu. Ánh sáng thu gọn lại. Bóng tối trải rộng thêm. Vinh ngược đầu, nhìn qua cửa sổ. Một vài vì sao nhấp nháy, long lanh trên nền xanh thẫm của khung trời nhỏ, xa vời như một tia hy vọng gần tàn. Những làn sương mỏng bay qua, bay qua. Chàng thầm hỏi: « Sao Phượng không nói ngay về những đứa con của nàng, lúc mới gặp nhau? Nàng vô tình không nhắc đến hay cố ý giấu mình? Sao Phượng phải làm thế? Đâu có gì đáng tủi hổ cho một người gái điếm có con?... » Vinh ngồi dậy, gài lại khuy áo, đi về phía cửa sổ. Khi đi ngang qua khung cửa thông sang gian bên, Vinh liếc nhìn sang, nhưng chàng không trông thấy gì, ngoài lá màn trắng nhờ nhờ đang lay động phất phơ vì những làn gió biển.

Vinh tỳ tay lên khung cửa, vươn nửa thân mình ra ngoài. Bầu trời chợt mở rộng ra và bay bổng lên cao.

Ở phía sau lưng chàng, thốt nhiên, có tiếng người kêu lên nho nhỏ:

— Hur. Cẩn mẹ. Cẩn mẹ. Đau. Con...

Lúc những bước chân lún sâu xuống cát, Vinh mới nhận ra, mình đã để quên đôi giày ở trong nhà Phương. Chàng ngoái đầu, nhìn lại phía sau. Ngôi nhà của Phương đã lún vào đám nhà tranh lụp xụp. Vinh bước chậm lại. Những làn gió biển về khuya, trở lạnh phả vào mặt, vào người làm tâm thần chàng tỉnh hẳn. Ý nghĩ Phương sẽ hoang mang xiết bao khi nàng trở sang mà không thấy chàng, làm Vinh vừa thú vị vừa áy náy trong lòng. Chàng không ân hận về sự bỏ đi của mình. Nhưng chàng thầm tiếc là đã không nói được gì trước khi xa Phương. Anh đã không nói được gì trước khi anh rời xa em. Nhưng anh sẽ nhớ em. Nhớ em như nhớ một người thân nhất ở đời. Anh sẽ nâng niu tiếng hát ru con của em như anh vẫn nâng niu giọng nói mẹ anh trong những ngày anh còn bé. Vinh ngược nhìn lên. Nền trời bây giờ xanh trong và đầy sao. Giải cát chạy dài ở trước mặt chàng. Vinh vẫn chưa nhận được ra, lối nào rẽ về nhà người bạn. Chàng lăm lũi, bước đi. Những âm thanh, cao, nhẹ và trong của Phương mơ hồ phảng phất đâu đây, bay ngợp trong cõi bao la của Trời và Biển. Đôi chân Vinh đang bước đi, chợt đứng dừng lại. Một câu hỏi bật ra trong đầu chàng : « Liệu Phương có tìm thấy số tiền mình để dưới gối cho nàng hay không ? » Vinh không tìm cách trả lời. Bây giờ, chàng không muốn nghĩ, muốn tìm gì cả. Chàng lại tiếp tục bước đi. Những vết chân bơ vơ, lạc lõng, in trên nền cát, mỗi lúc mỗi nhiều thêm, chạy ngược về sau. Vinh cúi đầu, nhìn xuống hai bàn chân mình. Bỗng nhiên, chàng thấy mình khờ sở. Và lần này, Vinh không dừng lại, để mặc những ý nghĩ đuổi theo : « Như vậy cũng có ích gì ? Hết số tiền đó, rồi Phương sẽ ra sao ? Các con nàng sẽ ra sao ? Và tất cả những người như Phương cũng sẽ ra sao ? Đâu có thay đổi được gì ?... Rồi mọi sự lại vẫn còn nguyên như thế... Riết rồi cũng quen, cũng quen, cũng quen... »

Vinh vẫn cúi đầu, lặng thinh đi tới. Chàng nhìn dăm dăm hai bàn chân mình, thay nhau, chìm sâu xuống cát.

albert camus

sa đọa

(truyện-kể)

TRẦN THIÊN-ĐẠO PHIÊN-DỊCH VÀ CHÚ-GIẢI

CHƯƠNG II

(tiếp theo)

Vâng, rất hiếm kẻ nào hồn nhiên hơn tôi. Sự hài hòa giữa tôi và cuộc đời quả là hoàn hảo, tôi bám sát toàn diện vào nó, từ trên xuống dưới, mà tính không phải từ chối một khía cạnh chua chát hay cao cả nào, hoặc một tủ nhục nào của nó. Đặc biệt về xác thịt, vật chất, nói vắn tắt là về thể chất, vốn là điều hằng khiến cho xiết bao người lấy làm bỡ ngỡ hay chán ngán, hằng luôn mang đến cho tôi nhiều niềm vui ngang nhau mà không hề bắt tôi làm tôi đòi. Tôi sanh ra là để có một thân xác. Nó giải thích cái tính khí điều hòa nọ ở tôi và cái tính thần tự chủ hồn nhiên nọ mà nhiều kẻ cảm thấy ở tôi và đôi khi họ thú với tôi rằng nó còn giúp cho họ sống nữa. Tóm lại, người ta thích giao hữu thân mật với tôi. Chẳng hạn, nhiều khi người ta cứ tưởng là đã có gặp tôi đâu đó một lần rồi. Cuộc đời với những sanh vật và sản vật của nó

(*) Xem từ VĂN số 55.

luôn luôn sẵn sàng hiến dâng trước mặt tôi ; và tôi tiếp nhận các lần trọng vọng này với một niềm kiêu hãnh hảo hớn. Thật ra, cứ mãi làm kẻ rất mực sung mãn và hồn nhiên như vậy, tôi cũng nhận thấy mình đã đôi lần biến thành một kẻ siêu nhân đứng trên mọi người.

Tôi vốn sinh trưởng trong một gia đình nhân hậu nhưng không lấy gì làm hiền hích (cha tôi làm sĩ quan), và dầu vậy, cũng thường có những mai sáng, tôi xin hèn mọn thú nhận cùng ngài, có những mai sáng tôi chợt cảm thấy mình là con nòi cháu giống, hay là chồi lửa đỏ rực. (8) Khi ngài lưu ý cho rằng điều tôi đang nói đến đây không phải là cái thái độ cảm bằng rằng mình trí óc thông minh hơn hết mọi người. Và chẳng, niềm tin chắc này chẳng quan hệ gì, bởi chúng biết bao nhiêu kẻ ngu đần chia xẻ nó với chúng ta. Chẳng đâu, ngài à, cứ mãi được cung phụng tràn đầy, tôi cảm thấy mình (như nhận nó ra đây ; tôi e e ngài ngại thế nào) tôi cảm thấy mình là kẻ được tuyển trạch. Được đặc biệt tuyển trạch giữa muôn thế mọi người để nhận lãnh cái công trình thành đạt vừa lâu dài vừa vững bền đó. Tóm lại, ấy là một phần hiệu quả tạo ra bởi thái độ khiêm nhường của tôi. Tôi thưở nay hằng luôn từ chối không chịu nhận lấy hết mọi công trạng làm nên sự thành đạt này, và tôi không thể tin rằng bao nhiêu phẩm chất vừa dị biệt vừa cao độ ngài ấy, tập hợp nơi một người duy nhất, lại là kết quả của mỗi một sự tinh cù. Vì vậy, sống ngụp trong vui sướng, tôi cảm thấy mình như được một chiếu chỉ tối cao nào cho phép hưởng thụ niềm hạnh phúc này. Khi ngài đã biết rằng tôi không khuyến theo một giáo phái nào, hẳn ngài sẽ còn nhận thấy rõ ràng hơn nữa tính cách bất thường của niềm tin tưởng ấy. Thông thường hay không, nó cũng đã nâng tôi lên trên cuộc sống hằng

(8) Âm chỉ sự tích rút trong *Thánh Kinh* : Moïse bỗng chợt trông thấy một bụi cây cháy rực, không bao giờ rụi xuống : Thượng-đế đã mặc khải cho Moïse qua chồi lửa đỏ rực đó. *Con nòi cháu giống* : được cấp cho quyền thế trần gian ; *chồi lửa đỏ rực* : được cấp cho quyền thế huyền diệu.

ngày suốt một thời gian dài, và tôi đã bay liệng trên cao, thật sự như vậy, rong rã bao nhiêu năm trời, những năm trời ngày nay, thú thật, tôi vẫn còn tiếc rẻ trong lòng. Tôi đã bay liệng trên cao, cho tới một tối nọ, một tối nọ... Nhưng thôi, đây là một câu chuyện khác, cần quên đi. Vả chăng, hẳn là tôi nói cũng có phần quá đáng. Tình thật, thì bây giờ tôi được thư thái về mọi mặt, nhưng đồng thời lại không lúc nào thỏa mãn hoàn toàn. Mỗi niềm vui là động cơ khiến tôi ước muốn một niềm vui khác. Tôi bước từ ngày hội này sang ngày hội kia. Đôi khi, tôi đi nhảy suốt trọn mấy đêm rong, mỗi phút một si mê con người và cuộc sống hơn thêm. Đôi lần, về khuya trong những đêm đó, khi mà điệu nhảy, rượu nhẹ, sự phóng túng hình hài của tôi và sự buông thả dữ dội của mỗi người, đưa tôi vào trong một trạng thái mê hồn vừa chán chê vừa thê thỏa, chừng như ở cực điểm của sự mệt mỏi ê chề, và trong một chớp giây, tôi chợt thấu triệt được sự bí mật của vạn vật và cuộc thế. Nhưng trạng thái mệt mỏi ê chề này rồi cũng tan biến hôm sau, và cùng với nó, sự bí mật nọ ; tôi lại quảng mình xông tới nữa. Tôi cầm đầu chạy tới mãi như vậy, lúc nào cũng được no đầy, nhưng chẳng bao giờ được phỉ chí, tôi cứ chạy như vậy, không biết dừng chân nghỉ chỗ nào, cho tới một hôm, đứng hơn, cho tới một tối nọ sóng nhạc bỗng ngưng im bất, ánh đèn bỗng ngưng tắt ngấm. Ngày hội mà tôi đã được dự phần vui sướng... Nhưng ngài hãy cho phép tôi gọi ông bạn linh trưởng (9) của chúng ta kia mang rượu đến thêm. Ngài nên gật đầu chào y, tỏ dấu đội ơn và, nhứt là, uống cùng tôi, tôi cần đến cảm tình của ngài.

Tôi nom thấy ngài lộ dáng ngạc nhiên nghe tôi nói làm vậy. Ngài không hề lúc nào bỗng ngưng đột ngột cảm thấy cần đến cảm tình, cần được giúp đỡ, cần có bạn hữu hay sao ? Có chớ, phải

(9) Đây là một thí dụ chứng tỏ sự bất lực của việc dịch văn. Trong chương I, tác giả đã dùng từ *gorille* (người-ngợm) để gọi tên chủ quán, với nghĩa bóng là một con người vọc mình vạm vỡ, cộc cằn ; nhưng đồng thời cũng hàm luôn nghĩa đen là khỉ-độc, vì vậy, ở đây, từ *linh trưởng* (Xem chú thích 6 chương I) được nhắc tới một cách rất tự nhiên.

không ngại. Phần tôi, tôi đã tập quen thói thỏa mãn với độ có cảm tình. Cảm tình vốn dễ bắt gặp hơn, vả chăng nó cũng không bó buộc điều gì. Câu : « Xin ông tin ở cảm tình của tôi đối với ông », trong thâm tâm là lời nói khai mào cho câu tiếp liền sau : « Thôi, bây giờ chúng ta hãy lo việc khác đi... » Nó thuộc loại tình cảm thủ tướng chính phủ : thứ cảm tình rẻ mạt, dễ bộc lộ sau những tai biến lớn. Tình bạn, thì đã ít dễ dàng hơn. Bao nhiêu công khó lâu dài mới đạt được nó, nhưng đến khi nắm trong tay rồi, thì không còn cách nào gạt bỏ nó được nữa, phải đối phó với nó. Nhứt là ngại chờ đợi tin rằng cứ mỗi tối, bè bạn sẽ gọi điện thoại cho ngại, như đúng là họ phải làm vậy, đề hỏi ngại xem có phải đích thị tối nay ngại sắp tâm tự tử hay không, hoặc thường tình hơn, ngại có cần họ đến chuyện vãn với ngại chẳng, ngại có muốn dạo phố với họ chẳng. Không đâu, ngại ạ, họ có gọi điện thoại, thì ngại cứ chắc rằng là sẽ đứng vào bữa ngại đang được quây quần và cuộc đời của ngại tươi đẹp làm sao. Chuyện quyền sanh, thì đúng ra họ còn thức giấc ngại nữa là khác, bằng vào điều mà họ cho rằng ngại phải tự tay mình đến báo cho mình. Câu xin thánh thần phù hộ cho chúng ta khỏi bị bạn bè đặt vào chỗ quá cao, ngại ạ ! Còn về những người giữ chức vụ yêu thương chúng ta, tôi muốn nói tới những người thân quyền họ hàng, tới những kẻ thông gia (ôi, từ ngữ lạ lùng ư (30), thì lại là một điều khác. Họ, thì họ dùng lời lẽ chính xác, nhưng lại là lời lẽ đánh trúng vào giữa tim ngại, họ gọi điện thoại hết như người ta bắn súng. Và họ nhắm trúng đích. Lê Tắc, Lê Tắc (31) là họ đó, ngại ạ !

(30) *Lạ lùng ở chỗ từ *allié* (ở đây, dịch là *thông gia*) ngoài nghĩa đã dịch, còn một nghĩa nữa là *đồng minh, đồng tình, đồng liên*, mà như sẽ cũng rõ, *thông gia* chưa hẳn là đã *đồng tình, đồng liên, đồng minh*. Jean-Baptiste Clemence chơi chữ.*

(31) Nguyễn văn : *Ah ! les Bazaine !* Achille Bazaine (1811-1888), thống chế Pháp, trong chiến tranh Pháp-Đức 1870, quyền tổng tư lệnh quân đội Lorraine, bị quân đội Đức vây hãm ở Metz phải đầu hàng : hành động phản trắc, dưới mắt người Pháp bấy giờ. Chưa tìm được nhân vật lịch sử Việt-nam nào thích hợp hơn chúng tôi xin tạm chuyển ra là Lê Tắc.

Ngài hỏi sao ? Tối nào, à ? Rồi tôi sẽ nói tới, xin ngài hãy bình tâm nán lòng một chút. Vả chăng, tôi cũng phần nào đang ở trong đề tài đó, với chuyện bạn bè và thân hữu nói trên. Ngài xem tôi có nghe thuật chuyện một ông nọ có người bạn chí thân bị giam cầm, tối nào ông cũng nằm đất trong buồng tự nguyện không hưởng những thứ tiện nghi đã tước đi ở kẻ mà lòng ông quý mến. Còn chúng ta, ngài cứ nghĩ xem, ai là người sẽ nằm đất vì chúng ta ? Ngài hỏi tôi có gan nằm đất như vậy không, à ? Có chớ, tôi mong, tôi quyết sẽ có gan nằm đất như vậy. Vâng, chúng ta rồi cũng có ngày thấy đều có gan nằm đất như vậy và bấy giờ đều sẽ được cứu rồi. Nhưng nào phải dễ đâu, bởi chung tình bạn là một thứ tình hay lơ đãng, hoặc ít nhứt, cũng bất lực. Không phải, hể ước muốn điều gì là nó nhứt định được điều ấy. Ngẫm cho kĩ, thì chắc là tại lòng nó không ước muốn tới mức phải có chăng ? Chắc là tại chúng ta không yêu thích sự sống tới mức phải có chăng ? Ngài có nhận thấy rằng chỉ độc cái chết mới thức tỉnh tình cảm của chúng ta không ? Chúng ta mến thương ngần nào những người bạn vừa vĩnh biệt cõi đời, có phải vậy không ngài ? Chúng ta thần phục ngần nào những bậc thầy không còn thốt nên lời được nữa, miệng đã đầy cát bụi ! Chúng ta bấy giờ tỏ lòng tôn kính một cách quả thật hồn nhiên, lòng tôn kính mà chắc họ đã chờ mong ở chúng ta suốt trọn thời sanh tiền. Nhưng ngài có hiểu tại sao chúng ta bao giờ cũng tỏ ra công bằng hơn và rộng lượng hơn đối với kẻ đã khuất bóng không ? Giản dị lắm, ngài ạ ! Với họ, tình không một điều gì bó buộc cả. Họ không đòi hỏi việc gì ở chúng ta, chúng ta hoàn toàn tự do muốn thi hành lúc nào cũng được, xen kẽ lòng tôn kính nọ giữa một buổi dạ hội và một cô nhân tình xinh tươi chẳng hạn, nghĩa là, tóm lại, vào những giờ khắc rồi rãi vô dụng. Ví như họ có bó buộc chúng ta điều gì, thì ấy là tưởng nhớ họ lâu dài, mà trí nhớ của chúng ta thì lại bầm sanh không dẻo dai chút nào. Không, chúng ta cảm mến là cảm mến người bạn mới chết còn tươi rói kia, người bạn mới chết khờ kia, cảm mến mỗi xúc động của chúng ta, nghĩa là chính chúng ta vậy !

(Còn tiếp.)

ALBERT CAMUS

TRẦN THIÊN-ĐẠO dịch

nu cườ i

NH. TAY NGÀN

Lũ bò cừu lười héo mái nhà đội tuyết
Chúng sẽ chết trước khi nắng về
Trong vườn Luxembourg jardin des Plantes giữa
boulevard Saint Michel
Trên tháp chuông trên ống khói
Vùng nhiệt đới bên kia trùng dương sa mạc bão
cát lòng vực thâm u
Người ta gần nhau chậm chạp chuyển xe mỗi
Rồi quên hết sau đó

Khuông ngực trần của em trời mùa đông
Anh gặm em vô ngàn lúc chập tối
Muốn nói rạn lời cho sao hôm mọc
Lên nung chờ lưỡi hái
Tử thần chờ anh nhà cửa lăm lè
Sao hôm sau ánh mây âm thần tri anh kiệt quệ

Anh sợ nằm trong căn phòng đơn đêm ngủ
không được

Ra đón em ngoài gió bắc tuyết rơi
Chuyến tàu bị nạn ngoài biên giới
Anh thầm hỏi ga nào có em
Nụ cười ánh đèn khuya khoắt
Người ta còn có thể yêu nhau nữa không
Khi hồn đêm không nhắc nỗi nụ cười

Lũ bồ câu ngủ trên mái nhà
Đêm nay chúng gắn liền tuyết giá
Chết sung sướng địa phận thân yêu
Rạng ngày những bà lão mỉm lòng cho
Con vật trông thấy thương ngày nơi khung cửa
Ai biết anh sáng hôm sau

Khoảng ngực trần của em gió bắc
Anh yêu em vô ngần dù đêm nay em đã quên anh
Anh còn đủ một giây hôn em ngủ ngon
Dù cạn thuốc quẹt lửa hết xăng
Anh còn đủ một giây đốt nụ cười
Thốt gọi tên người yêu dấu lần cuối
Rồi quay lui về thân chết anh.

jean - paul sartre

văn - chương là gì ?

(tiểu-luận văn-học)

NGUYỄN MINH-HOÀNG dịch

viết là gì ?

(tiếp theo)

Nhưng nếu anh thi sĩ ngừng lại ở những chữ, cũng như anh họa sĩ đã ngừng lại ở những màu sắc và anh nhạc sĩ ở những âm thanh, thì cái đó không có nghĩa là đối với anh ta chữ đã mất hết mọi ý nghĩa ; chính thật ra chỉ có cái ý nghĩa mới có thể khiến cho chữ có cái tính cách một đơn vị ngôn từ (*donner aux mots leur unité verbale*) ; thiếu cái ý nghĩa chữ sẽ tàn mác thành những âm thanh hoặc thành những nét bút ngoằn ngoèo. Có điều là lúc ấy, cái ý nghĩa, chính nó, cũng sẽ hóa ra có một tính cách thiên nhiên ; nó không còn là cái mục đích lúc nào cũng thoát ngoài tầm với và lúc nào cũng bị nhảm bởi cái ước vọng được siêu vượt của con người (*la transcendance humaine*) ; nó là một đặc tính của mỗi chữ

(*) Xem từ VĂN số 56.

(une propriété de chaque terme), giống như một nét mặt, giống như cái vẻ buồn thoáng hoặc vui thoáng của những âm thanh và những màu sắc. Bị đúc kết trong chữ, bị nuốt chửng bởi sự kêu vang khi được đọc lên của chữ (absorbée par sa sonorité) hoặc bởi cái đáng đáp được nhìn thấy của chữ, bị hóa ra thô kệch, bị sa đọa, cái ý nghĩa, đến lượt nó, đã biến thành đồ vật, bất tận trong thời gian, mất cái tính cách được sáng tạo (incréée); đối với anh thi sĩ ngôn ngữ là một cơ cấu của thế giới vật giới bên ngoài. Người đang nói là người đang *en situation* (b) trong ngôn ngữ, được bao vây bởi ngôn ngữ; ngôn ngữ là cái phần vươn dài ra của các ngũ quan của hắn, của các càng, các râu của hắn, của đôi kính đang đeo của hắn; hắn điều động ngôn ngữ từ bên trong, hắn cảm thấy ngôn ngữ như cảm thấy thân thể của chính hắn, hắn được ở trong một cái thân thể ngôn từ, (un corps verbal) mà hắn gần như không ý thức đến và cái thân thể ngôn từ ấy nói rộng tầm hoạt động của hắn đối với cái thế giới bên ngoài. Anh thi sĩ, anh ta ở ngoài ngôn ngữ, anh ta nhìn những chữ bằng đôi mắt của người từ phía bên kia nhìn lại (il voit les mots à l'envers), làm như anh ta không dính dáng gì đến cái thân phận con người và làm như, khi bước gần lại con người, anh ta đã gặp trước nhất các lời nói đứng chắn như một bức rào. Thay vì, nhận ngay ra các đồ vật bằng cái tên gọi của chúng thì hình như anh thi sĩ, trước nhất, đã có một sự tiếp xúc lạnh lẽo với các đồ vật, sau đó anh ta quay sang một loại đồ vật khác, những chữ (vì đối với anh ta chữ là một loại đồ vật), sờ chúng, nắn chúng, mân mê chúng, khám phá nơi chúng một thứ ánh sáng riêng và những chỗ tương đồng đặc biệt (c) với đất, với trời, với nước, với tất cả những đồ vật được sáng tạo. Bởi lẽ không biết dùng chữ như dấu hiệu của một bề mặt nào đó của cái thế giới

(b) Tôi tạm đề nguyên tiếng Pháp vì không tìm được chữ để dịch. *Etre en situation* là một lối nói mà Sartre thường dùng để chỉ cái lúc mình không thể không có một thái độ nào đó. Xem cái nhan của những tập *Situations I*, *Situations II* v.v... cũng đủ rõ.

(c) tạm dịch *les affinités*.

bên ngoài, nên anh thi sĩ đã nhìn thấy trong chữ cái hình ảnh của một trong những bề mặt đó. Và cái hình ảnh ngôn từ (*l'image verbale*) mà anh ta đã chọn vì thấy nó giống cây liễu hoặc cây trúc (d) lại không nhất thiết phải là cái chữ mà chúng ta đã dùng để chỉ những đồ vật ấy. Và nhân vì anh ta đã ở ngoài, thành ra những chữ, đối với anh ta, thay vì là những kẻ chỉ dẫn để ném anh ta ra khỏi chính anh ta, vào giữa các đồ vật, thì anh ta lại xem chúng như một cái bẫy để rình bắt một thực thể lúc nào cũng toan chạy vượt (*une réalité fuyante*); nói tóm, cả một hệ thống ngôn ngữ, đối với anh thi sĩ, là một tấm gương lớn phản chiếu cái thế giới bên ngoài. Do đó, nhiều sự thay đổi quan trọng đã diễn ra trong cái cơ cấu điều hợp bên trong (*l'économie intérieure*) của chữ. Sự kêu vang khi được đọc lên của nó (*sa sonorité*), chiều dài của nó, những âm cuối của nó (e), dáng dấp được nhìn thấy của nó (*son aspect visuel*), tất cả những thứ ấy sẽ tạo cho nó một vẻ mặt bằng xương thịt có công dụng hình dung (*représente*) cái ý nghĩa hơn là diễn tả cái ý nghĩa. Ngược lại, bởi lẽ cái ý nghĩa đã được thực hiện (*la signification est réalisée*) thành thử cái dáng dấp bề ngoài (*aspect physique*) của chữ do đó được phản chiếu trong cái ý nghĩa và cái ý nghĩa, đến lượt nó, lại có tác dụng như hình ảnh của cái hình thể ngôn từ (*le corps verbal*). Như dấu hiệu của cái hình thể ngôn từ, vì ở đây cái ý nghĩa đã bị mất hết đặc quyền (*sa prééminence*). Ở đây chữ không còn được sáng tạo nữa (*les mots sont créés*), không khác gì những đồ vật, thành thử anh thi sĩ không thể quyết định là chữ hiện hữu cho đồ vật hay đồ vật hiện hữu cho chữ. Do đó, giữa chữ và cái vật được chữ gọi

(d) Nguyên văn là *le saule ou le frêne*. Cả cây *saule* và cây *frêne* đều không có ở Việt-nam. dĩ nhiên chúng không có tên gọi trong tiếng Việt. Tôi tạm chuyển như thế vì thấy phần đông các ông thi sĩ nhà mình nhắc đến *liễu*, đến *trúc* v.. v... Sự chuyển này không hại một tí nào đến cái ý chính của Sartre.

(e) Nguyên văn là *ses désinences masculines ou féminines*. Nhưng trong Việt-ngữ mỗi tiếng lại không có *désinence*, thành thử tôi phải lược cái ý này đi và tạm chuyển là âm cuối.

đến (la chose signifiée) đã có một sự dính liền nhau bằng hai mối liên quan tương hỗ, mỗi liên quan thứ nhất về sự giống hệt nhau như do một trò ma thuật (rapport de ressemblance magique), mỗi liên quan thứ hai về ý nghĩa giữa chữ và cái vật được chữ gọi đến (rapport de signification). Và cũng bởi vì không dùng chữ như một dụng cụ (n'utilise pas le mot), thành ra anh thi sĩ không làm một sự chọn lựa giữa những nghĩa khác nhau của chữ (acceptions diverses) ; mỗi một nghĩa khác nhau của chữ, thay vì hiện ra như một khả năng tự trị (une fonction autonome), lại hiện ra trước mắt anh thi sĩ như một tính cách vật chất bị hòa tan vào bao nhiêu nghĩa khác nhau khác. Do đó, chỉ riêng với cái thái độ thi sĩ của mình, anh thi sĩ đã thực hiện được ở mỗi chữ, những lối ẩn dụ (les métaphores) mà Picasso đã rất thích khi ông ta nghĩ sẽ sáng tạo một cái hộp diêm quẹt hoàn toàn là con dơi mà vẫn còn nguyên là cái hộp diêm quẹt. Florence vừa là thành phố, vừa là hoa, vừa là đàn bà, Florence lại còn vừa là thành phố-hoa, vừa vừa là thành phố-dàn bà, vừa là đàn bà-hoa trong cùng một lúc. Và cái đồ vật lạ lùng đã hiện ra như thế, nó có cái tính cách uyển-chuyển-như-nước (la liquidité) của dòng sông, cái tính cách nồng nhiệt man dại của chất vàng, và cuối cùng, phỏ mặc thân thể một cách ý tứ, kín đáo (avec décence), kéo dài bằng cái âm cuối không phát lên thành tiếng sự nẩy nở đầy dề dặt của mình (f). Thêm

(f) Trong « Florence » âm cuối *ce* không phát lên thành tiếng rõ ràng (xin đọc là Flô-răn-x). Mười tám năm sau khi viết *Qu'est-ce-que la Littérature ?* Sartre mới có dịp nói rõ hơn về cái đoạn nói về Florence của ông khi ông bác lập luận của Jean Ricardou trong buổi tham luận năm ngoái giữa sáu nhà văn trí thức Pháp về đề tài « Văn chương có thể làm gì ? »...

« ... Quand on (chỉ Jean Ricardou) citait le passage que j'ai écrit sur Florence, « en prenant le mot dans la mesure où il évoquait des images et non pas dans la mesure où il était signe et qu'on le confrontait à cette affirmation : « le mot de la prose veut montrer », on oubliait une note où j'ajoutais que bien entendu, tout ce matériel d'images existe aussi dans la prose ; sans cela il n'y aurait pas de style ; le style est précisément fait de cela.

« Donc je voulais seulement dire que certains poètes prennent le mot uniquement en tant qu'il a une configuration imaginaire qui renvoie par le mot « de « Florence », à fleur ou à femme, etc. (Que peut la Littérature ? trang 117, « L'Inédit 10118 xb, 1965).

vào đó còn có sự cố gắng bắt trắc của những kỷ niệm trong cuộc đời tư. Đối với tôi, Florence còn là một người đàn bà, một cô đào hát người Mỹ trong các phim câm mà tôi đã xem dạo tôi còn nhỏ; tôi đã quên tất cả về cô ta, chỉ còn nhớ là cô ta có khuôn người cao lêu nghêu, lúc nào cũng mệt mỏi, đoan trang, lúc nào cũng lấy chồng, lúc nào cũng không được người thiên hạ hiểu; tôi yêu cô ta và cô ta có cái tên là Florence. Bởi vì chữ, đối với người viết văn xuôi, nếu nó tách rời được người viết văn xuôi ra khỏi chính cái con người của hắn để ném hắn vào giữa cái thế giới bên kia ngoài, thì trái lại đối với anh thi sĩ nó phản chiếu, như một tấm gương, cái hình ảnh của chính anh thi sĩ. Và chúng ta hiểu tại sao Michel Leiris (g), một mặt, trong quyển *Glossaire* (Ngữ-vựng) đã tìm cách ghi lấy một cái định nghĩa thi ca (*une définition poétique*) của một số chữ, nghĩa là một cái định nghĩa tự nó là một hợp đề những implications (h) tương hỗ giữa cái hình thể kêu vang khi được đọc đến và cái linh hồn ngôn từ (*le corps sonore et l'âme verbale*), một mặt khác, trong một tác phẩm khác, ông đã lao mình trong một cuộc đuổi bắt di vãng bằng cách dựa theo một vài chữ mà theo ông, có đặc biệt mang nhiều cảm xúc tính (*particulièrement chargés d'affectivité*). Như thế mỗi chữ của thi ca (*le mot poétique*) là một cực tiểu vũ trụ (*un microcosme*). Con khủng hoảng ngôn ngữ đã nở bùng hồi đầu thế kỷ này là một cơn khủng hoảng liên hệ đến thi ca. Không kể đến những yếu tố xã hội và lịch sử, chúng ta được biết cơn khủng hoảng ấy đã biểu lộ bằng những trường hợp phá sản cá tính của nhà văn (*dépersonnalisation de l'écrivain*) mỗi khi nhà văn bị bắt buộc phải đối diện với những chữ. Nhà văn không còn biết dùng chữ nữa và, nếu nói như Bergson đã nói, thì nhà

(g) Thi sĩ thuộc trường phái tượng trưng bạn thân của Sartre, trong nhóm *Les Temps Modernes*.

(h) Tôi không tìm được chữ để dịch từ *implication* (Implication ở đây là một tương quan luận lý, bắt buộc, khi ta có *a* ta phải có luôn *b*, và trong đoạn trên, khi có cái *corps sonore* phải có luôn cái *âme verbale*.)

văn chỉ nhận ra được chữ có một nửa; nhà văn đã tiếp xúc với chữ với một cảm tính xa lạ hoàn toàn có lợi; chữ không còn là của nhà văn, chữ không còn là nhà văn; nhưng trong những tấm gương xa lạ ấy đã phản chiếu trời, đất, cuộc đời của chính nhà văn; và cuối cùng chữ đã hóa thành chính những đồ vật hay đúng hơn thế nữa, đã hóa thành một cái gì rất khó tách rời nằm lẫn bên trong những đồ vật. Khi anh thi sĩ đem chấp lại vào nhau một số những cực tiểu vũ trụ ấy thì việc làm của anh ta lại giống việc làm của các họa sĩ khi họ đề chung một số những màu sắc lên tranh; người ta tưởng đâu anh thi sĩ đang viết ra một câu, nhưng người ta đã tưởng lầm: thật ra anh thi sĩ đang sáng tạo một đồ vật. Những chữ-đồ vật đang được xếp tùy theo những liên quan kỳ ảo giữa cái tính cách tương hợp và cái tính cách không tương hợp, không khác gì những màu sắc và những âm thanh, chúng bám vào nhau, xô đẩy nhau, chen vượt nhau và sự chúng phối hợp với nhau như vậy đã đưa đến sự cấu tạo một đơn vị thi ca (*une unité poétique*), đơn vị thi ca này là cái *câu-đồ vật* (*la phrase-objet*). Thường thường ngay từ lúc đầu anh thi sĩ đã có trong trí cái *schème* của cái câu sắp viết (i) và sau đó những chữ chỉ việc lục tục kéo đến. Nhưng cái *schème* của anh thi sĩ lại không giống tí nào với cái mà ta thường gọi là *schème verbal*: nó không điều khiển sự tạo dựng một ý nghĩa; có thể nói là nó phảng phất giống cái dự định sáng tạo (*le projet créateur*) do đó Picasso đã phóng mắt nhìn thấy trước trong không gian, ngay trước khi cầm đến cây cọ vẽ, cái đồ vật sẽ trở thành một nhân vật làm trò múa rối hay một nhân vật Arlequin của bức tranh.

Fuir, là-bas fuir; je sens que des oiseaux sont ivres.

Mais ô mon coeur entend le chant des matelots.

(Bỏ đi, bỏ đi thật xa, tôi cảm thấy chim trời đã say lão đảo,
Nhưng ô kia, lòng tôi hãy lắng nghe tiếng hát của đoàn thủy thủ).

(i) Tôi không tìm được chữ để dịch *schème*. *Schème* là một thứ ý niệm (nhưng phải hẳn là ý niệm) sắp sửa được thể hiện theo một hình thức nào đó.

Cái tiếng « mais » được đặt đứng sừng sững như một cây trụ đá ở đầu câu thơ, cái tiếng « mais » ấy nó không nối liền câu thơ sau vào câu thơ trước. Nó khiến câu thơ có một sắc thái riêng biệt, một « thái độ không hòa mình » đã thẩm nhập trong cả câu thơ. Và bằng cách ấy, có một vài bài thơ đã mở đầu bằng « et ». Cái liên từ « et » như vậy, không còn về gì là một bài toán cộng nữa : nó nằm ôm cả một đoạn thơ đề đoạn thơ có cái tinh cách tuyệt đối của một sự tiếp tục. Đối với anh thi sĩ cái câu nó có một âm điệu (une tonalité), một mùi vị ; xuyên qua nó anh thi sĩ nếm được những mùi vị gây gây của sự bài bác, của sự dè dặt, của sự tách rời những nguyên nhân ; anh ta đưa chúng lên đến một mức độ tuyệt đối, lấy chúng làm những đặc tính thật sự của cái câu ; toàn thể cái câu biến thành một sự bài bác nhưng lại là một sự bài bác không nhắm vào một cái gì rõ rệt. Ở đây chúng ta lại gặp lại những tương quan về những implications tương hỗ mà chúng ta vừa nhắc đến lúc nãy giữa cái chữ của thi ca (le mot poétique) và cái nghĩa của cái chữ của thi ca : toàn thể những chữ được chọn đã tác động như hình ảnh của cái ý ngụ đề hỏi hoặc của cái ý ngụ đề tạo một mệnh đề tương phản (la nuance interrogative ou restrictive) và, ngược lại, cái ý ngụ đề hỏi là hình ảnh của cái hợp thể ngôn từ (l'ensemble verbal) do chính nó vừa qui định.

Như trong hai câu thơ tuyệt diệu sau đây :

O saisons ! O châteaux !

Quelle âme est sans défaut ?

(Ô thời tiết ! Ô lâu đài !

Linh hồn nào không thói xấu ?)

Không ai bị hỏi cả, cũng không ai đứng ra đề hỏi, ông thi sĩ đã lánh mặt. Và cái câu hỏi không đòi phải có câu trả lời hay đúng hơn cái câu hỏi nó đã là cái câu trả lời cho chính nó. Hay đó lại là một câu hỏi giả ? Nhưng nếu thế thì lại khá phi lý khi ta cho là Rimbaud đã « định nói » là tất cả mọi người đều có thói xấu. Cũng như trước kia Breton đã nói về Saint-Pol Roux (j) : « Nếu

(j) thi sĩ Pháp, chết năm 1940, người đại diện cuối cùng của trường phái tượng trưng.

Ông ta đã định nói thế thì có lẽ ông ta đã nói thế lâu rồi. » Và Rimbaud lại cũng không định nói một cái gì khác. Rimbaud đã ném ra một câu hỏi tuyệt đối, đã ban cho cái chữ « linh hồn một kiếp-sống-đề-mà-hỏi (une existence interrogative). Do đó, cái ý ngụ đề hỏi đã hóa thành đồ vật, cũng như cái cảm giác khắc khoải của le Tintoret đã hóa thành trời vàng. Nó không là một ý nghĩa nữa, mà là một thể chất (une substance) ; nó đã được nhìn thấy từ bên ngoài và Rimbaud đã rủ chúng ta cùng đứng với Rimbaud ở phía bên ngoài để nhìn thấy nó. Cái vẻ kỳ lạ mà chúng ta đã thấy ở nó chỉ là do ở sự chúng ta, khi nhìn nó, đã đứng ở phía bên kia của thân phận con người, nghĩa là chúng ta đã đứng ở phía của Thượng-đế.

(Còn tiếp.)

JEAN - PAUL SARTRE

NGUYỄN MINH-HOÀNG dịch

NGÀI XANH

ĐANG IN

— Một quyển sách của NGUYỄN NGU-Í ?

— Không, một tấm lòng, một tấm lòng với Người, với Việc, với Non-sông :

SỐNG và VIẾT với...

Nhất-Linh, Lê-văn Trương, Á-Nam, Lê-văn Siêu. Doãn Quốc - Sỹ, Đông - Hồ, Sơn - Nam, Bình - nguyên Lộc, Vi Huyền Đắc, Nguyễn Hiến - Lê, Hồ - Hữu Tường.

Nguyễn Bính, kẻ lưu đầy...

• bài của ĐINH HÙNG

Trong số khá đông những người bạn văn nghệ ở lại trên đất Bắc, tuy rằng với người này hay người khác, không thiếu gì những kỷ niệm đáng ghi nhớ, nhưng không hiểu sao, tôi vẫn thường nhắc nhở tới Nguyễn Bính nhiều hơn cả. Và tuy rằng trên cõi đời này, không hề xảy ra những phép màu kỳ lạ, tôi vẫn cứ nghĩ rằng thế nào cũng có ngày tôi gặp lại Bính, gặp lại đề, cũng như ngày xưa, uống với nhau những chén rượu thực say, đề rồi nằm gác chân nhau đọc thơ cười đồng thiên hạ, cái thiên hạ « mắt trắng », gồm toàn những :

Trọc phú ti toe bàn thế sự
Điểm già tấp tênh nói văn chương
Đã coi đồng bạc to như núi
Còn học đòi theo thói Mạnh Thường
Trời vo hồn lại ba đồng bạc
Bán rẻ đời đi mấy đấu lương
Lẳng lơ đi vòng đi tàn cả,
Gái chính chuyên kia đứng chặt đường.
Chao ôi độc ác, ôi mai mỉa !
Sống chặt phồn hoa một lũ mường...

(Thơ Nguyễn Bính, trong bài Xuân Vãn Tha Hương).

Thương thay ! Thì ra ngay từ khi Bình chưa là đời, tôi vẫn nghĩ tới Bình như nghĩ tới một người bạn quá cố.



Tôi nghĩ đến Nguyễn Bình, thường rất ngẫu nhiên, nhưng chính thực bởi nhiều nguyên nhân : trước hết, bởi vì Bình gọi cho tôi nhớ lại nhiều kỷ niệm cũ, liên tưởng đến nhiều vang bóng xưa, khiến lúc nào tôi cũng có một ấn tượng về Bình rõ rệt và thấm thía. Sau nữa, bởi vì Nguyễn Bình là một trường hợp điển hình nhất của trạng thái « Lỡ Bước Sang Ngang », một nhân vật tiêu biểu của tấn thảm kịch « Ngậm Miệng » đã khai diễn từ lâu và có lẽ sắp đến hồi kết cục. Sau cùng tôi nghĩ đến Nguyễn Bình và bất giác lo cho số phận của Bình ở miền Bắc, có lẽ vì một linh cảm, một điềm báo hiệu đột nhiên thức giấc và nhắc nhở trong tiềm thức : Tôi sức nhớ rằng cái anh chàng Nguyễn Bình xưa kia, anh chàng thi sĩ của hoa đồng cỏ nội ấy, tuy mạch thi hứng vẫn được nuôi dưỡng rất phong phú bằng nguồn sữa tinh túy và thuần thiết của quê hương, nhưng trên thực tế, trái ngược thay ! Bản thân anh ta lại chẳng bao giờ tìm thấy cuộc sống yên lành bình dị. Hình như cái nghiệp di của anh chàng là phải luôn luôn xê dịch xa quê hương, sống cuộc đời giang hồ lãng tử của lũ người Bô-ê-miêng trôi nổi, của những người Do-thái lang thang.

Đã có nhiều cái Tết Nguyên-đán, từ thừa hoa đào còn thắm sắc, thủy tiên còn thịnh khai, mà Nguyễn Bình không hề biết đến cái xuân nơi quê hương, không hề được hưởng cái phong vị đầm ấm bên bếp lửa gia đình. Liền năm bảy mùa xuân qua, Nguyễn Bình vẫn đóng vai một người lữ khách tha hương, lấy quán trọ làm nơi nghỉ đỗ dọc đường, nằm suông nghe pháo giao thừa nhà thiên hạ.

Nguyễn Bình gần như trường kỳ tha hương. Loại thơ thôn dã của Nguyễn Bình dung dị, chắc phác, dịu ngọt bao nhiêu, thì loại thơ tha hương của Bình ngậm ngùi, day dứt, náo nùng bấy nhiêu. Bình đã làm một bài thơ « Xuân Tha Hương ». Năm sau, Bình tiếp

luôn « Xuân Lại Tha Hương », đề rồi, năm sau nữa, Bính cho ra đời « Xuân Vẫn Tha Hương »... rồi, cứ cái đà ấy, Bính gieo vãi thêm « Xuân Còn Tha Hương »... và dường như Bính còn muốn cầu tứ cả một loạt bài thơ trường thiên độc vận « Xuân Mãi Mãi Tha Hương » !...

« Sênh nhà ra tất khó tránh được thất nghiệp » : trong số những người bạn nghệ sĩ nghèo của chúng tôi ngày xưa thì Nguyễn Bính thường vẫn là người bạn nghèo nhất. Tôi chẳng ngại ngùng gì mà không nhắc tới sự kiện thông thường đó. Cái nghèo chân chính của một người văn nghệ chân chính chẳng ai cần che đậy. Cái nghèo của Nguyễn Bính, không những Bính chẳng cần che đậy, mà sự thực còn được Bính...nâng niu tôn trọng một cách rất đạt, như một Cao-bá-Quát trong « Tài-tử Đa-cùng phú », như một Nguyễn-công-Trứ trong « Hàn-nho Phong-vị phú ». Mà sở dĩ bạn bè có cảm tình với Bính một phần cũng vì cái nghèo thẳng thắn không mặc cảm đó.

Vậy thì, Nguyễn Bính nhiều khi phải đi chạy từng bữa ăn. Tuy nhiên, giữa kinh thành Hà-nội ngày xưa, Nguyễn Bính nghèo mà Nguyễn Bính vẫn không khờ. Trái lại, Bính vẫn sống rất phóng đãng, rất khoái hoạt, hào sảng là khác. Thường quanh năm không một đồng xu dính túi, thế mà vừa bán được bản quyền một cuốn thơ cho nhà xuất bản, Bính có thể đốt trọn vẹn tiền cuốn thơ trong một tối. Hào phóng và coi nhẹ cuộc sống trước mắt, bất chấp cả ngày mai : đó cũng là một sắc thái chung của đa số văn nghệ sĩ thời tiền chiến, dù nghèo hay không nghèo.

Các nhà mô phạm hẳn không hài lòng chút nào về lối sống hoang toàng đó. Nhưng đấy lại là một chuyện khác. Chỉ biết rằng chính nhờ nếp sống cởi mở phóng khoáng kia mà Nguyễn Bính tuy nghèo nhưng vẫn sống được vô tư giữa cố đô Hà-nội, và có lúc còn sống đàng điểm, phong lưu thực sự, khởi sắc và dồi dào sinh khí hơn cả cái phong vị hàn nho của Uy-Viễn Tướng-công thừa thừa sinh mặt trắng. Thực vậy, tuy Nguyễn Bính lang thang không nhà, nhưng thường thường người ta vẫn thấy Bính cao lâu, tửu quán, cầm ca xênh phách lư bù nơi hàng viện, giảng mắc bao nhiêu mỗi tình son phấn bướm hoa ! Bính chạy ăn từng bữa, nhưng từng bữa đã có thịnh tình bao dung của những người bạn sẵn sàng chia xẻ

ngọt bùi với Bính. Cái nghèo của những người nghệ sĩ như Bính thời đó thực không đáng ngại, vì ở trên cái nghèo còn có những tấm lòng bạn chớ che, đùm bọc, những người bạn thanh khí, những người bạn liên tài, những bạn mắt xanh, những Bình Nguyên Quân, những Mạnh Thường Quân...

Rút cục, Nguyễn Bính vẫn giàu, vẫn sang, vẫn hào phóng như một thứ trai Hàm-đan thời Chiến-quốc... bởi vì cái nghèo vật chất thời đó không thể chi phối nổi tinh thần con người. Không những thế, thời đó cái nghèo của nghệ sĩ, cái nghèo của Nguyễn Bính còn giống như một món trang sức hiếm có, tô điểm thêm cho cuộc đời văn mặc, và gây thêm cho nghệ sĩ khá nhiều hào hứng ly kỳ.

Nhớ tới Nguyễn Bính ngày xưa, tôi thành thực lo cho Nguyễn Bính ngày nay. Tôi cứ lần lần nghĩ rằng có lẽ Bính sẽ là một trong số những nạn nhân đầu tiên của nạn đói.

Ngày xưa, thừa còn thanh bình dễ sống mà Nguyễn Bính còn nghèo xác, thì ngày nay, ở miền Bắc, dưới chính sách « bần cùng hóa nhân dân », Nguyễn Bính còn « nghèo » thêm đến mấy triệu lần? Nhưng xưa kia, Bính nghèo mà không khổ, bởi vì xung quanh Bính còn có Tình Thương. Bây giờ Bính nghèo, và chắc chắn Bính chỉ còn đợi chết thảm khốc và cô độc, như Phan Khôi đã chết, như Trần Dần đã suýt chết, như bao nhiêu người văn nghệ nữa đang ngắc ngoải.

Tôi không muốn nghĩ gở cho một người bạn cựu giao. Nhưng có những sự kiện xác thực hoặc siêu thực khiến tôi tin rằng Nguyễn Bính đang sống mà chính là đang chết. Với Việt-cộng, ít nhất mỗi người cũng chết hai lần ! Và, ở với Việt-cộng, người ta không chết cách này thì cũng chết cách khác.

Nếu chịu cúi đầu thần phục Đảng và Bác, như Hoài Thanh, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư... con người cũng không còn bản chất Người nữa — nghĩa là chết mất hẳn nhân tính, chỉ còn cái xác không hồn.

Nếu nhất định không chịu đầu hàng thỏa hiệp với Đảng và Bác, nếu công khai đứng vào hàng ngũ đối lập — như nhóm Nhân-

Văn Giai-Phẩm và như Nguyễn Bính đã tỏ thái độ trong thơ văn — tất nhiên không khi nào Đảng dung tha. Nguyễn Bính còn sống ngày nào cũng chỉ là sống gượng để chờ sự thoát tội hậu đến với hình thức lưỡi dao dao phủ.

Giờ đây tên dao phủ không cần dùng dao hay búa. Đã có cái Đói làm khi giới sắc bén thần diệu.

Nhưng tất cả các nghệ sĩ nhóm Nhân-Văn Giai-Phẩm đã, đang hoặc sắp « tử vì đạo » — cái đạo Tự Do — cũng như Nguyễn Bính. dấu sao cũng vẫn sống mãi trong lòng chúng ta, tuy rằng số phận hiện thời của họ thực mong manh.

Riêng về phần Nguyễn Bính, tôi tin rằng anh bao giờ cũng chỉ có thể là Nguyễn Bính của thôn quê chất phác, của cái thừa tâm hồn đơn sơ, nhẹ như từng gợn hoa cỏ may, để cho « một chiều trở gió bay đầy áo em... » Nguyễn Bính còn có thể là gì khác, nếu Bính không còn giữ được mảnh hồn quê mùa đáng yêu, nếu Bính không còn nói được cái tiếng nói hồn nhiên của ca dao, đượm mùi thơm của lúa chín vàng, của hoa cam, hoa bưởi rụng đầy vườn mùa xuân ? Có muốn khác đôi chút, thì Nguyễn Bính cũng chỉ nên dạo thêm ít cung đàn tha hương của tay dâng tử không nhà — mà chính vì không nhà cho nên lại càng thêm khát quê hương, càng thêm đậm tình với hoa đồng cỏ nội.

Ngày nào xưa, Nàng Thơ thôn dã của Nguyễn Bính mới dạo bước lên tỉnh có một chiều, ngắm nhìn cái ánh sáng phù hoa của đô thị chốc lát rồi lại trở về ngay với đồng ruộng, thể mà Bính đã hờn mát rồi :

Hôm qua em lên tỉnh về,

Hương đồng cỏ nội bay đi ít nhiều...

Bính lo lắng cô nàng luyện vị sơn phấn thi thành, để mất cái duyên thăm mộc mạc ngây thơ của thôn quê. Trong số các nhà thơ dân tộc, Nguyễn Bính là một thi sĩ đầy đủ dân tộc tính chất, và cũng tự nhiên nhất. Tôi còn tưởng nghe thấy cả cái giọng nói uốn lười đặc biệt địa phương của anh, khi anh nhấn mạnh âm hưởng mặt sát thứ văn minh vật chất nhập cảng.

của Tây-phương, thứ « Văn-minh ngoài da » đã làm cho một Xuân Diệu nói lên cái giọng Tây vay mượn ngô nghê và kệch cỡm :

- Trong vườn sắc đỏ rửa màu xanh...
- Sương bám hồn, gió cắn mắt buồn rầu
- Thấy núi xa như một miếng bìa...
- Chân mà lay ập ập trong tay..

Nguyễn Bình thường vẫn tuyên bố : anh không thể nào « ngửi » được cái mùi thơ Tây-lai ấy. Cũng như, từ trong dòng máu, Bình không thể nào thấm nhập được những tạp vị ngoại lai khó tiêu hóa.

Tội nghiệp cho anh biết chừng nào, khi gương mặt thời đại đột ngột biến chuyển, bao nhiêu hương đồng cỏ nội chung quanh anh và cả trong tâm hồn anh vụt bay đi mất, trước cơn lốc tháng 8-1945. Nàng Thơ áo tứ thân yểu điệu, yếm thắm hoa đào, thắt lưng hoa lý của Nguyễn Bình bỗng đứng bị những con người hung tợn dẫu liềm búa sau lưng, dùng dùi sắt từ đâu xông tới lôi cổ Nàng ra, bắt đi học tập, bắt họp « mít-tinh », bắt cắt tóc ngắn cùn cốn, đội mũ « ca-lô », nhập đoàn thể phụ nữ... đề rồi gân cổ lên mà hò mà hát, mà hô to những khẩu hiệu.

Còn nhớ hồi ấy — cái thời mà đất nước đang rung mình trong cơn sốt chủ nghĩa tháng 8-45 — chúng tôi đã được tin Nguyễn Bình bị lũ người cuồng tín mạo danh kia giết chết.

Một người bạn của chúng tôi hiện đã là người thiên cổ, anh Bùi-tiến-Cảnh, năm 1945 đó, vừa ở miền Nam ra Bắc, có thuật chuyện rằng :

« Hồi ấy Bình đang ở Sài-gòn, sống tại gia đình của một nhân vật đảng viên một đoàn thể cách mạng quốc gia nọ. Người chiến sĩ quốc gia đó liền bị bè lũ tay sai họ Hồ tới bắt đi mất tích. Gặp Nguyễn Bình ở đấy, lũ hung đồ bắt luôn cả Bình giải đi.

« Người ta còn nghe Bình lớn tiếng nguyên rủa bọn con đồ Việt-Cộng đội lốt cách mạng nhân dân : — « Cách mạng gì chúng mày ? Lũ bay chỉ là phường kẻ cướp ! »

« Từ đó, không ai gặp Nguyễn Bính đâu nữa ».

Ở ngoài Bắc, tôi đã viết bài chiêu niệm anh và ghi tên anh trên đài kỷ niệm những văn nghệ sĩ khuất bóng ! Hồi ấy tôi thành thực thương nhớ anh cũng như tôi đã nhớ thương những Nguyễn Đức Chính, Lan Khai, Phạm Tú, những nạn nhân đầu tiên của Việt-Minh Cộng-sản.

Tôi nhớ tới một bài tùy bút anh viết đã từ lâu nhan đề « Nước Hồ Sen » trong đó anh tả một hồ nước đang im lặng thanh bình bỗng nhiên xảy ra một cuộc nổi loạn. Đó là lúc trên mặt nước hồ bắt đầu lan tràn những cánh lá sen. Anh viết :

« Mầm loạn củ sen ấy tự cấy ra khắp đáy hồ. Rồi có những sự âm mưu, đầu mối của một cuộc nổi loạn. Củ sen nẩy mầm, cao lùn lùn trong nước...

« Thử trông cái hồ sen mà xem ! Thật là hoang toàng, thật là bừa bãi, thật là rờm đời !...

« Ta thương : ta thương những cô bé cạo tóc, lại cũng một chiều, nói là đi thưởng sen, bơi thuyền ra giữa hồ. Thôi rồi ! Một đi không về nữa khi mà nàng Chiêu Quân qua cửa Nhạn-môn-quan... »

Đọc lại đoạn văn trên, tôi cứ lần lần thần nghĩ rằng : văn chương thường hay vắn vào người và nhiều khi có những đoạn văn tiên tri được cả Số-mệnh con người, như lời sấm ngữ !

Thiên tùy bút « Nước Hồ Sen » sự thực đã tình cờ tả được chính cuộc đời của anh, từ khi linh hồn anh bị bè lũ quỷ đỏ xâm chiếm !

Cho tới sau ngày đất nước chia hai (1954) tôi di cư vào miền Nam tìm tự do mới được tin chính thức rằng Nguyễn Bính chưa chết (theo nghĩa đen) nhưng mà cũng có thể kể là chết rồi (theo một nghĩa khác).

Số mệnh trở trêu thay ! Trong khi chúng tôi lìa bỏ đất Bắc tiến vào Nam để tránh vòng kiểm tỏa của Việt-Cộng, thì Nguyễn Bính, con người tha hương dài hạn ấy, lúc đó đang sống ở miền Nam, lại bỗng động lòng cố quận, theo ngay Việt-Cộng tập kết ra Bắc.

Thì ra năm 1945, Nguyễn Bính bị Việt-Minh Cộng-sản bắt đi biệt tích nhưng chưa bị giết. Bính chỉ bị Việt-Minh buộc phải đứng chung hàng ngũ, suốt chín năm binh lửa ; Bính gần như bị quản thúc riêng ở những khu vực hẻo lánh miền Nam, không hề được liên lạc với cuộc đời chung quanh. Tất nhiên đến hiệp định Genève, Bính lại bị Việt-Cộng xỏ mũi lôi ra miền Bắc.

Vượt qua con sông Bến Hải trở về bên kia vĩ tuyến, lần này Nguyễn Bính mới thực làm một chuyến « Lỡ Bước Sang Ngang » điển hình nhất và bi đát nhất. Đặt chân về giữa đất quê hương mà không ngờ là bước sang « Đất Trích » : Thêm một lần nữa Bính lại thấy mình tha hương, và lần này, mĩa mai và cay độc nhất, Bính thiếu quê hương ngay giữa quê hương !

Dần dần, từ bên kia vĩ tuyến đưa sang những vang dội của văn nghệ giới miền Bắc, và ở phần đất Tự-do này, chúng tôi ngậm ngùi khi đọc thấy bài thơ sau đây của Nguyễn Bính, đăng trong báo *Trăm Hoa* xuất bản tại Hà-nội ngày 9-12-56 :

TÌNH GIẤC CHIÊM BAO

*Chín năm dốt duốc soi rừng
Về đây ánh điện ngập ngừng bước chân
Cửa xưa mảnh trúc còn ngăn,
Góc tường vẫn đọng trăng xuân thừa nào.
Làng xa bản nhỏ dèo cao,
Gió bay là áo chiêm bao nửa chừng
Anh về luyến núi thương rừng,
Nhớ em đêm sáng một vùng Thủ-dô.
Bồi hồi chuyện cũ năm xưa,
Gặp nhau lần cuối, trang thư lệ nhòa
Thư rằng : « thôi nhé, đôi ta,
« Tình sao không phụ mà ra phụ tình.
« Duyên nhau đã dựng trường đình.
« Mẹ em đã xé tan tành gối thêu... »*

Trăng khuya sáng núi gươm đeo,
 Anh đi, thư vẫn nằm đeo bên mình
 Lửa sán nét chữ chên chên,
 Nếp thư đến rách chưa lành vết thương.
 Đầm đầm hoa sữa lên hương,
 Chân anh đang bước giữa đường cái đây.
 Nẻo hồ, song cửa lá bay,
 Sáng chưng bóng dáng bao ngày yêu xưa
 Trăm năm đã lỡ hẹn hò,
 Cây đa bến cũ con đò còn không ?
 Tinh cờ gặp giữa phố đông,
 Em đi riu rít tay chồng tay con.
 Nét cười âu yếm môi son,
 Áo bay nhắc buổi trăng tròn sánh vai.
 Chín năm bão lốc, mưa ngày,
 Nước non dễ có hôm nay sáng trời.
 Em đi hạnh phúc hồng tươi,
 Anh nhìn tận mắt cuộc đời đẹp sao ?
 Sắc hương muôn nẻo tuôn trào,
 Tiếc mà chỉ giấc chiêm bao một mình.
 Anh về viết lại thơ anh,
 Để cho bến mát cây xanh đôi bờ.
 Cho sông cho nước tự giờ
 Chẳng còn lỡ chuyện con đò sang ngang,
 Lửa đôi những bức thư vàng,
 Chẳng còn chữ chữ hàng hàng lệ rơi.
 Chim hồng, chim nhạn, em ơi !
 Trên nền gối cười đời đời yêu nhau.

Nguyễn Bính đã tình giấc chiêm bao, thương thay ! Sau đó
 chúng tôi lại được tin Nguyễn Bính không thể chịu nổi chính sách
 bóp nghẹt tự do của ngụy quyền miền Bắc, nên Bính đã hợp tác

cùng anh em Nhân-văn Giai-phàm viết nhiều bài công kích chế độ. Thoạt đầu, sở Báo-chí Trung-ương Việt-Cộng tìm cách dụ dỗ và mua chuộc Bính, nhưng sau nhận thấy thái độ chống đối của Bính không thay đổi, Đảng liền bố trí để cho Bính bị bọn lưu manh hành hung ngay giữa phố hàng Bông. Vụ này đã gây phản kích sôi nổi tạo thành một luồng dư luận phảng kháng mạnh mẽ trong văn nghệ giới và trong số các phần tử Nam-bộ tập kết ở Hà-nội.

Liên mấy năm sau, ở miền Tự do, tôi không được tin thêm gì của Nguyễn Bính nữa. Nhưng chúng ta cũng thừa hiểu số phận Bính ra sao. Ngày nay, đột nhiên nghe tin Bính từ trần, chúng tôi không sững sốt, mà chỉ ngậm ngùi xót thương (1). Nhìn về « Đất Trích » đau thương, tôi chợt nhớ tới bài thơ « Xuân Vãn Tha Hương » mà Nguyễn Bính đã làm từ ngày xưa, nhưng không ngờ lại nói đúng hoàn cảnh hiện thời của Nguyễn Bính. Tôi vẫn tin văn chương có vận vào số mệnh, cũng như tôi tin rằng cái nghiệp di của Bính là phải tha hương trường kỳ, nên hiện thời tuy sống giữa quê hương mà cái tâm sự của Bính vẫn là tâm sự của một kẻ bị lưu đầy.

Xin nhắc lại vài đoạn thơ trong bài « Xuân Vãn Tha Hương » của Nguyễn Bính để gọi là chia xẻ với anh nỗi niềm sầu xứ khôn nguôi :

*Bốn biển vẫn chưa yên sóng gió
Xuân này em chị vẫn tha hương,
Vẫn ăn cái Tết ngoài thiên hạ,
Son sắt say hoài rượu viễn phương.*

.....

Mỗi độ xuân về, em lại thấy.

Buồn như tên lính ở biên cương.

Thời chưa gặp đó, năm sông mãi,

Sông cả ảm tình, rượu cũng sông..

.....

(1) Theo tin các báo thì Nguyễn Bính chết vào ngày Ba-mươi giáp Tết Bính Ngọ vừa qua.

Cửa quan chẳng mở, đầu Viên bạc,
 Tri kỷ không ai, mắt Tịch cuồng.
 Vung tỉnh bỏ rơi đi hạnh phúc,
 Sầy tay đánh vỡ mất thiên đường.

.
 Đất đôi hoa mầu, nhà đôi chủ,
 Trâu quên mục tử, ngựa quên chuồng.
 Thay đen đôi trắng bao canh bạc
 Vẽ nhỏ, đeo râu mấy lớp tuồng.
 Trối vo hồn lại ba đồng bạc,
 Bán rẻ đời đi mấy dẫu lương!
 Chao ôi giả dối! ôi mai mỉa!
 Sống chật phồn hoa một lũ Mường...

ĐINH-HÙNG

CHỈ CÒN MỘT SỐ RẤT ÍT :

đôi mắt trên trời

tập truyện

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

GIAO-ĐIỂM xuất-bản

giá 56đ.

THANH-TÂM-TUYÊN

UNG THU

PHẦN THỨ TƯ

CHƯƠNG I

(tiếp theo)

Thạch tháo khẩu súng đựng trong bao da, khóa an toàn, bỏ vào ngực áo. Đêm mùa hè đậm đặc sâu tối, tiếng sóng hồ Tây rì rào, ngô đã quen. Thạch đứng lại ở khúc quanh, bên cạnh góc một bức tường rào trên thành phủ lòa xòa những lá cây, nghe tiếng giày đinh im bật. Hai bàn tay không, tôi quay lại khởi điểm, đột nhiên thấy mình đã đổi khác lúc nào không hay biết. Những đêm mùa hè nín lặng như trong vùng chết, được lệnh phòng thủ bố trí căn mật, chỉ mặc một chiếc xi-lip nằm trên ghế vải giữa những bức tường bùng bít ngọt ngạt, buổi sáng oi bức da dính nhớp mồ hôi bần thiêu như màu đất bụi đường trông ngóng đoàn "convoi" đi ngang đôn với mấy chiếc xe hàng lộc xộc mang theo những tờ báo cũ, mua một vài chai bia, nải chuối, nhìn những bộ mặt đàn bà không son phấn may mắn hiện giữa đám dân quê; buổi chiều dài lênh đênh trên các bờ ruộng; lũy tre khô cằn, những người làm đồng lúi thúi trên đường vào làng, những người ban đêm đào đường và buổi sáng lấp lại; Con đường lỗ chỗ, không cây cối, nắng

(*) Xem từ VĂN số 31.

làm mờ mắt, mặt trời đốt nóng trên gáy và sau lưng áo, bóng người ngã vật cùng với tiếng nổ như một ảo giác trước khi bất tỉnh, Thạch không ngờ mình còn sống, đang đứng đây, mù tối, hoang mang, bồn chồn và trơ trọi trước tương lai, không nhìn thấy gì rõ hơn là sự chán nản suy đồi của người khác bám chặt vào mình, bóp nghẹt thở.

Thạch đẩy cánh cổng khép không gài then, trong sân vang tiếng cười nói. Mẹ Đồng, cùng hai ba người đàn bà khác và trẻ con ngồi ở ngoài hiên nhà trên, điện không bật. Bà lên tiếng hỏi:

— Ai đấy?

— Thưa cụ, cháu. Thạch.

Bà mừng rỡ đứng dậy, bước vào nhà bật đèn gọi Đồng; những người khác nhìn Thạch tò mò. Thạch chỉ nhận ra u già quen thuộc, chị dâu của Đồng ở trên phố với mấy đứa con, còn một người đàn bà lạ mặt chưa gặp lần nào. Đồng ngồi bó gối trên giường trong buồng một mình đang nhìn qua cửa sổ ra vườn đêm. Lúc Đồng quay mặt lại, Thạch giật mình kinh hoàng, Đồng sa sút trông rõ: mặt gầy sạm đen đui, da như bị cháy, đôi mắt ướt mờ màng lồi lên như hai hòn bi đục, tay chân khẳng khiu quẹo quào. Đồng mặc chiếc áo lót trên thân ép sát vào ngực chỉ còn là bộ xương, vẫn cố gắng cười như thói quen, tiếng cười khục khục vướng mắc trong cổ không thoát. Thạch nghĩ ngay mình không thể ở lại nhà Đồng đêm nay và nói:

— Nhà đông quá hả?

— Về tối thế?... Bà chị vừa ở ngoài vào.

Tiếng nói của Đồng mệt nhọc phều phào không rõ. Thạch mở tủ của Đồng, tìm quần áo của mình; Đồng vẫn ngồi một chỗ theo dõi. Thạch thay quần áo, nói dối:

— Về thăm cậu rồi lại phải xuống phố có việc. Mai tôi lại lên.

— Có hẹn hả?

Thạch nhét khẩu súng lục vào trong đồng quần áo, bảo:

— Tôi để khẩu súng trong tủ. Tối mang theo nguy hiểm.

— Không sợ tôi lấy tự tử ?

Đồng cười không thành tiếng rồi bật ho sặc, rồi chỗ ngồi xỏ chân vào dép đứng lên rủ Thạch cùng ra ngoài. Hai người đi qua hàng hiên, những người đàn bà nín bật chuyện trò. Mẹ Đồng lên tiếng hỏi, giữ Thạch ngủ lại và Thạch phải thoái thác. Những dự tính, bản khoản định gặp Đồng thờ lộ không nói được.

— Có làm được bài thơ nào không ?

— Không.

Ngõ thật khuya, tiếng của Đồng khảo khảo âm thầm như sự xô động vu vơ của cây cỏ lẫn trong bước chân. Đồng không còn thể hồi phục, có lẽ Cảnh nói đúng, thể hệ này bị hy sinh, mỗi đứa một cách. Từ ngày ấy chắc không bao giờ Đồng còn nghĩ đến thơ, chính tôi vẫn thường chế riều cái thái độ ngây thơ, chính tôi cũng dự phần vào trong việc phá hủy cái tâm hồn mơ mộng của Đồng. Để được gì ?

— Chắc cậu mới gặp chị Đạo... chị ấy vẫn thường ra vào... mà cậu không gặp... Lần này... Ở trên phố có gì lạ không ?

Ngõ sáng dần khi ra gần đến đường tàu điện. Thạch nghĩ có thể quay vào nhà ngủ chung với Đồng, trong nhà Đồng đã hoàn toàn biệt lập một mình bên cái chết, nhưng Đồng không tỏ một ý muốn giữ Thạch lại. Thạch muốn hỏi : Cậu còn nghĩ đến cái chết nữa không ? Nghĩ đến cái chết như khi chăm chú nhìn vào trong mắt của người tình thứ nhất. Cậu có sợ không ? Đêm âm ỉ khuất tịch, tuổi trẻ đã qua mất hẳn, một đứa đã tới cuối đường và lặng lẽ nhìn xuống vực sâu hút, còn một đứa vẫn quay cuồng với... còn những đứa khác ? Thạch cắn chặt môi, nén giữ những xúc động có thể biểu tỏ, khi Đồng choàng tay bá lấy vai dựa vào người, sự đụng chạm vừa hải hùng vừa đau đớn.

Đồng buông vai Thạch, ngồi bệt trên thanh đường sắt, thở hồn hển, nói như xin lỗi : Hơi mệt. Thạch bảo : Để tôi đưa cậu vào, rồi tôi đi, nhưng Đồng vẫn ngồi nguyên đưa mắt nhìn về phía cuối đường tàu chìm vào trong bóng tối của dãy phố nhỏ đã ngủ say. Đồng nói đã lâu không bước ra khỏi cổng, cảnh tượng cũng chẳng có

gì thay đổi và có lẽ mai kia Đồng chết mọi sự vẫn bình yên phẳng lặng như cũ. Chỗ Thạch đứng dưới gốc đèn xi-măng là chỗ cả bọn thường dừng lại nói nốt một câu chuyện dở dang trước khi về phố, nhiều khi vấn đề chuyện đời kéo dài cuộc bàn cãi Đồng bước qua đường tàu rẽ sang phía sau đình nhìn Hồ Tây, hay đi dạo lui tới bên cạnh đoạn đường sắt sáng. Bây giờ chỉ còn sự im lặng biền biệt của vùng ngoại ô phủ ngập bao vây những khoảng sáng.

— Có được tí gì của Nga, em An không? Vào nhà tu thật không?

Đồng không đáp, mỉm cười, làm điệu hóm hình buồn bã. Đứng vài giây, Thạch lại nhắc: Thôi vào nhà đi. Đồng hỏi giờ này Thạch xuống phố bằng cách nào. Thạch đáp sẽ đi bộ và chợt nhớ hỏi: Hà-nội còn giới nghiêm không nhỉ? Đồng bảo chắc vẫn còn. Và nói tiếp không nhìn Thạch: « Chắc Cảnh nó sắp về phải không? Chỉ sợ tôi không còn được gặp mặt đông đủ mấy cậu... Thật là tiếc... » Thạch cười xòa rồi cũng ngồi xuống đường sắt, bên kia là ngôi đình làng um tùm bóng cây. Đồng hỏi Thạch về lần này có dự định gì không và Thạch thản nhiên bảo mình chỉ về chơi. Đồng quay nhìn Thạch rất lâu hỏi chân đã khỏi hẳn hay chưa? Thạch lắc đầu.

— Lúc mới lớn cứ bị cái chết ám ảnh và sợ... Vậy mà... lúc thật nặng lại nghĩ đến một cách dễ chịu... Cậu có thấy thế không?

Đồng cười được một tiếng ngắn, xòe bàn tay đặt trên đầu gối.

— Cậu có nghĩ đã đến lúc... mình trông rõ mình chưa?

Thạch vẫn lắc đầu. Đồng cố ý thở phì phì bằng miệng nghịch ngợm, chỉ còn một vài thói tật giúp nhận ra Đồng, chắc hẳn trong mắt Đồng, tôi cũng xuất hiện vụn vặt như sự cầm nín lăm lăm li khi phải đối diện với khổ đau — Tại sao tôi không thể phơi mở trần trụi những cảm xúc, những ý nghĩ với người khác? Cảm xúc rồi tan biến, còn ý nghĩ lúc nào cũng trong tình trạng hỗn độn mông lung, tôi muốn trung thành, trung thành tới tận cùng với tôi và tôi bị vây kín trong bất trắc không lường — Sự cầm nín phân ly không sao vượt nổi.

Đồng chống tay đứng lên giữa đường sắt hỏi Thạch còn nhớ không có lần Đồng đi ngoài phố lo sợ viên vông nhớ những giây điện lửa đường tàu có thể rơi đứt, trói chết lấy mình, Đồng cười khúc khích đi vài bước trên những gióng sắt ngang. Đạo còn ở hậu phương thấy người lớn đi qua sông trên một cây cầu xe hỏa bằng cách bắc trên những gióng sắt ngang dễ dàng không cần chú ý tôi cũng đã đi thử nhưng chỉ được năm sáu bước đã chóng mặt phải bám vào thành cầu trở lại, Đồng nói, nước chảy siết qua những mô đá nhấp nhô giữa giòng, đó là vùng thượng du với những buổi sáng mù lạnh. Đồng ao ước được học trở thành bác sĩ về sống ở miền quê, Thạch đã nghe nhiều lần điều ước ấy từ những ngày còn cấp sách đến trường với Đồng, Cảnh bảo dự tính của Đồng là của bọn tiểu tư sản, Đồng đang nhớ đến Hà; cảnh hoang vu thơ mộng của vùng núi Phú-thọ những ngày ấy giống như trong những trang sách Đồng xé dần từng tờ khi đi đồng, ngồi đọc nghiền ngẫm giữa trời, có những đoạn gần như thuộc lòng — quyển Paul et Virginie của người anh tình cờ, lẫn trong những đồ đạc mang theo khi tản cư; người anh ấy đã vào học trường Trần Quốc Tuấn vẫn còn đương nhớ kinh đô, có lẽ người đàn bà lạ mặt ở trong nhà hình là vợ anh. Đồng dừng lại quay lưng, thân hình ốm yếu như sắp ngã; tiếng ve kêu tận trong vườn Bách Thảo lan ra vang lên một lúc. Còn tôi có điều ước nào không?

Thạch đưa Đồng trở vào ngõ, đến trước cổng; Đồng bảo Thạch vào nhà lấy xe đạp mà đi, lúc ấy đã hơn mười giờ. Thạch không biết ngủ đâu cho qua hết đêm, cổng nhà Đồng đã đóng không thể quay lại gọi, cũng không thể làm xáo trộn cái gia đình đang kết hợp lại nơi đó không còn sự trống thừa để dung nạp mình như ngày trước, Đồng cũng đã rút lui, thu nhỏ vào trong một khoảng hẹp còn được dành riêng chờ chết. Đồng đang hấp hối cô đơn, tôi đi dọc ở ngoài đường giữa ngoại ô chìm tối, một vài quán rượu còn thức tro trên ế ẩm, trong ngõ thấp thoáng bóng gái ăn sương ẩn lút. Đột nhiên Thạch nghĩ, hoảng sợ Đồng có thể tự vẫn bằng đầu súng mình để lại, Đồng nằm dài trong một góc vườn hay dưới gốc sung lòa xòa bên hồ nơi vẫn ngồi đọc sách, lỗ thủng khoét bên trái dương, cái chết như lời riêu cợt khúc khích cuối cùng. Thạch

nhấn mạnh bàn đạp, cố gắng theo đuổi những hình ảnh khác chưa hiện lên; những ngày tháng tả tơi chia lìa không bao giờ kết nối được chẳng, những bạn bè, thân thuộc bỏ đi và mất tích không bao giờ còn nhìn thấy mặt nhau. Vẫn một mình đi tới hay đi quanh, một mình, dẫm lên những xác chết chạy cuồng, như trong lần bị phục kích, truy nã, không cần phương hướng.

Thạch tự hỏi đi đâu, nơi nào có thể gõ cửa ngủ nhờ; bạn bè coi như chẳng còn ai; họ hàng không, một người mẹ không biết còn sống hay chết, một đứa anh lưu lạc từ ngày nhỏ chẳng nhớ được mặt mũi; những người quen cũ của gia đình, tuy biết nhưng không khi nào muốn liên lạc. Chỉ còn cách thuê khách sạn, nhưng gian buồng cho thuê trống trải lem luốc chỉ gợi nhớ đến những người đàn bà thân thể phơi mở như bóng đêm che khuất bản thân và sự vật; lúc này sự vỗ về ôm ấp gần gũi của đàn bà chỉ làm tâm thần thêm bức bối. Trong phố buôn bán cửa đã đóng nhưng đèn sáng, nhiều người bắc ghế ngồi ngoài hè hóng mát, quanh các cột đèn trẻ con còn chơi đùa. Thạch ra đến bờ hồ ghé vào quán nước. Các tối dạo quanh hồ vắng người, cây và đèn phố đứng im trơ, hơi nóng dưới hồ thỉnh thoảng bốc lên. Đêm còn dài nồng nực, Thạch nhớ gian nhà nhỏ bên bãi rác trống gần ao, những ngày hạnh phúc tạm bợ với Liên đã xa khuất thành kỷ niệm. Dưới gốc cây bàn đặt nghiêng bên những chiếc ghế trống; sau lưng ba bốn thanh niên cãi nhau oang oang về các kỳ thi vừa qua, không chú ý đến người chung quanh; Men theo bờ cỏ rậm, một người đàn ông lăm lũi xách chiếc vợt vớt cá đi về phía ít ánh sáng và tiếng động.

(Còn tiếp.)

THANH-TÂM-TUYỀN

VĂN số 59

ĐỌC VĂN GRAHAM GREENE



NỖI CÔ ĐƠN CỦA NGƯỜI CẨM BÚT

(Nhân đi nghe nhà văn Duyên Anh diễn thuyết tại trường Quốc-gia Âm-nhạc, Sài-gòn.)

Phải chăng người viết sống cô đơn ?
 Ôm bút ôm theo cả khối buồn ?
 Anh bạn Duyên Anh nêu thắc mắc
 Lên đàn bày tỏ cái nguồn cơn.

Trên bước hành nghề anh đã qua
 Anh nêu ra lắm cái trò ma.
 Uy trời tuy lớn, nhưng anh ký
 Coi bé ngang bằng cái lá đa.

Chòm xóm ung dung hứng chịu đòn,
 Dòng đời ngọn bút gặp phùng buồn
 Cái chiều dư luận nơi dân nhược
 Cẩm phạt nhiều anh dám ngược đường.

Sự thật nằm đâu sự thật ơi,
To gan cù nách cả ông trời
Trời cười : « hãy ngắm đầu anh... Lỗ
Có đục bằng gang hãy cắt lời.

Nghiep thế mà làng đông quá ta !
« Tiếng thơm » vang động tới trời xa
Vì chưng tâm địa nòi anh kỳ
Còn ngát hơn nhiều loại nước hoa.

Bởi thế cho nên « không cô đơn ! » (1)
Tô Văn xác nhận : chẳng nên buồn
Đường càng gai góc, càng đông đảo
Đem bạo tàn ra sửa soạn... chôn !

Sự thật hình như ló góc trời ?
Bình minh ngôn luận đến nơi rồi ?
Cảnh đồng nhân loại thơm tư tưởng
« Người sống cho ra cái giống người ». (2)

XUÂN-HIẾN

(1) Tô Văn lên xác định là người cầm bút không có cô đơn.

(2) phỏng Tú Xương.

lại trả lời ông Duyên-Anh

● TRẦN PHONG-GIAO viết

Trong *Văn-học* số 58, mục "Chân trời văn-học" ông Duyên-Anh có viết hai đoạn, một đề cập tới báo *Văn*, một đề cập tới bài báo của Mỗ làng Tân-nhuế đăng trên *Văn* số 56.

Để tránh điều ngộ nhận, tôi xin được làm dụng trang báo này gọi là thưa lại cùng ông Duyên-Anh, nhân danh người trông coi tập san *Văn*, cũng như với tư cách cá nhân tôi.

1.— Trước hết, đã hàng tháng nay tôi không ra quán Cái-chùa. Cũng đã một thời gian lâu rồi tôi không được gặp ông Phan Kim Thịnh. Phần khác, giả có gặp ông Thịnh, tôi cũng không có đủ thân tình để "nói nhỏ" với ông về một điều mà tôi (cũng như ông Thịnh) bắt buộc phải giữ kín như một "bí mật thuộc về nghề nghiệp".

2.— Nếu ông Duyên-Anh cố tình hiểu sai lệch câu văn của MLTN mà ông trích dẫn thì tôi xin được miễn bàn. Nhưng nếu ông đọc không kỹ, hiểu chưa thấu mà hiểu lầm dụng ý của câu đó thì thật là chuyện đáng buồn. Về khoản rượu, vì ông Duyên-Anh nói là "không biết uống rượu" thì thôi, ta gạt nó qua một bên. Nhưng còn chuyện sách thì tôi không hiểu tại sao, do đâu mà ông Duyên-Anh lại có được cái ý nghĩ là anh Trần Thiện-Đạo gửi sách từ bên Pháp về cho tôi?

Trên thực tế, tôi chẳng diên đại gì mà gửi sách tận bên Pháp về trong khi ở Sài-gòn tôi có thể mua sách Pháp rẻ hơn là mua bên Paris. Lý do : nhờ cái giá I.C. I-NF ăn có 10-đồng thôi. Lại khỏi thư từ, thuế má, cước phí, kiểm duyệt lời thôi.

Tôi cũng chẳng thể hiểu tại sao ông Duyên-Anh lại coi cái việc có loại sách bìa trắng như là một thứ đặc quyền gì ghê gớm lắm, khi, dọc đường Lê Lợi, hiệu sách nào cũng có bày bán loại sách đó cả ?

Loại sách-bìa-trắng đó tuy có đắt hơn loại sách-bỏ-túi nhưng lại in trên giấy tốt, trình bày sáng sủa dễ đọc, sách khâu bằng chỉ dễ giữ và giữ được lâu bền, nên vẫn được nhiều người ưa chuộng lắm. Sách mới về ít hôm chậm mua bị lỗ là thường. Ông Duyên-Anh dư biết tôi bị tật cận thị, lại cũng phải nhìn ăn nhìn mặc ghê gớm lắm, lại yêu sách như yêu tình nhân, nên mới dành dụm được ít cuốn sách thuộc loại đó. Đọc giọng văn mỉa mai cay đắng của ông tôi mới biết là mình đại. Đại vì trước lúc đọc bài của ông tôi đang nâng niu cuốn *Une âme de bois* của Jakov Lind. Cuốn sách giá 150-đồng. Đối với tôi, đó là một món tiền khi tiêu phải đắn đo, cân nhắc. Nhưng với ông, nó chỉ đáng giá ít lít xăng đủ để ông đi dạo phố một vòng (bữa nọ đọc báo thấy ông nói là ông có xe hơi, nếu tôi lắm, xin ông miễn thứ.) Bây giờ, xin thú thật với riêng ông, tôi chẳng ham nâng niu cuốn sách đó nữa. mặc dầu trên bìa của nó, dưới nhan sách, vẫn có ba hàng chữ « NOUVELLES TRADUITES DE L'ALLEMAND PAR MATHILDE CAMHI ». Tôi nghĩ đến ông và hình dung ra một cuộc vấn đáp như vậy : — Bao giờ thì cuốn *Une âme de bois* này được in trên loại sách-bỏ-túi ? — Khi nào nhà xuất bản thấy sách bán chạy, đủ chạy để bảo đảm cho một ấn bản hàng trăm ngàn cuốn, thì họ sẽ in. — Lúc đó tên dịch giả sẽ nằm ở đâu ? — Trang 5. — Khiêm tốn. Hoan hô ! Hoan hô ! Các dịch giả Việt-nam nên lấy đó làm gương. Hoan hô !... Tôi vừa định giơ tay lên hoan hô thì chợt nghĩ tới thằng mỗ làng Tân-nhuế nên lại khựng lại. Và từ đó, mỗi lần nhìn đến cuốn sách mà tôi hằng nâng niu, sao tôi lại thấy nó vô duyên tro trên lạ lúng. Cũng vô duyên tro trên như những người « vẽ quỷ vẽ ma » nào đó trong « Cồ-học Tinh-hoa » bỗng dưng được ông lôi cổ ra làm chứng cho một việc mà hầu hết những người biết đọc sách (ngoại quốc) ở

Sài-gòn đều biết ; ngoại trừ ông — có lẽ vì giàu óc tưởng tượng, — nên cứ tưởng là nó chỉ có ở bên... Tây.

3) Đương nhiên là ông có toàn quyền cho rằng « không có quyền đề tên dịch giả ra bìa ». Nó cũng tựa tựa như cái quyền của tôi, mỗi lúc tôi muốn, được ra ngồi lại bên cầu nhìn dòng nước chảy, hoặc, nếu cần, phóng uế xuống sông vài bãi cho nó nhẹ nhõm con người. Chắc ông cũng chẳng nỡ phản đối cái quyền đó của tôi, người đầu tiên đã hưởng ứng và tôn trọng cái quyền thượng dân của ông.

4) Ông Duyên-Anh cho tôi là « xác láo » khi « chơi ké » trong việc đề tặng cuốn *Sứ-mệnh văn-nghệ hiện-đại*. Tôi thấy không cần trả lời ông, vì, trước hết, ông không biết mối dây liên hệ giữa thầy Louis Germain và nhà văn Albert Camus nó ra làm sao, đề, từ đó, suy ra lý do đề tặng sách của tôi. Ông đã chỉ, tôi nghĩ như thế, suy theo kiểu chữ petit capital corps 6 mà nhà in đã dùng đề in tên tác giả và tên người dịch, đề buộc tội tôi. May quá, ngoài bìa, anh họa sĩ Văn-Thanh dùng kiểu chữ corps 24 kẻ tên Camus, và trang đầu sách, anh chef-typo Ngọc lại dùng chữ corps 18 để xếp tên ông. Thiệt phước đức nhà tôi còn lớn lắm đó mới gặp được hai ông rành nghề như vậy. Vô phước mà gặp được nhà xuất bản như nhà Văn-học thì không chừng tên tôi lại nằm chính lình ngay chỗ của tác giả và lớn như trái núi mất thôi ! Ở trường hợp đó thì giá như tôi có chui xuống đất cũng không trốn thoát khỏi lưỡi búa của ông Duyên-Anh đâu ! Tôi cũng nghĩ rằng ông Duyên-Anh dùng giọng mỉa mai gọi tôi là giám đốc nhà xuất bản Giao-diềm là việc vô bổ. Vì, hơn ai hết, ông dư biết là tới lúc ông dùng tạm nhãn hiệu Giao-diềm in lên bìa sách *Hoa Thiên Lý* của ông, cơ sở Giao-diềm vẫn chưa thành hình. Cuốn sách đầu tiên của tôi, ông là người hiểu rõ hơn ai hết, được in bằng tiền do một số anh em văn nghệ cho vay theo lối « kẻ như là giúp ».

5. — Quan niệm về dịch thuật của ông Duyên-Anh có thể coi là một quan niệm tiến bộ được đó. Bởi vì trước ông đã chẳng thiếu gì người thường coi việc dịch văn như một « hạ nghệ thuật ». Tôi lắm cảm tự hỏi không biết điều đáng bàn có phải là tìm xem

thực ra có một « sự nghiệp dịch » như ông Duyên-Anh gọi hay không, mà là tìm hiểu xem công việc dịch thuật trong hoàn cảnh xã hội ta lúc này có cần, có giúp ích được cho ai hay không ?

6. — Khi cho tôi mượn tờ *Văn-học* số 58 (lúc tôi viết bài này, chiều 10-5, báo *Văn-học* chưa có bán ngoài sạp) một anh bạn có cho biết là mới đây, trong một bữa cơm thân mật tại nhà anh Phan Kim Thịnh, anh bạn Bùi Ngọc Dung đã phàn nàn (trước mặt anh em) là anh không hề nói những điều mà ông Duyên-Anh đã viết trong bài « Phỏng-vấn Dương Kiền ». Tôi không có lý do gì để không tin lời anh bạn nọ. Vì vậy, tôi đành coi bài của ông Duyên-Anh như một sự bịa đặt.

Tôi không muốn trả lời sự bịa đặt đó chính vì để giữ nguyên vẹn những cảm tình mà tôi hằng có đối với hai anh Dương Kiền và Bùi Ngọc Dung. Không trả lời nhưng tôi xin được nhắc nhở ông bạn Duyên Anh một điều này : ông chủ nhà sách Khai-Trí còn đó, sao ông bạn không chịu khó hỏi lại ông cho kỹ rồi hãy viết. Lời nói bay đi, nhưng chữ ghi thì còn lại, mãi mãi mà ông bạn.

Trước đây, tôi được biết ông bạn Duyên-Anh lâu lâu, vì những lý do khó hiểu, lại lôi tôi ra mà chửi bới một cách thân mến trong các phóng sự, tiểu thuyết v.v... của ông. Sự chửi bới này có hồi kéo dài khá lâu, lâu như sự nín thinh kéo dài của tôi.

Lần này, tôi thấy buộc lòng phải lên tiếng vì không muốn gây phiền cho những người bạn thiết cũng như không muốn gánh chịu mãi những hiểu nhầm. Mong bạn đọc hiểu cho điều đó và tha lỗi cho sự lậm dụng này của tôi — sự lậm dụng mà tôi mong mỗi là nó sẽ không bao giờ tái diễn.

Giới thiệu Sách mới



Tòa soạn **VĂN** vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc:

★ **LỀ LỐI SINH HOẠT DÂN CHỦ**, Hoàng Việt Dũng, Đức Phổ xuất bản. Sách dày 56 trang, giá 50 đồng.

Gồm nhiều bài tham cứu, được xếp thành 4 phần chính: 1) Các ý niệm căn bản. 2) Các nguyên tắc căn bản. 3) Lề lối sinh hoạt dân chủ. 4) Tinh thần dân chủ.

Tài liệu huấn luyện chính trị phổ thông được xếp thành hệ thống.

● **HAI KHUNG TRỜI**, thơ Kiều Mộng Thu do Tác-giả xuất bản. Sách dày 80 trang, giá 68 đồng.

Tác phẩm thứ hai của Kiều Mộng Thu gồm 40 bài thơ trữ tình. Sách do Thanh Việt Thanh giới thiệu.

★ **QUYẾT THẮNG**, số 2: đặc biệt Chiêu-hồi. 140 trang, ấn phẩm công.

Nội-san của Biệt - động - quân tại quân khu thủ đô.

● **HÀNH TRÌNH VÀO DÂN TỘC HỌC**, biên khảo của Lê-văn Hảo do Nam-sơn xuất bản. Sách dày 190 trang, giá 70 đồng.

Tập I: Những vấn đề lý thuyết.

★ **HÀNH TRÌNH ĐI VÀO TRIẾT HỌC**, biên khảo của Trần-văn Toàn do Nam Sơn xuất bản. Sách dày 216 trang, giá 60 đồng.

Tài liệu giảng dạy về « Triết học nhập môn » tại trường Đại - học Văn-khoa ».

● **NUÔI CON NHƠN TÌNH**, truyện Thế Nguyên do Nam sơn xuất bản. Sách dày 80 trang, giá 30 đồng.

Tác phẩm thứ hai của Thế Nguyên là một tập truyện gồm 3 đoản tác trong số có 2 truyện trước đây đã đăng trên **VĂN** (số 4 và số 11). Thế Nguyên là một cây bút trẻ không xa lạ gì với bạn đọc của **VĂN**.

★ **VƯỜN CỒ THỤ**, tập truyện của Nguyễn Thu Giao do Đất Sóng xuất bản. Sách dày 120 trang, giá 44 đồng.

Tác phẩm đầu tay của Nguyễn Thu Giao gồm 5 truyện ngắn.

● **LỖ TẤN TUYỀN TẬP**, tập truyện của Lỗ Tấn, Giản - Chi tuyển dịch do Cảo Thơm xuất bản. Sách dày 320 trang, giá 96 đồng.

Sách gồm 11 đoản tác của nhà văn Trung - quốc nổi tiếng: Lỗ Tấn.

Bản dịch của Giản - Chi lời cuốn người đọc một cách tài tình. Phụ bản có chân dung Lỗ Tấn của Khuất Vĩ Vi, di mặc của Lỗ Tấn và 6 tranh phụ bản của Thái Tuấn.

Lỗ-Tấn Tuyển-tập là một bản văn dịch có giá trị mà các bạn trẻ nên tìm đọc và các tủ sách gia đình nên có.

THƯ ĐI *lại*

* Quý bạn gửi bài và thư :

Để tránh thất lạc, mong quý bạn, như là từ miền Trung và Cao nguyên, gửi thư và bài về tòa soạn VĂN bằng máy bay. Bạn nào yêu cầu trả lời bằng thư riêng, xin nhớ gửi đủ tem trả lời bằng máy bay.

* bạn Ly Vu, Gia-định.

Có nhiều sách viết về Baudelaire trong loại sách phổ thông do Presses Universitaires de France xuất bản. Bạn có thể mua ở các nhà sách lớn đường Lê-Lợi, Sài-gòn.

• bạn Phan-thị Lục-thúy, Huế.

Viết được gì mới, em nhớ gửi về.

* bạn Diêu Tịch Cung, Chương-thìn.

Cái quý báu nhất nơi bạn chính là lòng tự tin đó.

• bạn Thế Vũ, Nha trang.

1) Chúng tôi không rõ, nhưng chắc là không phải. 2) Bạn nên viết hỏi thẳng báo nào có đăng bài của HYT thì mới biết được. 3) Không nên hiểu lầm : TPG vốn bạn nhiều việc, lảnh lại làm li (nổi tiếng — xấu, hãnh thế — là một thứ « grand taciturne », nhưng lại như « như con chi chi » đó) nên rất ít gây được cảm tình với người lạ. Nhờ bạn « đã thông » cho anh em rõ điều đó.

* bạn Văn Vũ, Kbc. 4804.

Chẳng nên bi quan, bạn ạ. Cố tạo và giữ một thế quân bình cho ngoại giới và nội tâm, rồi sẽ thấy cuộc sống bớt bi thảm đi nhiều...

• em F.N. , Hội-an.

Rất tiếc không thể đăng bài của em vì không hợp với tôn chỉ của VĂN. Nếu em cho là « oan ức » sao em (và các bạn khác) không cùng tố cáo người đó với nhà cầm quyền có hơn không ?

* bạn Hạnh Phương, Quảng - trị.

1) VĂN 49-50 và 51, gửi 50 đồng tem thư. 2) Đã cố hết sức nhưng vẫn không thể tránh hết lỗi về xuyết-từ vì chánh tả của ta vẫn chưa được điển chế và thống nhất. 3) VĂN từ I đến 6, thiếu mất số 3 5 số kia giá 60 đồng cả cước phí. 4) Viết i là ì, theo kiểu phiên âm tiếng Pháp. 5) Niên biểu đó khác nhau vì tài liệu không thống nhất, khó mà kiểm chứng. 6) Đó là thơ « yết hậu ». 7) Lần sau, hỏi ít thôi nhé !

- em Phạm Hữu Chí, Quảng-ngãi.

1) Toàn quyền do nơi tác giả.
2) Đang dịch sang tiếng Pháp và tiếng Anh. 3) Ngày 30 10-1947. 4) Thơ em còn yếu, cần phải cố gắng trau dồi thêm nhiều, trước hết là về kỹ thuật.

- ★ Ô. Bồ Xuân Viên, Qui-nhơn.

Xin gửi 13 đồng kèm thư.

- bạn Mạc Tử Huyền, Phong đình.

Rất tiếc không biết địa chỉ của người bạn hỏi.

- ★ Ô. Nguyễn Phùng Hồ và các bạn.

1) Chúng tôi không xen-mép trên tờ báo cốt để kiểm soát sự cho mượn báo. 2) Hai đề nghị khác của ông, chúng tôi rất tiếc không thể thỏa mãn vì thiếu phương tiện để thực hiện. Mong ông thông cảm và lượng thứ.

NHẮN TIN CHUNG :

- QUÝ BẠN ĐÃ GỬI BÀI.

Hiện nay, Ban Tuyển-chọn Tác-phẩm của VĂN còn đang đọc một số tác phẩm của bạn gửi về ở at trong mấy ngày qua. Vậy qui bạn nào đã gửi bài mà chưa thấy trả lời trong số này, thì xin vui lòng đón coi kết quả tuyển chọn trong số tới.

NHẮN TIN RIÊNG :

- TÁC GIẢ « SẦU RIÊNG ».

Mong được tin để bàn gấp việc in tác phẩm. Xin gửi về tòa soạn VĂN.

Hoàng Vyễn Ngư

ĐÍNH CHÍNH :

Trong bài VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM, cuốn THÂN PHẬN CON NGƯỜI, trang II, năm sinh của Ryunosuke Akatagawa đã in lộn là 1872 thay vì 1892. Bạn đọc tinh ý chắc đã căn cứ theo các niên biểu khác trong cùng bài này mà suy ra sự nhầm lẫn kể trên.

Chân thành cáo lỗi cùng tác giả và toàn thể bạn đọc.



★ BÀI ĐÃ
NHẬN ĐƯỢC

- * Văn :

Quý bạn : Nguyễn Dũng. Minh Dũng. Ngụy Yên. Nguyễn Thuận Đình. Trần-Đh Sơn-cước. Phan q. Vinh. P. Xuân Phương. Phạm Đoàn Tuân.

- * Thơ :

Quý bạn : Nguyễn Luông. Nguyễn Nho Thặng. Minh Hiến Châu. Vũ

Nguyễn Kim Sang. Tôn sơn Ca.
 Trung Đình. Dzuông Lyng. Như
 Trần Ngọc Hùng. Nguyễn Nho
 Thuận. Mai-x-Chức. Chu Quang
 Lạc. Hạnh Phương. Nguyễn Dũng.
 Đức Thương. Thy-lệ Huiên-vân.
 Thy Bách. Hủy Thê. NT. Ngụy Yên.
 M - bảo Nguyễn - văn. Nguyễn
 Ling. Tường Linh Chi. Mạc Tử
 Huyền. Dương Hồng Tú. Háo Đức.
 Nguyễn Nhạc H.. Vũ Ngọc Đức.
 Tâm-mặc Nghệ-thê. Vu Vu. Thanh-
 Sơn-thanh. Nguyễn Phùng Hồ.
 Văn Triều. Trần-đình sơn-cước (3).
 Ngọc Lan Huyền. Tín-văn Trương.
 Ngọc Đức. Huyền Gioãn Gyêm.
 Bài Dã Tường. Hoài Ziang Duy.
 Lạc Thúy Ca. Huỳnh Duy Hiếu.
 Lưu Tịch Cung. Liên Sao. Cung
 Li Nguyễn. Di-thảo Nguyễn-
 Thuận. Minh Liên. Hương Huyền
 Tân. Mặc Huyền Thương. Duyên.

K.K.. Di Điều. Phạm Nguyên Hoàn.
 Võ Tất Thắng. Tịnh Yên. Hoàng
 Thị Diệp. Trần Phiêu Di (2). Tú
 Thuận. Thành Văn. Nguyễn Khởi
 Phiên.

Tôn-nữ Đạm-thúy. Nguyễn Ngọc
 Thuận. Lê Thanh Xuân. Hoài Diễm
 Từ. Hoài Tuyết Trang. Đa Đa.
 Phạm Nhã Uyên. Cao Thoại Châu.
 Nguyễn Bạch Dương. Trần My
 Huyền. Cungnhựtước. Trần Thụy
 Gioan. Nguyễn-thị Trâm-kha.
 Nguyễn-mạnh Song-ka.

— Ban tuyên đọc tác phẩm của VĂN
 đã đọc những tác phẩm của quý
 bạn và rất tiếc không thể chọn
 đăng. Xin chân thành cảm ơn và
 mong quý bạn vui lòng gửi cho
 VĂN những tác phẩm khác.

PHÁT HÀNH THÁNG SÁU, SÁU-MƯƠI-SÁU :

mười nhà văn

mười truyện thời chiến

TẬP TRUYỆN NGẮN CHỌN LỘC CỦA :

DOÃN QUỐC SỸ. DƯƠNG NGHIÊM MẬU. MAI THẢO.
 NGUYỄN MẠNH CÔN. NGUYỄN ĐÌNH TOÀN. SƠN NAM.
 THANH TÂM TUYỀN. THẾ UYÊN. VÕ PHIẾN. Y UYÊN.

SÁCH HAY • IN ĐẸP • BÁN RẺ

ĐÃ PHÁT HÀNH

4/66

thân phận con người
TRUYỆN AKUTAGAWA RYUNOSUKE
BẢN DỊCH CỦA DIỄM-CHÂU

ĐÓN COI

5/66

viên đạn đồng chữ nổi
TRUYỆN DÀI MAI-THẢO

TẬP - SAN



XUẤT - BẢN